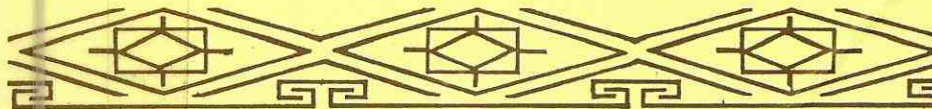


ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
CHI BỘ XÃ PHAN SƠN - HUYỆN BẮC BÌNH

LSD
X013

Phan Sơn

TRUYỀN THỐNG KHÁNG CHIẾN 1945 - 1975



XUẤT BẢN THÁNG 5 NĂM 1999



Đại biểu về dự Hội thảo lịch sử xã Phan Sơn.

Ảnh bìa 1 : Một góc Phan Sơn ngày nay. Ảnh :-TAM MỸ

PHAN SƠN

TRUYỀN THỐNG KHÁNG CHIẾN

(1945 - 1975)

- Ban chỉ đạo biên soạn : CHI ỦY PHAN SƠN
- Chịu trách nhiệm xuất bản : K'BÉ
- Biên tập : KHUÊ KHÚC KHẢI
- Sửa bản in : VŨ HỮU HUỲNH
CỬU VĂN THẮNG
- Bìa : LÊ MINH NGẪU

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT
1155 EAST 58TH STREET
CHICAGO, ILLINOIS 60637

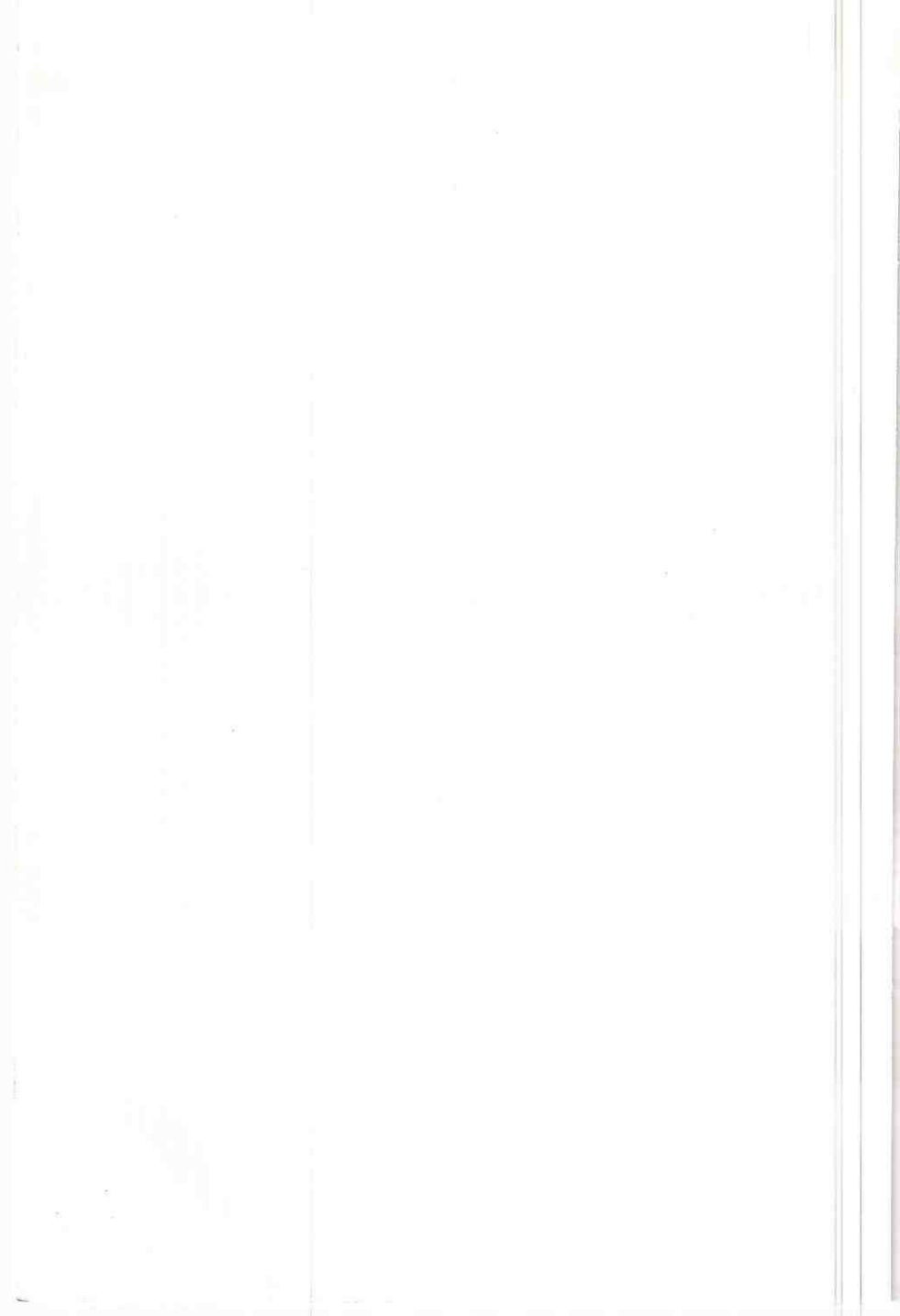
Dear Sir:

I have the pleasure to inform you that your application for admission to the Ph.D. program in Physics has been accepted. You will receive a letter from the Registrar regarding the details of your admission and the requirements for the program.

Very truly yours,
[Signature]



Công nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND của Xã.



LỜI NÓI ĐẦU

Phan Sơn là căn cứ cách mạng của huyện Phan Lý, tỉnh Bình Thuận và Khu V, Khu VI suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Phan Sơn có nhiều thành tích trong chiến đấu, trong bảo vệ căn cứ, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, bảo vệ an toàn hành lang chiến lược, giữ mạch máu giao thông thông suốt trong 30 năm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, Phan Sơn - K' Lon, một địa danh mà ai đã từng chiến đấu công tác tại căn cứ này dù xa mãi cũng không thể nào quên.

Là một xã dân tộc chủ yếu gồm hai tộc người, là K'ho và Rắclay ; đồng bào có cuộc sống chân thật, đoàn kết, có lòng tin sâu sắc vào Đảng, Bác Hồ, phấn đấu không mệt mỏi để xứng đáng là con cháu Bác Hồ, chiến đấu kiên cường, dũng cảm bảo vệ căn cứ, buôn làng, bảo vệ Đảng và Bác Hồ.

Phan Sơn có cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng, xã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Mừng vui đón chào thành tích mà

Đảng và Nhà nước đã ghi công. Chi ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã đã ghi lại những thành tích của đồng bào trong 30 năm kháng chiến được thể hiện trong tập sách "Phan Sơn - Truyền thống kháng chiến 1945 - 1975".

Tập sách ra đời đáp ứng với lòng mong mỏi của đồng bào Phan Sơn. Nhưng thời gian thì dài, tư liệu nhân chứng thì sưu tầm chưa đủ, chưa hết, do vậy cấp ủy Phan Sơn mong bạn đọc gần xa cho ý kiến góp ý từ hình thức nội dung để sau này cấp ủy xã sẽ biên tập lại hoàn chỉnh.

Cấp ủy xã Phan Sơn xin chân thành cảm ơn các đồng chí đã đóng góp tư liệu, hội thảo, biên tập, chỉnh biên tập sách này ; xin cảm ơn Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bắc Bình đã tập trung chỉ đạo công trình này.

Đây là hành trang truyền thống của lớp trẻ Phan Sơn bước vào thế kỷ 21, thế kỷ CNH - HĐH, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, đưa Phan Sơn đi lên ấm no hạnh phúc.

BÍ THƯ CHI BỘ

K' BÉ

Phần thứ nhất

VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI PHAN SƠN

Phan Sơn là xã vùng núi cao thuộc huyện Bắc Bình - tỉnh Bình Thuận. Phía Đông giáp xã Phan Lâm, phía Nam giáp xã Sông Lũy ; phía Tây giáp 2 xã Tam Bố, Bảo Thuận thuộc huyện Di Linh và phía Bắc giáp xã Ninh Loan thuộc huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng.

Là vùng đất kéo dài của cao nguyên Lâm Viên từ Lâm Đồng xuống Bình Thuận, cũng là dãy núi của núi rừng Trường Sơn tiến dần xuống vùng biển, nên Phan Sơn được bao bọc bằng núi đồi trùng điệp, có độ dốc từ 0° đến 10° theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, thấp dần về phía đồng bằng hạ lưu Sông Lũy. Phan Sơn có nhiều đỉnh núi cao, độ cao trung bình là 728,50m so với mặt biển. Đó là các đỉnh LaBách, Limpar.

Phan Sơn có diện tích tự nhiên 15.489 ha ; chủ yếu là rừng rậm nhiệt đới, nhiều tầng, đất Ba-zan và đất sét. Vị trí địa thế Phan Sơn là vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, cho nên rừng núi Phan Sơn đã được chọn làm căn cứ trong 30 năm chiến tranh giải phóng của khu, tỉnh và huyện Phan Lý. Rừng Phan Sơn là nơi che cho bộ đội, là nơi vây quân thù.

Phan Sơn cách bờ biển khoảng 40km đường chim bay ; khí hậu Phan Sơn ôn hòa hơn khí hậu các nơi trong huyện Bắc Bình. Nhiệt độ trung bình từ 22oC đến 26oC và thường thay đổi theo mùa. Có hai mùa mưa nắng rõ rệt ; mùa mưa lệ thuộc vào gió Tây Nam bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, mưa nhiều nhất vào tháng 7 đến tháng 9, lượng mưa trung bình từ 700mm - 1.200mm. Mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Về mùa này thường có sương mù, vào ban đêm thường có gió lạnh. Cũng như vùng Bắc Bình, Phan Sơn ít bị bão, tuy nhiên đôi lúc chịu những trận lũ quét, gây thiệt hại cho sản xuất.

Phan Sơn có nhiều suối và 4 con sông là sông K' Lon, sông Chóa, sông Mạđeh, sông Kê

Dun. Do độ dốc cao nên mùa mưa nước chảy siết, thường gây ra lũ quét và mùa khô một số sông cạn nước. Sông Chóa bắt nguồn từ núi Sao Mai, sông K' Lon bắt nguồn từ núi Brah - Yang, chảy qua núi La Báh và É Chim ; sông Chóa và sông K' Lon hợp lưu tại làng Tân Dương, nguồn nước này được đổ về Sông Lũy để tưới cho trung du và đồng bằng huyện Bắc Bình.

Vùng rừng Phan Sơn có nhiều loại gỗ quý như : Cẩm lai, gỗ, sao, dầu lông, thông... Trong rừng có nhiều loại chim và thú quý hiếm như : Hổ, báo, gấu, voi, hươu, nai, vọc, khỉ...

Về thổ nhưỡng Phan Sơn có đất đỏ Bazan và đất sét, đất sét có chứa quặng bô-xít. Đất rừng tại đây thích hợp với nhiều loại cây nông nghiệp như : Lúa, bắp, mì và đậu các loại. Đất vùng này cũng thích hợp với cây công nghiệp và cây ăn quả.

Để khai thác đất nông nghiệp có kết quả, trước đây người dân Phan Sơn đã biết làm các đập tạm Tân Hơơ và đập Ka Tây để ngăn nước tưới cho 7 ha ruộng lúa nước. Sau năm 1975 cuộc vận động nhân dân bỏ tập quán du

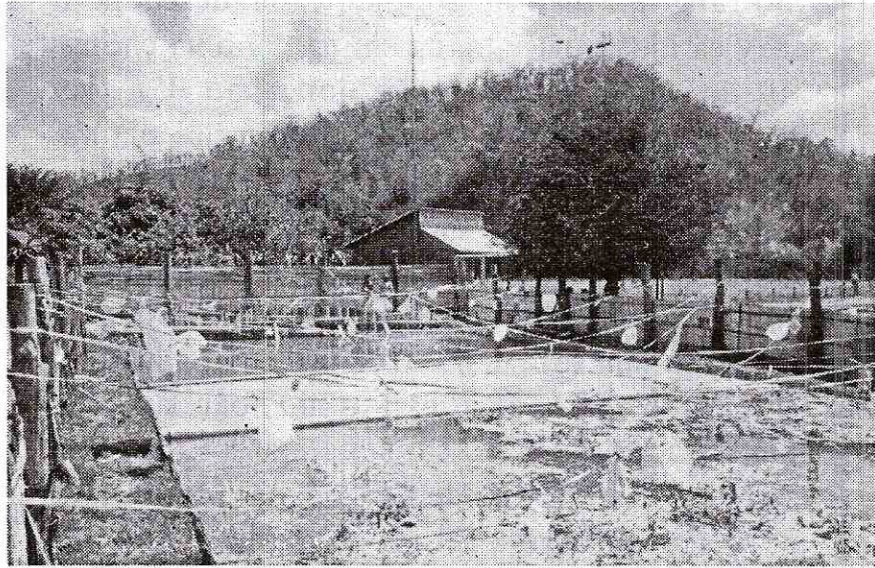
canh, du cư, huyện đắp 4 đập nước là : Đập Yayu, đập Madeh, đập Răm Mao, đập Ruộng Làng để tưới cho 150 ha ruộng từ 1 vụ lên 3 vụ/năm.

Hệ thống giao thông Phan Sơn trước đây chủ yếu là đường đi bộ của đồng bào các dân tộc. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ta thiết lập các trục giao thông liên hoàn từ căn cứ Phan Sơn nối với Lâm Đồng, Khu VI với Hàm Thuận, Ninh Thuận, với đồng bằng và Khu Lê Hồng Phong đảm bảo bí mật, cơ động, an toàn. Hành lang chiến lược này luôn bị đánh phá nhưng địch không sao triệt phá được. Sau năm 1990, tỉnh mở con đường bộ nối liền Chợ Lầu với Phan Sơn làm cho các loại xe đi lại thuận lợi tạo điều kiện giao lưu kinh tế, văn hóa, đời sống dễ dàng.

Về kinh tế, trước Cách mạng tháng Tám, đồng bào dân tộc Phan Sơn sống trong rừng sâu, thuộc tổng Thuận - Giáo của huyện Phan Lý. Cuộc sống du canh du cư, phát rừng làm nương rẫy, sản xuất tự cấp, tự túc, trình độ canh tác thấp, kỹ thuật sản xuất lạc hậu, thu nhập thấp nên cuộc sống rất cơ cực. Đã vậy còn bị

bọn tống, làng o ép áp bức, thiên nhiên khắc nghiệt, bệnh tật hoành hành, nên nhiều người dân bị chết vì sốt rét và các bệnh dịch khác. Với phương thức canh tác lạc hậu, sống dựa vào rừng, lại theo lối sống du canh, du cư, nên ngay cả những năm tháng chống Pháp và chống Mỹ đời sống vật chất của đồng bào dân tộc Phan Sơn vẫn khó khăn. Sau ngày giải phóng 30-4-1975, thực hiện cuộc vận động định canh, định cư, đời sống vật chất và tinh thần mới dần dần khá lên. Ngoài kinh tế nông lâm nghiệp là chính, các tộc người của Phan Sơn còn làm các nghề phụ như rèn, đan lát, dệt thổ cẩm... nhưng chủ yếu là sản xuất tự cấp tự túc hoặc làm vật trao đổi. Nghề dệt thổ cẩm của người K'ho, Mạ có hoa văn trang trí đẹp, nghề này được đầu tư, có thể phát triển tốt và trở thành hàng hóa. Ngoài thời gian làm lúa, làm nương rẫy, phần lớn thời gian nông nhàn đồng bào vào rừng khai thác lâm đặc sản như : Tre, song mây, dầu rái, dầu thông, xăn măng, lấy mật ong.

Đến nay, nhân dân Phan Sơn đã sống định canh định cư theo quy hoạch ; làm ruộng lúa nước, làm vườn rừng, lập các vườn cây ăn trái



Ao nuôi cá gia đình.

theo mô hình trang trại nhỏ, bà con đã khai thác 150 ha ruộng lúa nước, làm 3 vụ/năm nên đã tự lo được lương thực cho mình. Huyện làm đường giao thông Chợ Lầu - Phan Sơn nên nhiều sản phẩm do bà con sản xuất đã được đem bán dưới các xã vùng đồng bằng. Đặc biệt ngành chăn nuôi gia súc đã được chính quyền, chi bộ coi trọng và có hướng phát triển tốt. Đàn trâu, bò, dê là những con nuôi chính của đồng bào Phan Sơn, góp phần tạo thu nhập về kinh tế. Huyện đã cử cán bộ khoa học - kỹ thuật hướng dẫn phương pháp canh tác và các biện pháp xử lý kỹ thuật nên sản xuất nông nghiệp của xã ổn định và phát triển. Về công cụ sản xuất cũng có nhiều tiến bộ ; dân Phan Sơn hôm nay đã có máy cày tay, máy tuốt lúa, máy xay xát, và các công cụ cải tiến khác làm cho bộ mặt kinh tế Phan Sơn có nhiều khởi sắc.

Về văn hóa - xã hội : Trước năm 1945, đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào dân tộc Phan Sơn ở trình độ thấp, các tập tục như : Cúng giàng, kiêng cử, mê tín dị đoan, bùa dầu, thầy cúng, thầy mo, ma lai, bùa ếm phát triển. Đồng bào dân tộc Phan Sơn biểu hiện tộc quyền

trong quan hệ xã hội là đặc trưng nổi bật. Trong làng có chủ làng giữ vai trò chủ trì ; đó là những già làng, tộc trưởng nên các thành viên tôn sùng và kính trọng. Trong truyền thống xã hội, nét nổi bật là tinh thần thương yêu đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là người cùng làng, cùng họ, cùng chi tộc. Đồng bào có truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, để bảo vệ cuộc sống yên bình. Đặc biệt đồng bào Phan Sơn đã tin thì lòng tin ấy ít khi bị lay chuyển. Bà con không thích nói suông, ghét thói gian dối, thích thật thà, nói là làm. Chính nhờ những đức tính quý báu đó mà suốt trong những năm chống Pháp và chống Mỹ dù khó khăn gian khổ đến đâu, bà con cũng theo Đảng, theo Cụ Hồ đến cùng. Bọn Pháp, Mỹ, nguy quyền tay sai dù có thủ đoạn thâm độc đến đâu cũng không chia rẽ được nhân dân Phan Sơn với Đảng và Cách mạng.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, đồng bào dân tộc Phan Sơn không ai biết chữ. Trong kháng chiến chống Pháp, huyện Phan Lý cử cán bộ lên làm công tác bình dân học vụ, dạy chữ cho đồng bào. Đến kháng chiến chống Mỹ các đồng chí trong Đội công tác Phan Lý tiếp tục

dạy chữ cho con em đồng bào dân tộc. Từ năm 1975 đến nay, học văn hóa trở thành nhu cầu không thể thiếu được của nhân dân trong xã. Ông Huỳnh Đôn, Chủ tịch xã Phan Sơn đã nói “dân Phan Sơn có thể đổi cái gạo chứ không thể đổi cái chữ”. Do vậy, xã Phan Sơn trở thành lá cờ đầu của tỉnh Thuận Hải về bổ túc văn hóa. Hiện nay, xã đã hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục và có 575 học sinh học từ lớp 1 đến lớp 5. Các em học từ lớp 6 đến lớp 12 được học tại trường dân tộc nội trú của huyện và tỉnh.

Trước đây đời sống của đồng bào dân tộc Phan Sơn bị thiếu đói, bị bệnh tật triền miên. Có gia đình đã chết hết vì bị dịch tả, bị bệnh sốt rét, bấu cổ. Ốm đau không có thuốc men, bệnh dịch không ai lo dập dịch, con cái sinh ra nhiều nhưng vì bệnh tật và các tập tục lạc hậu làm chết mòn, chết mỗi. Mãi tới ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng bào trở về buôn làng cũ, huyện cử các đoàn y tế lên công tác, lập trạm xá chữa bệnh cho dân. Nhờ làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe, làm vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, thường xuyên

khám chữa bệnh và thực hiện các chương trình y tế quốc gia mà sức khỏe của đồng bào ngày càng tốt hơn. Bệnh sốt rét, bấu cổ, lao và các bệnh xã hội bị đẩy lùi. Xã có trạm xá, có y sĩ là người dân tộc, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân từ khâu khám, chữa bệnh tại chỗ đến việc chuyển lên tuyến trên đều thuận tiện.

Về cư dân và quá trình hình thành Phan Sơn có nhiều biến đổi theo thời gian và không gian. Tại Phan Sơn chủ yếu có hai tộc người : Tộc K'ho và tộc Rắclay, có thêm người Chăm và một vài tộc người khác. Người K'ho và Rắclay ở Phan Sơn nói và nghe được tiếng Việt. Người K'ho và Rắclay không có chữ viết riêng nhưng lại nói và nghe được tiếng Chăm ; ngôn ngữ sử dụng giao tiếp và chữ viết theo chữ quốc ngữ. Người K'ho từ Di Linh (Lâm Đồng) di cư xuống. Người Rắclay di cư từ Đơn Dương (Lâm Đồng) xuống. Hai tộc người này và người Chăm có gốc là người bản địa của huyện Bắc Bình.

Theo lời kể lại của các già làng thì trước đây không nhớ bao mùa rẫy, có hơn 100 gia đình người K'ho từ Di Linh (có gốc tại Tam Bố

và Bảo Thuận, huyện Di Linh, Lâm Đồng) với hơn 600 người di cư xuống khai phá và lập nên 6 làng nhỏ, thuộc cai quản của tổng Tuân Giáo, huyện Phan Lý. Có một bộ phận tộc người Rắclay di cư từ Đơn Dương - Lâm Đồng xuống khai thác vùng K'Lon, một số sống chung với tộc K'ho, một số tách ra lập làng riêng, làng của người Rắclay chính là dân tộc của xã Phan Sơn ngày nay.

Người K'ho và người Rắclay ở Phan Sơn cư trú theo gia đình lớn, chi tộc và cộng đồng làng. Mỗi làng có trưởng làng điều hành các công việc chung, giám sát thực hiện các qui ước của cộng đồng làng về tín ngưỡng, phong tục tập quán. Theo phong tục của người K'ho và Rắclay các chi tộc có các họ tộc, các gia đình lớn. Mỗi họ tộc thường có tên riêng theo những chi tộc, họ tộc. Người Rắclay thường có các họ Mang, họ Mơ, người K'ho thường có họ K'.

Về tín ngưỡng, người K'ho và Rắclay Phan Sơn thờ cúng tổ tiên ông bà. Việc cúng chung của làng là cúng Thành Hoàng làng, thần Núi, thần Sông, thần Đất.

Khác với những người K'ho, Rắclay ở các địa phương khác, đạo thiên chúa, đạo tin lành, đạo phật và các đạo khác có đến truyền giáo nơi đây, nhưng các dân tộc Phan Sơn không theo tôn giáo nào.

Về lễ hội, người K'ho và Rắclay có tết “Đầu lúa” theo tiếng địa phương là : Nhô Vre R'he (đem cộng rạ về nhà). Việc ăn tết trước đây theo từng gia đình. Tết được ăn từ tháng chạp âm lịch đến hết tháng giêng âm lịch năm tới. Mỗi gia đình có dựng cây nêu, lập bàn thờ tết, cúng tổ tiên ông bà và ăn uống vui vẻ, thăm viếng lẫn nhau. Lúa mẹ được trồng trên nương, chăm sóc kỹ, khi lúa chín các gia đình suốt bằng tay, đem về phơi khô, giã thành gạo và làm gạo cúng tổ tiên ông bà. Lúa mẹ gạo dẻo, thơm và rất ngon. Để có hạt lúa mẹ, người dân tộc Phan Sơn phải có 4 lần cúng : Cúng lúa gieo hạt, cúng lúa làm đồng, cúng lúa trở bông, cúng lúc suốt lúa mang về nhà và tổ chức tết đầu lúa.

Về mặt tín ngưỡng, mỗi chi tộc có các đặc điểm và hình thức riêng. Tộc người K'ho Phan

Sơn có hai chi tộc K'ho Thấp và K'ho Mạ có các đặc trưng về tập tục riêng :

- Chi tộc K'ho Thấp : Tháng 3 âm lịch bà con cúng R'oya (cúng xuống vụ), đến cuối năm ăn tết Nhô Vrê R'he. Các gia đình ăn tết, kéo dài từ 15 tháng chạp âm lịch đến hết tháng giêng năm mới.

- Chi tộc K'ho Mạ : Hàng năm tổ chức 4 lần cúng, tháng 4 cúng xuống vụ, cúng lúa làm đòng, cúng lúa trở, cúng lúa sau thu hoạch. Đến tháng chạp thì ăn tết. Người K'ho Mạ ăn tết tùy theo từng gia đình. Tết ăn dài ngắn không có quy định ngày, ngày tết không dựng cây nêu trước nhà.

- Chi tộc Rắclay : Có 3 lần cúng, cúng cầu cho lúa tốt, cúng kiêng ky (Wer), cúng Kổ paday (cúng lúa thu hoạch xong), ăn tết vào tháng chạp đến hết tháng 4 âm lịch năm sau.

Về tang chế, người chết để trong nhà từ 3 đến 7 ngày, làm đám cúng giết trâu, mổ heo, sau đó mới đem chôn. Số tài sản trong gia đình được chia đều cho cả người sống và người chết. Phần tài sản của người chết được đem theo để

trên mộ người chết. Ngày nay phân tài sản như trâu, bò thường được chia tượng trưng.

Người K'ho Mạ chỉ cúng người chết một lần rồi đem chôn, không có làm đám, làm tang.

Người Rắclay khi chết, thời gian chỉ để 1 đến 2 ngày. Sau khi thầy cúng làm xong các thủ tục thì đem chôn, đến giáp năm thì dựng nhà mồ lợp tranh đơn giản, sau đó bỏ luôn.

Người K'ho và người Rắclay khi chết đều chôn và sau đó không có cải táng.

Về việc cưới : Tộc người K'ho và Rắclay theo phong tục mẫu hệ. Người phụ nữ đi hỏi chồng, sau khi cưới, người chồng ở bên nhà vợ. Tuy theo tập tục mẫu hệ, người K'ho, Rắclay đều theo chế độ 1 vợ 1 chồng. Nếu vợ hoặc chồng ngoại tình thì sẽ bị làng phạt. Quyền thừa kế tài sản thuộc về người con gái út. Người Rắclay và K'ho Thấp còn có tục thách cưới, nhà gái phải có của hồi môn cho nhà trai. Nếu nhà gái quá nghèo mà đôi trai gái thương yêu nhau và được gia đình chấp thuận thì chàng trai về ở với cô gái như vợ chồng. Sau này làm ăn khá giả thì tổ chức cưới chính thức. Riêng người

K'ho Mạ thì phải có người làm mai. Thủ tục thách cưới cũng rất rườm rà, nặng nề.

Trước giải phóng, phong tục cưới hỏi còn nặng nề và phức tạp. Con trai, con gái 13 tuổi - 14 tuổi đã lấy nhau, nạn tảo hôn rất nhiều. Sau ngày giải phóng nạn tảo hôn dần dần loại bỏ ; thực hiện theo luật hôn nhân và gia đình. Đảng và Nhà nước đã vận động bà con K'ho, Rắclay theo nếp sống mới, nên các tập tục lạc hậu về cưới hỏi giảm hẳn. Những đám cưới theo nếp sống mới đã được đồng bào các dân tộc Phan Sơn đồng tình ủng hộ, những nét đẹp truyền thống về phong tục được lưu giữ, những hủ tục lạc hậu dần dần từng bước được loại bỏ.

Từ sau năm 1975 đến nay, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân Phan Sơn có những thay đổi lớn. Từ cuộc sống du canh, du cư, phát rừng làm rẫy, chọc lỗ tria hạt, cuộc sống nghèo đói về vật chất, chết vì bệnh tật, dân trí thấp vì không được học hành, đời sống tinh thần nghèo nàn, phong tục tập quán lạc hậu không còn nữa. Đảng bộ huyện Bắc Bình đã tiến hành kiên trì cuộc vận động bà con K'ho, Rắclay định canh, định cư, khai phá 150 ha lúa nước, đắp đập, hướng dẫn khoa học kỹ

thuật, Phan Sơn hôm nay lúa đã có 3 vụ, từ chỗ đói, đến nay bình quân lương thực đầu người đã đạt trên 300 kg/năm.

Huyện đầu tư làm đường Chợ Lầu - Phan Sơn, xây dựng trường tiểu học, xây trạm xá, quy hoạch các thôn, phát động nhân dân lập vườn, chăn nuôi gia súc, đầu tư khoa học kỹ thuật cho Phan Sơn. Nhờ đó mà cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Phan Sơn đã có nhà xây mái ngói, có cát sét, tivi. Nhiều nhà sắm máy bơm, máy cày tay, máy tuốt lúa. Trường học Phan Sơn khang trang có đủ thầy cô giáo giảng dạy. Phan Sơn đã có em học cấp 2, cấp 3. Phan Sơn đã được nhà nước xét thành tích trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Cuộc sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc Phan Sơn được nhà nước thực sự quan tâm, từng bước được thoát đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, cùng cả huyện bước vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, đưa vùng căn cứ Phan Sơn ngày càng giàu đẹp.

Phần thứ hai

PHAN SƠN, 30 NĂM KHÁNG CHIẾN

CHỐNG GIẶC NGOẠI XÂM

(1945 - 1975)

**I - SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
XÂY DỰNG VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN
NHÂN DÂN (1945 - 1946) :**

Dưới sự lãnh đạo của Ban vận động Việt minh lâm thời tỉnh, ngày 24-8-1945 nhân dân Bình Thuận cùng nhân dân cả nước giành được chính quyền về tay nhân dân. Tiếp đến các huyện trong tỉnh lần lượt giải tán chính quyền địch thành lập chính quyền cách mạng.

Tại huyện đường Phan Lý, với khí thế sôi nổi đầy tự hào và trang nghiêm, gần 500 đồng bào đại diện cho các tầng lớp nhân dân từ miền

núi đến miền xuôi sung sướng ngắm nhìn lá cờ đỏ sao vàng được từ từ kéo lên đỉnh cột cờ giữa nền trời xanh của mùa thu tháng Tám. Trong buổi lễ mít tinh chào mừng thắng lợi và ra mắt chính quyền mới, thay mặt Ban tổ chức, ông Dụng Thiết đọc diễn văn chào mừng thắng lợi to lớn của đồng bào các dân tộc thiểu số cùng đồng bào Kinh vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân ngày 28-8-1945 ; đồng thời động viên toàn thể đồng bào hãy ra sức đoàn kết giữ gìn và bảo vệ chính quyền mới. Lễ mít tinh kết thúc, đoàn người giương cao cờ và hô vang những khẩu hiệu.

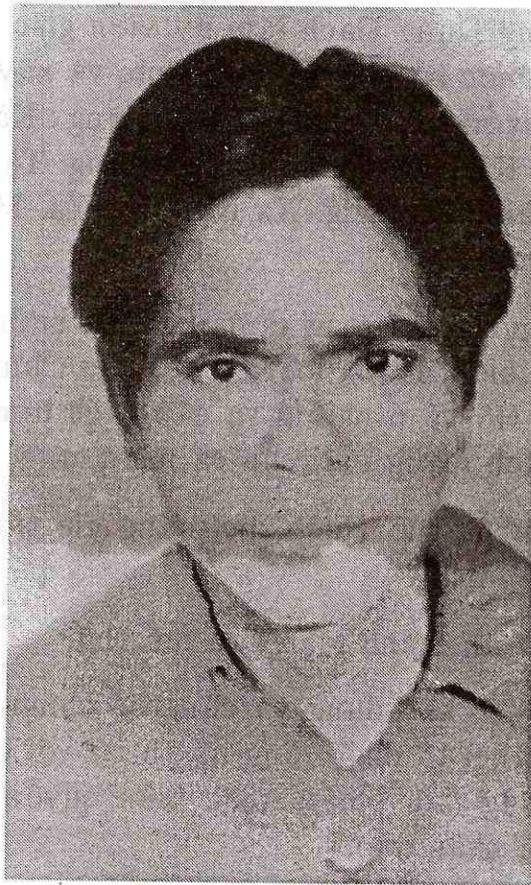
- *“Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm !*

- *Việt Nam muôn năm !*

- *Ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh !”*.

Như vậy, giai đoạn thống trị của Pháp trước đó và sự cấu kết xâm lược tiếp theo của Pháp - Nhật trên quê hương Bắc Bình và cả nước đã chấm dứt.

Từ địa vị của những người nô lệ, mất nước nay nhân dân ta đã thực sự làm chủ vận mệnh của mình.



*Huỳnh Đôn (Mang Đôn) - Chủ tịch xã K'Lon
trong kháng chiến chống Pháp)*

Sau khi Ủy ban Cách mạng lâm thời huyện Phan Lý được thành lập, vào cuối tháng 9 năm 1945, ông Dụng Gạch làm ủy viên giao thông huyện, được cử phụ trách tổ chức và xây dựng chính quyền cơ sở gồm các buôn làng : Kà Don, Tà Líp, Kà Lon, Chăm Ru, Curxăng, Tà Mâu, Thâu Tàra, Tà Pang, Xa Nan, Ka Ya, Muhoa, Xốp, Chóa...

Hơn 100 hộ trong xã đã tích cực hưởng ứng và thực hiện những lời kêu gọi của Chính phủ và Bác Hồ về 6 nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn cách mạng mới của cả nước ta.

Một là, mở chiến dịch tăng gia sản xuất cứu đói.

Hai là, thanh toán nạn mù chữ.

Ba là, xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, tổ chức tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ nhân dân.

Bốn là, mở rộng phong trào giáo dục tinh thần : Cần, kiệm, liêm chính, loại trừ các thói hư tật xấu.

Năm là, hủy bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, nghiêm cấm hút thuốc phiện.

Sáu là, tuyên bố quyền tự do tín ngưỡng, đoàn kết các dân tộc, tôn giáo.

Song song với đẩy mạnh sản xuất, mở rộng diện tích gieo trồng và học cái chữ để kháng chiến và kiến quốc trong bối cảnh giặc Pháp đang lăm le trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, các buôn làng thành lập Đội tự vệ với trang bị : 1 súng mousqueton và 2 súng sào vịt. Đội tự vệ gồm có 6 đồng chí : Mang Xi, Mang Giai, Mang Đôn (tức là Huỳnh Đôn) và đồng chí Mang Hóa làm đội trưởng. Nhiệm vụ của Đội là bảo vệ cán bộ lãnh đạo, bảo vệ chính quyền, giữ gìn an ninh trật tự buôn làng và làm liên lạc dẫn đường cho các đơn vị bộ đội vũ trang tuyên truyền.

Trong thời kỳ này, đất nước ta còn nhiều khó khăn về tài chính, đồng bào đã hăng hái thực hiện cuộc vận động “Tuần lễ đồng”... tự nguyện quyên góp nôi đồng, tiền xu, các thứ đồng thau quý hiếm thờ cúng tổ tiên hiến cho nhà nước đúc súng đạn, đánh giặc. Giá trị các hiện vật đã thể hiện bằng tình cảm son sắt, tin

vào tiền đồ dân tộc và Chính phủ Cụ Hồ. Ngoài ra, đồng bào còn hưởng ứng cuộc vận động xây dựng “hũ gạo cứu quốc” để nuôi quân đánh giặc.

Từ khi giành được chính quyền Cách mạng tháng Tám đến tháng 12 năm 1945, tình hình trong toàn quốc diễn biến hết sức phức tạp. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, Pháp gây hấn ở Sài Gòn - Gia Định và nhân dân Nam bộ kháng chiến. Núp dưới bóng quân đồng minh giải giáp Nhật, Pháp tìm mọi cách xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Trước âm mưu của giặc, đồng bào các buôn làng cùng huyện nhà vừa tập trung xây dựng và củng cố chính quyền, vừa chuẩn bị mọi lực lượng và điều kiện để đánh Pháp ; đồng thời ráo riết chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 6 tháng 1 năm 1946 sắp tới.

Bằng mọi cách, cán bộ nòng cốt, cơ sở đến từng cụm dân cư sống rải rác theo từng con suối, sườn núi để tuyên truyền giải thích và lấy ý kiến ủng hộ hoặc tham gia trực tiếp bầu chọn, góp những lá phiếu cùng huyện và cả tỉnh đạt hơn 95% cử tri đi bầu với kết quả 2 đại biểu

trúng cử. Đó là ông Nguyễn Tường và ông Huỳnh Tấn Đối. Thắng lợi của cuộc bầu cử có ý nghĩa sâu sắc trong đời sống chính trị của nhân dân, nó khẳng định Nhà nước của Đảng và Chính phủ Hồ Chí Minh lãnh đạo - Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

II - CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC CỦA NHÂN DÂN PHAN SƠN (1946 - 1954) :

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công chỉ được 5 tháng thì ngày 30-01-1946, quân Pháp từ Phan Rang tiến đến địa phận các huyện Hòa Đa, Phan Lý, dùng xe cơ giới có cấm cờ đỏ sao vàng của ta để nghi binh. Chiếm xong các khu vực này chúng để lại một đại đội lính Âu Phi đóng tại đồn Hòa Đa. Ngày 31-01-1946, chúng tiến vào chiếm Phan Thiết, âm mưu của chúng là tiêu diệt lực lượng và chính quyền non trẻ của ta, lập bộ máy chính quyền tay sai của chúng từ Phủ (tức huyện) đến xã. (1)

(1) Ngày 25-01-1946, Pháp dùng 140 xe chở quân từ Biên Hòa lên đánh chiếm Di Linh, Đà Lạt, theo đường 11 (nay quốc lộ 27) đánh chiếm Phan Rang.

Nhiều cuộc càn đi quét lại đốt phá xóm làng, giết chóc dã man đồng bào miền xuôi, quân Pháp đồn Hòa Đa bung ra đóng các đồn nhỏ ở những vị trí quan trọng như : Các đầu mối giao thông, các khu đông dân, nhà ga, cầu đường... và xây dựng mỗi nơi lực lượng một tiểu đội lính Âu Phi chốt giữ. Từ các đồn bót này, chúng ra sức khủng bố các làng lân cận kể cả vùng xa xôi và các làng không chịu lập hội tề.

Đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, chúng âm mưu kích động mâu thuẫn dân tộc với chính quyền “Chăm - Thượng phục hưng”, dùng người Chăm, người Thượng chống lại người Việt.

Quân Pháp mở nhiều đợt càn quét từ Lệ Nghi, Cây Khâm, Bá Ghe, La Bá đến K'Lon, thực hiện chính sách “tam quang”. Đi đến đâu, chúng đốt sạch, phá sạch và giết sạch, gây cho cán bộ và nhân dân ta nhiều thiệt hại đến tính mạng và tài sản hồng triệt nguồn kinh tế, phá hoại vùng tự do, căn cứ cách mạng, diễn ra cảnh tang tóc đầy uất hận. Nhiều đồng bào đồng chí bị giết chết và bị thương.

Nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản, lực lượng cơ sở, du kích đã hướng dẫn đồng bào di chuyển chỗ ở dưới tán cây, rừng sâu và cứ vài ba tháng lại di chuyển nên cuộc sống của đồng bào thường xuyên không ổn định, đời sống trăm bề khó khăn.

Những tháng đầu năm 1946 là thời kỳ phong trào đấu tranh cách mạng gặp nhiều khó khăn tổn thất từ huyện đến cơ sở. Sau một thời gian ổn định vùng kiểm soát, thực dân Pháp ra sức tăng cường hiệu lực củng cố và xây dựng hệ thống hành chính, đưa Thanh Giác (1) làm tri huyện Phan Lý và một số tên tay sai phản động khác dựng lên hệ thống Bang tá.

Mặc cho quân thù khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, lực lượng cách mạng vẫn đứng vững và không ngừng phát triển trong lòng quần chúng. Dân quân tự vệ tổ chức canh gác tuần tra, mỗi khi phát hiện địch thì bắn súng báo động cho dân làng biết để sơ tán lánh tránh,

(1) Thanh Giác : Nguyên là Chủ tịch UBCMLT huyện Phan Lý sau khi giành chính quyền cách mạng tháng Tám, bị địch dụ hàng và phục vụ cho chúng.

và sau khi chúng rút quân thì tổ chức trở về buôn làng ổn định cuộc sống và sản xuất. Cán bộ và đồng bào một lòng, một dạ theo Đảng và Bác Hồ. Vì thế, địch không thực hiện được gom lùa đồng bào dân tộc vào khu tập trung kiểm soát của chúng cũng như chúng không xây dựng được bộ máy tề ngụy tại các buôn làng miền núi.

Để chỉ đạo kháng chiến, tháng 6 năm 1946 đồng chí Nguyễn Đức Dương - Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Bình Thuận trực tiếp triệu tập hội nghị tại một địa điểm thuộc Cà Giây nhằm ổn định và củng cố chính quyền các cấp huyện Phan Lý.

Ông Lâm Nưng được cử làm Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện và sau khi ông bị địch bắt, tỉnh cử ông Văn Quyền - thay làm Chủ tịch. Ông Dụng Gạch làm Phó Chủ tịch, vẫn tiếp tục phụ trách các xã miền núi.

Cùng thời gian trên, các buôn làng miền núi Phan Lý được lập thành 3 xã Oan TaLíp, Ruxăng Tà Mâu và Giakaxanan. Trong đó, xã Oan TaLíp là xã Phan Sơn ngày nay, do đồng

chí Mang No làm Chủ tịch Ủy ban hành chính, bên cạnh có các tổ chức Ủy ban Việt minh và các đoàn thể quần chúng : Đoàn Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nông dân và các tổ chức xã hội khác. Các đồng chí Già Hóa, Mang Đôn, Mang No, Trần Thị Lái... là những nòng cốt cơ sở đầu tiên của xã. Các đoàn thể quần chúng hoạt động sôi nổi rộng khắp, kết nạp đoàn viên, vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị - kinh tế ở cơ sở.

Cuối năm 1946, đáp lời kêu gọi của Bác Hồ nhân ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), cán bộ và đồng bào xã Oan Ta Líp ra sức thực hiện chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công cuộc kháng chiến chống Pháp, kiên quyết không cho giặc chiếm buôn làng hòng thực hiện âm mưu xây đồn dựng bót.

Nhiệm vụ cụ thể trong tình hình mới vừa củng cố xây dựng chính quyền, vừa chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Phát triển du kích chiến tranh, ổn định đời sống, phát triển sản xuất, đảm bảo tự cung tự cấp, chống địch càn quét, dồn dân vào khu tập trung kiểm soát của

chúng ; đồng thời sẵn sàng chiến đấu bảo vệ buôn làng.

Ngoài sản xuất nương rẫy là chính, các ngành nghề truyền thống : Trồng bông, dệt vải, sản xuất nông cụ, cung nỏ, đan lát... được khôi phục. Đồng thời không còn dùng rế cây thay vải mặt như trước nữa hoặc dùng tre lồ ô đốt tro thay muối.

Để góp phần bảo vệ vững chắc địa bàn căn cứ, Đội du kích xã không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao ý chí chiến đấu của một lực lượng xung kích không những trụ bám, bảo vệ chính quyền cơ sở mà còn làm nhiệm vụ bảo vệ Đảng, chính quyền và các đoàn thể của huyện Phan Lý đứng chân trên địa bàn từ Lệ Nghi, Bá Ghe đến K'Lon. Đồng thời, hỗ trợ tích cực cho lực lượng cơ sở và du kích Châu Hanh - Thanh Kiệt (Phan Thanh), Hựu An (Phan Hiệp), Minh My, Hậu Quách (Phan Hòa) vũ trang tuyên truyền, giác ngộ đồng bào trong vùng địch tạm bị chiếm đấu tranh chống Pháp, đòi quyền dân sinh dân chủ, đòi đi lại làm ăn ở ruộng rẫy xa.

Mặt đối mặt với kẻ thù hàng ngày, đồng bào sống trong vùng chiếm đóng của chúng không ngừng đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ, làm ăn xa, ngủ lại rẫy và giao lưu hàng hóa, thực phẩm, lâm đặc sản với đồng bào miền núi tại Nưng Làng Tré thuộc vùng tự do (xã Bình An). Quan hệ sinh hoạt mua bán giữa các vùng với nhau trở nên nhộn nhịp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giữa vùng tự do và vùng địch hậu.

Từ thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh không được, liên tiếp trong 2 năm 1947 - 1948, thực dân Pháp thực hiện việc mở rộng vùng tạm chiếm. Đồng thời chúng tăng cường việc củng cố vùng chiếm đóng theo vết dầu loang, củng cố ngụy quân ngụy quyền từ quận xuống xã, đào tạo những tên tay sai trung thành với chúng.

Bằng các cuộc càn nhỏ và vừa, Pháp thực hiện âm mưu phá hoại kinh tế, phá hoại căn cứ và cơ sở của ta, gây nhiều tội ác với đồng bào ta từ Ba Cánh, Ma Hỷ, Lệ Nghi, Bá Ghe, La Bá, Kà Lon... đi đôi với tội ác này, chúng tăng cường dồn dân vào khu tập trung kiểm

soát và xây dựng nhiều đồn bót, tháp canh trên toàn địa bàn chiếm đóng hùng thực hiện âm mưu chia cắt nhân dân với cán bộ bên ngoài. Song, lực lượng cơ sở và du kích Oan TaLíp vừa tăng gia sản xuất, đảm bảo tự cấp tự túc lương thực, vừa xây dựng thế trận phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ buôn làng.

Đông đảo thanh niên các buôn làng miền núi hăng hái tham gia lực lượng du kích Chế Bồng Nga. Đến cuối năm 1947 được lệnh của cấp trên du kích của Phan Sơn xuống đồng bằng phối hợp với tiểu đoàn 89 thuộc trung đoàn 82 đánh các trận : Chợ Lầu, Xóm Thấp, Tà Lộ, Núi Rễ, Bàu Đá, Sông Mao ; mặt trận 15 - 16/3/1947 tại Thái An... Đặc biệt, đơn vị đã góp phần bắn cháy đoàn xe lửa địch từ Nha Trang đi Phan Thiết tại Sông Mao ngày 15-6-1946. Trong những chiến công đó, có sự đóng góp của các chiến sĩ là con em của buôn làng Oan TaLíp như các đồng chí : Mang Đôn, K'Lên, K' Teng, Nho, Tòng, Đồng, Nhội, Chuẩn, Culy... Trở lại địa bàn Đồng Nai Thượng, đơn vị phối hợp với bộ đội chủ lực và dân quân du kích các buôn làng, chặn đánh bọn địch từ Lâm Đồng

kéo xuống phá hoại mùa màng ở Bảo Hòa, buộc chúng phải tháo chạy. Phạm vi hoạt động tác chiến của đơn vị được mở rộng nhiều khu vực từ Nam Bình Thuận, Lâm Đồng đến Ninh Thuận. Cuối năm 1948, đơn vị Chế Bồng Nga - Châu Ro giải thể để thành lập đại đội miền Tây thực hiện chủ trương “Tây tiến” của tỉnh, giúp tỉnh Đồng Nai Thượng (tháng 10-1950 tỉnh Đồng Nai Thượng sát nhập với tỉnh Lâm Viên thành tỉnh Lâm Đồng). Do đó đơn vị được phân công làm hai bộ phận chính : Một bộ phận về huyện Phan Lý xây dựng bộ đội địa phương (gọi là Chế Bồng Nga 2), gồm các đồng chí : Hưng, Khoát, Minh, Tự... do đồng chí Ngọc (Già) huyện Đội trưởng chỉ huy. Một bộ phận về xây dựng lực lượng du kích cơ sở, đồng chí Dú Sai chỉ huy, nhiệm vụ chủ yếu của tổ du kích này là bám địa bàn vùng tạm kiểm soát của địch để hỗ trợ cho lực lượng cơ sở các xã vũ trang tuyên truyền nắm tình hình và bắt liên lạc cơ sở bên trong. Và số du kích còn lại của đơn vị có các đồng chí : K' Lền, K' Teng, Mang Lãng, Mang Khai, Trần Thị Lái tiếp tục chiến đấu bảo vệ xóm làng.

Thực hiện chủ trương của huyện thành lập liên xã Oan TaLíp, Ruxăng Ta Mâu và Giakaxanan nhập thành xã Tiến Hóa, đồng chí Tạ Đức Mạnh được cử làm ủy viên thường trực Liên Việt xã. Đồng chí Đặng Lợi làm Chủ tịch xã. Các bà : Bà PiDa, Già Oí, Già Klá, Già Moa và hơn 30 phụ nữ trong Hội mẹ chiến sĩ do Trần Thị Ngái phụ trách. Sau khi đồng chí Mạnh trên rút về huyện, đồng chí Đặng Chế Hoa làm Chủ tịch Liên Việt xã. Ủy ban hành chính xã từ đó đổi tên là Ủy ban kháng chiến hành chính (gọi tắt là Ủy ban kháng chiến). Phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân mới được phát triển rộng mạnh. Cán bộ và nhân dân không ngừng nêu cao tinh thần và ý chí chiến đấu, vừa tổ chức kháng chiến, vừa bảo vệ an toàn sản xuất nhằm thực hiện mục tiêu “Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ nhưng nhất định thắng lợi”.

Cùng thời gian trên, tình hình diễn ra rất ác liệt. Thực dân Pháp thường xuyên mở các đợt hành quân biệt kích, đột kích chớp nhoáng đánh phá các vùng tự do, căn cứ, gây cho cán bộ và đồng bào ta nhiều tổn thất. Các buôn

làng nhiều lần chuyển chỗ ở và dựng nhà sàn dưới tán cây trong rừng sâu ở khu vực Cà Lú. Một số cán bộ và chiến sĩ bị bắt, giết, tra tấn tù đầy, nhiều đồng chí đã dũng cảm, bất khuất trước lưỡi lê, họng súng của kẻ thù. Tiêu biểu là các đồng chí K' Lền, K' Teng... không khai báo, đầu hàng giặc và anh dũng hy sinh tại núi rừng La Bá.

Không thể thực hiện chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” thực dân Pháp buộc phải chuyển sang đánh lâu dài với âm mưu chiến lược mới, lấn chiếm theo vết dầu loang, dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Thực hiện âm mưu và thủ đoạn trên, chúng dồn đẩy đồng bào ở các làng Mai Lãnh, Trí Thái, Tịnh Mỹ vào khu tập trung xã Hựu An (nay xã Phan Hiệp). Riêng đồng bào Châu Hanh - Thanh Kiệt bị dồn vào khu tập trung xã Hậu Quách (nay xã Phan Hòa).

Ở miền núi, chúng ra sức củng cố và tiếp tục xây dựng các đồn Gia Bát (đoạn đường 8 lên Di Linh - Lâm Viên), đồn Lút Xe, đồn Tà

Lộ, đồn Tà Mon, Sa Ra và liên tục mở các đợt càn quét, đánh phá vào các vùng căn cứ, tự do, làm cho lực lượng cách mạng không liên lạc được thường xuyên với cơ sở bên trong tại các khu tập trung. Đây là một trong những thời kỳ khó khăn lớn của cuộc kháng chiến. Việc tiếp tế bị gián đoạn, cán bộ tìm cách móc nối cơ sở bị hy sinh hoặc tổn thất đáng kể. Riêng vùng rừng núi Phan Sơn chúng không xây dựng được đồn, bót. Ở các vùng tự do, căn cứ của đồng bào các buôn làng Oan, TaLíp vẫn là vùng tự do.

Vừa thực hiện chính sách càn quét chiếm đóng, vừa dồn dân lập “vành đai trắng”, thực dân Pháp và ngụy quyền quận Phan Lý đẩy mạnh xây dựng hệ thống đồn, bót, rào kẽm gai, mìn, lựu đạn xung quanh các vùng tạm kiểm soát của chúng. Chúng lập hệ thống Bang Tá, Hội đồng hương chính xã và tuyên truyền cho cái gọi là “độc lập” giả hiệu của Chính phủ Bảo Đại được dựng lên tháng 4 năm 1949.

Đối phó với địch, giữa năm 1949 nhiệm vụ đặt ra cho cơ sở : “Phát triển du kích chiến tranh ở vùng tự do, phối hợp với lực lượng bộ

đội, cảm tử đội, tự vệ đột kích vào các vùng mà ta nắm được cơ sở bên trong để xây dựng và phát triển cơ sở. Đồng thời, thực hiện chủ trương của tỉnh thành lập các xã Phan Hiệp, Phan Hòa, Phan Điền và vùng căn cứ Kà Lon làm hậu thuẫn chỉ đạo từ ngoài vào.

Cuối năm 1949, đầu năm 1950 tỉnh rút đồng chí Nguyễn Bích về, đồng chí Nguyễn Quý Đôn làm Bí thư huyện ủy Phan Lý.

Được sự lãnh đạo của huyện ủy và chính quyền huyện, cơ sở phát triển, củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động từ địa bàn Râm Tân PLá đến Bá Ghe. Các đồng chí Đôn, No, Kiên, Giai, Bích, Krai, Tai, Xi... đã hỗ trợ tích cực cho các xã vùng địch hậu Phan Hiệp, Phan Hòa vũ trang tuyên truyền, làm hậu thuẫn tích cực phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân chống địch bắt đi làm trâu, chống đốt và cướp lúa ngoài đồng, chống vợ vét tài sản ở các vùng đồng bào vừa sơ tán hoặc ngăn cấm việc đi lại thăm viếng bà con lẫn nhau giữa các vùng kèm với các vùng tự do, căn cứ, buộc địch phải nhượng bộ và giành được nhiều thắng lợi. Ngược lại, phong trào đấu tranh chống địch diễn

ra liên tục trong vùng địch hậu đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc giữ gìn và mở rộng vùng căn cứ kháng chiến ở miền núi từ K'Lon đến La Bá. Không những hỗ trợ vũ trang tuyên truyền phía trước, lực lượng cơ sở và du kích xã không ngừng cảnh giác, tổ chức canh phòng, bảo vệ buôn làng và đồng bào sản xuất trên nương rẫy ; hướng dẫn việc đào hầm cất giấu lương thực an toàn.

Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, cán bộ và đồng bào Oan TaLíp cùng lực lượng du kích La Bá liên tục chống giặc mở nhiều đợt càn quét buôn làng. Tiêu biểu là các trận đánh ngày 27-7-1949 tại vùng núi K'Lon, các đồng chí Mang No, Mang Hóa... đã khẩn trương tổ chức hướng dẫn dân làng sơ tán qua sông Mù U ; đồng thời phối hợp với bộ đội phục kích chặn đánh và đẩy lùi nhiều đợt phản công của quân Pháp và bọn ngụy các quận Phan Lý, Hòa Đa kéo lên có sự chi viện của bọn lính tiểu đoàn Ngự Lâm Quân từ Lâm Viên kéo xuống, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của đồng bào. Tháng 10 năm 1949, lực lượng cơ sở và du kích phối hợp với tiểu đoàn 86 đánh diệt đồn Lút Xe, thu 1

máy thông tin 15 Wát và một số súng đạn. Đầu tháng 1 năm 1950, tiếp tục phối hợp đánh giao thông trên đường 8 (đoạn Gia Bát đi Di Linh), diệt 1 xe quân sự, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự. Sau nhiều trận đụng độ với du kích và bộ đội chủ lực, thực dân Pháp không dồn được đồng bào vùng căn cứ vào khu tập trung kiểm soát, kế hoạch “Lập vành đai trắng” của chúng từng bước đã bị thất bại.

Để chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng tiến công và “phá khu an toàn của giặc, giành lại quần chúng, đẩy mạnh du kích chiến tranh là chủ yếu, diệt và làm tiêu hao sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta” (1). Tháng 5 năm 1950 Tỉnh ủy Bình Thuận đã quyết định mở chiến dịch hè với mật danh là “BTN”.

Triển khai thực hiện chiến dịch trên địa bàn huyện, cán bộ và đồng bào Oan TaLíp không ngừng động viên nhau khắc phục khó khăn, ác liệt và gian khổ ; đẩy mạnh phát triển sản xuất lương thực lúa, mì, bắp... cho bộ đội ăn no đánh

(1) Chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định mở chiến dịch hè BTN.

giặc. Đi đôi với sản xuất, từ vùng núi K'Lon đến giáp ranh giới Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, đồng bào đã bố phòng hầm chông từng mảng, từng vùng ; đặt bẫy chông, bẫy đá, bẫy cung theo những khe suối, hốc núi để phòng phía trên giặc kéo xuống. Ở phía dưới sườn núi, bố phòng một dải các loại chông phòng chống giặc kéo lên. Lực lượng cơ sở và du kích đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ các xã vùng địch hậu vũ trang tuyên truyền và phát triển các tổ chức đoàn thể, làm hậu thuẫn đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị - binh vận của quần chúng nhân dân chống địch, đã góp phần đáng kể vào thắng lợi lớn chiến dịch hè "BTN" trên toàn địa bàn huyện.

Cuối năm 1950 và đầu năm 1951, thực dân Pháp tập trung củng cố vùng xung yếu, chúng chiếm lại và xây dựng nhiều căn cứ quân sự ; tăng cường binh hỏa lực để án ngữ các đầu mối giao thông quan trọng ; kèm chế các khu căn cứ kháng chiến của ta từ Khu Lê Hồng Phong đến các vùng miền núi, đẩy mạnh càn quét lấn chiếm, gom lùa dân vào khu tập trung kiểm soát trên cả 3 vùng : Đồng bằng, giáp ranh,

vùng núi và căn cứ của ta. Thủ đoạn chủ yếu là quét lớn, vừa và nhỏ, chia mỗi địa phương thành nhiều ô rồi bao vây chia cắt. Đi đôi chúng tung tiền, hàng để mua chuộc dân, chia rẽ và gây kỳ thị chủng tộc. Tổ chức những ổ vũ trang phản động trong đồng bào các dân tộc thiểu số hòng tạo ra mạng lưới kiểm soát của chúng. Thực hiện mưu đồ này, thực dân Pháp và ngụy quyền quận Phan Lý liên tục mở nhiều đợt càn quét, chà đi xát lại nhiều lần ở vùng tự do, căn cứ. Có nhiều đợt càn, chúng thọc sâu vào nương rẫy, buôn làng, đốt phá nhà ở và bắt gia súc, gia cầm của đồng bào.

Để đối phó với địch, lực lượng cơ sở và du kích Oan TaLíp đã phối hợp với lực lượng du kích xã La Bá vừa tổ chức hướng dẫn dân làng sơ tán đến các vùng an toàn Râm Tân PLá, Đâu Bò, sông Mù U... vừa quần nhau quyết liệt với chúng. Nổi bật trong trận đánh chống càn này, đồng chí Dú Sai chiến đấu ngoan cường đã bị địch bắt mất tích.

Tháng 4 năm 1951, theo chủ trương của tỉnh các huyện Phan Lý, Hòa Đa, Tuy Phong sáp nhập thành huyện Bắc Bình. Huyện mới

thành lập gồm 8 xã lớn : Bình Thạnh, Bình Tiến, Bình Long, Bình Minh, Bình Tân, Bình Phú, Bình Hải và Bình An. Trong đó, các xã cũ Oan TaLíp, La Bá, Tú Sơn, Lệ Nghi, Bá Ghe, Tà Lang... thuộc vùng căn cứ xã Bình An. Đồng chí Đoàn Quang làm Bí thư xã, sau đó thay thế đồng chí Nguyễn Quý Kỳ. Đồng chí Mai Đình Trung làm Chủ tịch xã và sau đó thay thế đồng chí Nguyễn Giỏi làm Chủ tịch.

Sau khi củng cố lại lực lượng cơ sở, Ban căn cứ xã Bình An thực hiện nhiệm vụ và biện pháp của huyện Bắc Bình : “Đẩy mạnh hơn nữa phong trào du kích chiến tranh để xây dựng và bảo vệ các vùng căn cứ của ta. Đánh phá chính sách càn quét gom lùa dân và âm mưu củng cố vùng chiếm đóng của địch. Xây dựng và củng cố Đảng, chính quyền, đoàn thể. Đẩy mạnh sản xuất tự túc, tự cấp với tinh thần tự lực cánh sinh để phù hợp tình hình mới, tháng 11 năm 1951 Ban cán sự cực Nam Trung bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương lập lại huyện Phan Lý (tách khỏi huyện Bắc Bình)... đồng chí Dụng Gạch được cử phụ trách 5 xã miền núi : Oan TaLíp, Ruxăng Tà Mâu, Giakaxanan, Phan

Tiến và Phan Sơn. Trong đó, Phan Tiến nguyên xã cũ là Gia Le, xã Phan Sơn vùng Chăm thuộc Lạc Trị (Tuy Phong), ở đồng bằng thì có 3 xã : Phan Điền, Phan Hòa và Phan Hiệp.

Cùng thời gian trên, đồng chí Nguyễn Bích được tỉnh cử về lại huyện Phan Lý để tăng cường sự lãnh đạo, giúp huyện ổn định tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể và chỉ đạo phong trào kháng chiến. Về lực lượng vũ trang của huyện ngoài một số sát nhập với bộ đội địa phương Bắc Bình, một số tự tăng cường về cơ sở. Trước tình hình thiếu nhiều cán bộ lãnh đạo, tỉnh tiếp tục bổ sung cán bộ cho huyện và dần dần tổ chức thành lập huyện ủy Phan Lý. Huyện ủy lập 2 chi bộ xã miền núi ; 2 chi bộ cơ sở được thành lập đầu tiên là chi bộ K'Lon gồm 10 đảng viên do đồng chí Mang Rôn làm Bí thư, sau đó thay thế đồng chí Huỳnh Kiên làm Bí thư và chi bộ La Bá gồm 9 đảng viên do đồng chí Tía làm Bí thư.

Ở xã Oan TaLíp, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mang No và lực lượng du kích xã do đồng chí Mang Hóa chỉ huy, đã thường xuyên phối hợp với bộ đội C 216 và trung đội du kích căn

cứ Bình An do đồng chí Nguyễn Hữu Ích (tức Năm Hưng) chỉ huy, tổ chức ngăn chặn và liên tiếp phục kích loại khởi vòng chiến đấu nhiều cánh quân càn quét của địch từ Bảo Hòa (Di Linh) kéo xuống khu vực Bá Ghe. Nổi bật là trận đánh càn Kây Ya, Kà Tót, ta và địch quần nhau 1 tháng, bẻ gãy nhiều đợt càn quét của chúng với quy mô lực lượng lớn, có sự yểm trợ của các loại máy bay oanh tạc khu trục, L19, phi pháo... Các đồng chí Mang Đôn, Mang Xi được cử phối hợp với lực lượng du kích xã căn cứ Bình An xây dựng tuyến bố phòng, chống cạm bẫy để bảo vệ mùa màng và diệt hơn chục tên lính Pháp kéo đến Cây Khâm - Bá Ghe đốt phá lúa và lừa gom dân vào khu tập trung kiểm soát của chúng. Nhờ đó, ta thu hoạch được một vụ mùa bội thu, đảm bảo tự túc lương thực không những cho lực lượng cơ sở và toàn huyện Phan Lý mà còn cung cấp cho các cơ quan đơn vị Hòa Đa, Tuy Phong (huyện Bắc Bình), kể cả một số đơn vị Di Linh đứng chân tại đây. Đặc biệt cũng nơi đây, ta thành lập tiểu nông trường và tiến hành chia ruộng đất theo chính sách của Đảng cho dân ; trong đó có đồng bào các vùng địch hậu bung ra sản xuất như : Hựu An (xã

Phan Hiệp), Châu Hanh - Thanh Kiệt (xã Phan Thanh), Xuân Quang (Chợ Lầu)...

Tạo được thế mạnh tự do sản xuất, đồng bào vùng địch hậu đã có nhiều điều kiện thuận lợi tiếp xúc với lực lượng cách mạng. Quan hệ sinh hoạt mua bán, trao đổi lương thực, thực phẩm, lâm đặc sản giữa đồng bào bên trong và bên ngoài tại chợ Nưng thuộc căn cứ Bình An đến căn cứ Phan Sơn diễn ra nhộn nhịp suốt cả cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ đầu năm 1952 đến cuối năm 1953, địch tăng cường binh hỏa lực, điên cuồng đánh phá các vùng tự do, căn cứ từ Bình An đến các xã Phan Tiến, Oan TaLíp... gây cho lực lượng cách mạng nhiều tổn thất. Các đồng chí Huỳnh Kiên, Mang Đôn, lần lượt bị địch phục kích bắn bị thương và bị bắt. Sau khi phát hiện được điểm dân cư chúng bao vây đốt phá buôn làng, nương rẫy, làm cho hàng trăm đồng bào các buôn làng phải chạy sơ tán đến các điểm Phi Nom (Lâm Đồng), Sông Lòng Sông (Tuy Phong)... số còn lại phần đông là đồng bào xã Oan TaLíp thì ẩn vào rừng sâu.

Tháng 11 năm 1952, trong lúc Đảng bộ huyện Bắc Bình đang tiến hành đại hội đại biểu được 1 ngày, được tin dân làng 3 xã Ruxăng Ta Mâu, Oan TaLíp và Giakaxanan chạy lên các vùng núi cao. Sau khi tìm hiểu nguyên nhân dân bỏ đi là do công tác dân vận của đơn vị Như Hồ (Lâm Đồng) làm chưa tốt và bị địch càn quét. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Côn - Bí thư Tỉnh ủy chỉ đạo huyện ủy tổ chức cử cán bộ đi tìm dân, đưa về lại xây dựng vùng căn cứ. Huyện ủy Bắc Bình cử đồng chí Hồ Viết Hách cùng 1 tiểu đội của đại đội 216 do đồng chí Quang Linh và trung đội đồng chí Đáng chỉ huy đi tìm dân gồm 40 đồng chí. Từ căn cứ Lê Hồng Phong các đồng chí đã qua Dốc Dung ra cửa biển Phan Rí, băng qua cánh đồng Nha Mé, vượt đường tàu đi vào các cánh rừng mênh mông. Sau mấy ngày vượt suối vượt rừng, các đồng chí gặp anh Kiệt và ông Ba (người Vĩnh Hảo) là cán bộ xã nhưng cũng không nắm được dân.

Sau nhiều ngày tìm kiếm ở vùng Pho Le, Tà Hoàng, Chở Tây gặp vợ chồng người dân tộc vào kho lấy lúa (kho bí mật được xây dựng

để tránh địch đốt phá). Sau khi gặp già làng thuyết phục, vận động giải thích chính sách của cách mạng và nhận những việc làm chưa đúng của ta, đồng bào dần dần về lại buôn làng cũ xây dựng làng chiến đấu, đánh giặc cứu nước.

Đánh chiếm xong các buôn làng của đồng bào, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp, gom lùa dân để kềm kẹp. Tại đây, chúng thành lập các buôn : Tà Líp, Thấp, Chrókho, Yapơ, Chóa và mỗi xóm có từ 5 - 10 gia đình hoặc có xóm từ 15 - 20 gia đình, đồng thời chúng tiến hành bắt thanh niên cầm súng chết thay cho chúng.

Sau khi đồng chí Dụng Gạch bị địch bắt, huyện ủy Phan Lý cử đồng chí Đặng Chế Hoa - Huyện ủy viên thay thế phụ trách các xã miền núi, tăng cường đồng chí Phạm Yên - Huyện ủy viên và các đồng chí Nguyễn Phú, Đảng Bớt, đồng chí Mang Xố thay thế đồng chí Mang No làm Chủ tịch xã Oan TaLíp. Đồng chí Mang Xi làm xã đội trưởng, đồng chí Mang Hát làm xã đội phó. Đồng chí Đặng Thanh Thùy làm công an xã. Các đồng chí Mang Giáo, K'Sinh làm kinh tài.

Tiểu đội du kích 3 xã miền núi sát nhập thành lập trung đội độc lập. Ở xã Oan Ta Líp, lực lượng quân dân tự vệ xây dựng và phát triển 25 chiến sĩ, thường xuyên học tập và huấn luyện đánh Tây, bảo vệ buôn làng. Khu căn cứ du kích K'Lon do đồng chí Mang Giai làm đội trưởng. Như vậy, vùng căn cứ huyện Phan Lý gồm các xã Oan Ta Líp và xã Phan Sơn (tức La Bá cũ), ranh giới từ vùng rừng núi căn cứ Bình An (Bắc Bình) đến giáp tỉnh Ninh Thuận. Để xây dựng căn cứ cho cuộc kháng chiến ta không ngừng phát triển thực lực tại chỗ, lực lượng cơ sở và du kích K'Lon đẩy mạnh tăng gia sản xuất, góp phần tích cực bảo vệ kho tàng vũ khí, lương thực dự trữ ở mật khu Xa - Có của lực lượng cách mạng đóng trên địa bàn miền núi.

Từ cuối năm 1952 đến đầu năm 1953, lực lượng cơ sở và du kích đã tổ chức phối hợp với bộ đội địa phương nhiều đợt phục kích, chặn đánh tiểu đoàn Ngự Lâm Quân từ Lâm Đồng kéo xuống cùng bọn ngụy quân Phan Lý, Hòa Đa kéo lên càn quét, đánh phá hành lang và căn cứ của ta, buộc chúng phải rút quân.

Đặc biệt là ngày 9 tháng 5 năm 1953, ba cánh quân thuộc đại đội lính Âu Phi và lính nguy Hòa Đa đánh phá các vùng căn cứ của ta đều bị lực lượng du kích Bình An và du kích K'Lon đánh bật ra khỏi căn cứ liên hoàn này, diệt 4 tên và bắn bị thương nhiều tên khác, thu 4 súng ; trong đó có 3 súng trường, 1 súng tiểu liên và 1 số đạn dược. Con đường hành lang nối liền Bình Thuận - Lâm Đồng và Ninh Thuận được giữ vững thông suốt. Đồng bào các buôn làng không còn bị chúng kèm kẹp. Phấn khởi, tin tưởng cách mạng, đồng viên nhau phát triển sản xuất nương rẫy và hăng hái tham gia du kích, bảo vệ buôn làng.

Đầu năm 1954, quân dân du kích K'Lon đẩy mạnh hơn nữa việc chống càn, bảo vệ căn cứ, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi nhiều cuộc hành quân lấn chiếm của địch. Mỗi buôn làng huy động 1 tổ thanh niên tự vệ và 1 tổ tiếp tế gồm 5 - 6 người do đồng chí K'Ngải phụ trách.

Dưới sự chỉ huy của đồng chí Mang Giai, đội du kích căn cứ K'Lon liên lạc cơ sở nội tuyến do đồng chí Mang Đôn (1) cung cấp tình

(1) Đồng chí Mang Đôn sau khi địch trả tự do, làm nội tuyến cung cấp tình hình địch cho cách mạng.

hình địch và phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội địa phương C216 (1), bộ đội chủ lực D86 đánh chiếm khu yếu La Dày, đồn Lút Xe, đồn Gia Cát, bọn lính tiểu đoàn Ngự Lâm Quân (Lâm Đồng)... diệt nhiều sinh lực địch, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Cùng chiến công giòn dã của quân và dân ta đánh đồn : Hòa Thuận, Sông Cạn, Lương Sơn, Duông, Sông Lũy đã góp phần vào chiến thắng chiến trường chính Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954, đánh bại kế hoạch NaVa của quân Pháp, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Giơnevơ ngày 20 tháng 7 năm 1954 chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Qua 9 năm trường kỳ chống Pháp xâm lược đầy khó khăn, gian khổ và ác liệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu mà lãnh đạo trực tiếp là Đảng bộ và chính quyền huyện Phan Lý, cán bộ và nhân dân các buôn làng miền núi phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu quê hương, ý chí quật cường và tình đoàn kết không ngừng phát triển giữa cộng đồng các dân tộc

(1) C.216 được thành lập vào cuối tháng 4-1951 trên cơ sở thống nhất 2 đại đội : Bộ đội địa phương Hòa Đa, Tuy Phong và Cẩm tử đội của tỉnh.

anh em Kinh - Chăm - Thượng cùng huyện và cả nước đánh thắng đế quốc Pháp, giải phóng một nửa đất nước Việt Nam thân yêu.

Niềm vui hòa bình thật sự to lớn nhưng chưa trọn vẹn. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, một nửa nước - miền Bắc được giải phóng, một nửa nước-miền Nam còn trong tay giặc.

Vốn đã có âm mưu thôn tính Việt Nam từ lâu, nhân thất bại của Pháp, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam nước ta hòng biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới của chúng.

Cùng với các dân tộc anh em trong huyện, đồng bào các dân tộc Rắclây, K'ho ở vùng núi K'Lon bất khuất tiếp tục tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

III - ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ - ĐÒI QUYỀN DÂN SINH DÂN CHỦ, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CĂN CỨ, GIẢI PHÓNG K'OLON (1954 - 1965)

Theo tinh thần nội dung của Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước Việt Nam tạm thời chia thành hai miền - miền Bắc từ vĩ tuyến 17

trở ra do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lý, miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào do Chính phủ liên hiệp Pháp quản lý, sau hai năm (20-7-1954 - 20-7-1956) hai miền Nam - Bắc sẽ tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Cán bộ và quần chúng ở miền Nam thấy rõ con đường đấu tranh sắp tới đầy gian khổ và phức tạp, cũng như xác định được nhiệm vụ quan trọng của mình là những người ở lại luôn giữ vững niềm tin và ý chí vào Đảng, Bác Hồ. Từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị với địch đòi chúng thi hành hiệp định tổng tuyển cử thống nhất nước nhà là nhiệm vụ chính.

Nghe lời cán bộ, đồng bào các buôn làng Oan TaLíp từ các vùng sâu căn cứ bung về chốn cũ : K'Lúc, Tân Dương, Rừng Lá, Tà Líp dựng lại buôn làng, phát triển sản xuất và ổn định cuộc sống sau những ngày đình chiến.

Tháng 10 năm 1954, thực hiện Hiệp định Giơveơ chính quyền và quân đội chuyển quân tập kết ra miền Bắc, chỉ còn một bộ phận cán



Cửu du kích Phan Sơn.

bộ tỉnh - huyện - xã được bố trí ở lại tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng quần chúng trong giai đoạn cách mạng mới. Vì vậy bộ máy hành chính từ huyện đến cơ sở không còn, do đó ta tổ chức chỉ đạo hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp và bí mật.

Ban cán sự huyện Phan Lý được tỉnh chỉ định thành lập, hoạt động bất hợp pháp và mỗi cán bộ được phân công bám các địa bàn cơ sở theo tổ chức mới. Đồng chí Nguyễn Chay - Bí thư Ban cán sự, phụ trách cơ sở La Bá ; đồng chí Tạ Đức Mạnh phụ trách các xã Chăm ở Hậu Quách, Hựu An ; đồng chí Đặng Chế Hoa phụ trách ở mảng núi, trong đó có Oan TaLíp.

Hệ thống các trạm giao liên được tổ chức lại cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới để duy trì sự lãnh đạo của Đảng xuống đến cơ sở. Đó là những mạch máu vô cùng quan trọng của cách mạng. Để đảm bảo bí mật, mỗi trạm chỉ có một đồng chí phụ trách. Nhiều chiến sĩ giao liên phải sống biệt lập tại những nơi núi rừng hẻo lánh, họ tự nấu ăn, may vá quần áo và tự cắt tóc cho mình. Sức mạnh của lòng tin vào Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã giúp họ vượt

lên mọi khó khăn, như các đồng chí : Dương Thế Thọ giao liên của Khu VI, đồng chí Lê Minh Sơn, Đặng Bá Sang giao liên của tỉnh Bình Thuận... hành lang được thông truyền không những từ tỉnh đến các trạm Khu Lê, Duồng, Bá Ghe... mà còn nối liền thông tuyến từ Bình Thuận đến các tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận.

Thực hiện mưu đồ xâm lược miền Nam, tháng 6 năm 1954 Mỹ đưa Ngô Đình Diệm về nước, lập chế độ bù nhìn Sài Gòn, tiếp tục dựng lên các đảng phái phản động và tập hợp các thế lực thân Mỹ làm hậu thuẫn cho chúng. Đến tháng 11 năm 1954, Mỹ đưa cố vấn quân sự vào miền Nam nước ta và loại trừ các phần tử thân Pháp, gây sức ép buộc Pháp tháng 5 năm 1956 phải rút hết quân về nước.

Tháng 10 năm 1954, sau khi tiếp quản vùng giải phóng của ta, cũng như nhiều nơi trong tỉnh, địch có kế hoạch trả thù hòng dễ bề kèm kẹp. Ngoài số đồng bào các làng Châu Hanh, Trí Thái, Trì Đức, Thanh Hiếu, Kỳ La, Chưởng Thiện, Trường Loan, Ninh Hà, Hựu An đã bị dồn tập trung để thành lập xã Hựu An thuộc quận Phan Lý Chàm, địch còn đưa 16.000 dân

di cư từ miền Bắc vào Sông Mao, Sông Lũy... phần đông là các dân tộc Nùng, Tày để thành lập quận Hải Ninh ; đưa sư đoàn 5 ngụy từ miền Bắc vào đóng giữ khu Sông Mao.

Ở miền núi, địch dồn đồng bào Ruxăng Tà Mâu thành lập xã Phú Nhiêu ; dồn phần đông đồng bào Giakaxanan thành lập xã Gia Hòa, số đồng bào còn lại dồn vào khu tập trung Sông Lũy và một số ít sống ven đường sắt xe lửa. Riêng đồng bào Oan TaLíp, thì giằng co đấu tranh chống dồn về Sông Mao, buộc địch phải nhượng bộ.

Bên cạnh việc cải tổ và xây dựng chế độ ngụy quyền, Mỹ - Diệm khẩn trương thành lập bộ máy “Tố cộng” từ trên xuống các xã ; đồng thời tung ra những chiêu bài giả hiệu “Quốc gia độc lập”, “Tự do dân chủ” và ép buộc nhân dân vào các tổ chức “Hiệp hội nông dân”, “Phụ nữ liên đới”, “Thanh niên cộng hòa” hòng chia rẽ Đảng với quần chúng. Nhưng các tổ chức này không tồn tại ở các buôn làng Oan TaLíp. Đi đôi với kích động tâm lý chia rẽ các dân tộc Kinh - Thượng và dùng vật chất hàng hóa, tiền bạc dụ dỗ đồng bào ta, địch tăng cường

hoạt động phản tuyên truyền nói xấu Đảng ta, trắng trợn xuyên tạc và phá hoại Hiệp định hòa bình với những luận điệu.

- “Ký Hiệp định là Việt Minh thua

Tập kết là chia đôi đất nước

Bài phong, đả thực, chống cộng”.

Thâm độc hơn, chúng tuyên truyền tố cáo Đảng, hạ uy thế cách mạng, làm xóa nhòa ranh giới giữa những người yêu nước kháng chiến với những kẻ phản bội đầu hàng giặc. Mặt khác chúng tung bọt mạt vụ tìm kho tàng, vũ khí của cách mạng để lại.

Sau khi tổ chức học tập “Tố cộng”, tháng 5 năm 1955 Mỹ - Diệm tiến hành “Tố cộng” đợt I. Đến tháng 7 năm 1955 chúng trắng trợn tuyên bố : “Không có Hiệp thương tổng tuyển cử, bất cứ phương diện nào chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi hiệp định đó” ; đồng thời chúng tiếp tục đẩy mạnh quốc sách “Tố cộng, diệt cộng”. Thực hiện biện pháp và thủ đoạn này, ngày đêm chúng sẵn lòng bắt nhiều cán bộ cốt cán, cơ sở cách mạng mà chúng gọi là “Việt

cộng nằm vùng”, kể cả những người không ủng hộ chúng cũng đều bị tình nghi là cộng sản. Đối với cán bộ và quần chúng ở lại sống hợp pháp, ngoài việc bị bắt buộc làm giấy tùy thân, ra trình diện, làm giấy đầu thú chúng còn treo giải thưởng cho ai bắt được cán bộ còn lẩn trốn bằng muối, gạo, tiền ; đi đôi với phân hóa quần chúng thành 3 loại đối tượng.

- Loại một, gồm cán bộ lãnh đạo các cấp từ xã lên huyện thì bắt học tập “Tố cộng” ở quận 3 tháng.

- Loại hai, gồm các chi ủy viên, cán bộ thôn ấp, cán bộ cơ sở học tập “Tố cộng” theo vùng một tháng.

- Loại ba, gồm các đảng viên thường, quần chúng bắt học tập “Tố cộng” mười ngày ở xã.

Tuy vậy, ở Phan Sơn chúng không áp dụng được kế hoạch này.

Giữa năm 1955, thực hiện nhiệm vụ của Ban cán sự Phan Lý, đồng chí Đặng Chế Hoa đã móc nối cơ sở bên trong ăn ở tại gia đình ông Mang Hóa, lãnh đạo đồng bào dân tộc Oan

TaLíp, dựa vào pháp lý của Hiệp định, đấu tranh chống “Tố cộng”, đòi quyền dân sinh dân chủ, lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc và Hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà.

Để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho cuộc đấu tranh chống địch tăng cường dồn dân vào các khu tập trung kiểm soát của chúng và đòi thi hành Hiệp định, đồng chí Hoa đã móc nối nhiều cơ sở sống hợp pháp nhưng không chịu tập trung như nhóm ông Mang Giai, Già Hóa... nhìn chung, các buôn làng đều có cơ sở được móc nối. Từ đó, cơ sở cách mạng được củng cố và phát triển, làm nòng cốt tuyên truyền vận động đồng bào hiểu rõ ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định.

Tại các lớp học “Tố cộng”, nguy quyền quận Phan Lý đưa bọn cảnh sát, mật vụ tổ chức học tập phát động, Bộ Lữ và nhiều tên khác lên bắt bà con học tập tố cộng. Thay mặt bà con, các già làng đấu tranh thẳng thắn với chúng : “Người Thượng chúng tôi không biết tố cộng”, buộc chúng phải nhiều lần tìm cách rút đi. Đồng bào các buôn làng tổ chức họp kiến nghị với

ngụy quyền quận Phan Lý Chàm đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, đấu tranh chống “Tố cộng”, đòi quyền dân sinh dân chủ ngày càng sôi động. Đặc biệt là cuộc đấu tranh tháng 10 năm 1955 chống Mỹ - Diệm bày trò “Trưng cầu dân ý” nhằm truất phế Bảo Đại và đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống. Dịch in phiếu đỏ có tên Ngô Đình Diệm, phiếu xanh có tên Bảo Đại. Chúng bảo : “phiếu xanh bỏ giỏ, phiếu đỏ bỏ thùng”, thì có người làm ngược lại bằng cách không đi bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu bất hợp lệ.

Thực hiện ý đồ của quan thầy Mỹ, ngụy quyền quận Phan Lý Chàm đưa lực lượng “Bảo An” và bọn cảnh sát, ác ôn đánh phá, tìm kiếm, lùng sục kho tàng vũ khí của ta đi đôi với tập trung kiểm soát hơn 200 hộ thuộc các thôn căn cứ (cũ) và thành lập xã Trinh Hòa cùng bộ máy tề ngụy được tổ chức chu đáo. Cách khu vực dân cư hơn 500m về hướng Tây Bắc, chúng dựng đồn K’Lon, chòi canh dã chiến và bố trí 1 trung đội “Bảo An” chốt giữ ; đồng thời bắt thanh niên đi lính và thành lập 1 trung đội “Dân vệ” làm nhiệm vụ thường trực, bảo vệ vùng tạm kiểm soát của chúng.

Từ cuối năm 1955 đến đầu năm 1956, Mỹ - Diệm liên tiếp tiến hành “Tố cộng” đợt II và đợt III, tăng cường các biện pháp và thủ đoạn “Diệt cán, trừ cộng”, ép buộc những người chúng nghi là cộng sản làm tờ đầu thú, ly khai Đảng, tố cáo lẫn nhau, làm tờ cam kết cắt đứt quan hệ vợ chồng hoặc thân nhân cách mạng. Ráo riết lùng sục, truy bắt cán bộ và theo dõi phát hiện đánh phá cơ sở cách mạng, treo giải thưởng tiền bạc, hàng hóa thực phẩm cho ai bắt được cán bộ hoạt động bí mật.

Đi đôi với âm mưu và thủ đoạn nham hiểm nói trên, một mặt Mỹ ngụy tập hợp dân làng để nghe “Hiếu dụ”, ca ngợi Ngô Đình Diệm là chí sĩ yêu nước. Mặt khác, chúng hù dọa đồng bào không nghe lời “Việt cộng”, không theo “Việt cộng”, theo là đói khát bỏ vợ bỏ con, nhất là kích động tâm lý chia rẽ sâu sắc cộng đồng các dân tộc Kinh - Chăm - Thượng, gây nghi ngờ hận thù mất đoàn kết và gieo rắc ấn tượng mê tín dị đoan hòng ngăn cản đồng bào vào rừng sâu quan hệ cách mạng. Nhưng ngược lại, trong các lớp học “Tố cộng”, nhiều ý kiến già làng dám đấu tranh thẳng thắn với địch :

“Chúng tôi là người miền núi, chỉ biết cái cuốc, cái xà gạc đi làm cái rẫy thôi, không vào rừng cái bụng đói”...

Tại ấp Tịnh Mỹ, trong lớp học “Tố cộng” thuộc quận Phan Lý Chàm, ông Dụng Gạch - nguyên là cán bộ phụ trách các xã miền núi trong kháng chiến chống Pháp trở về sống hợp pháp trong dân đã nói toạc ra rằng : “Quốc gia ở với dân xấu quá, Việt cộng ở với dân tốt quá, các ông có làm gì đi nữa thì lòng dân vẫn hướng về cách mạng và cuối cùng Việt cộng cũng thắng thôi”. Ông vừa dứt lời, mọi người vỗ tay tán thưởng. Trước sự đồng tình ủng hộ ý kiến của đông đảo nhân dân, quận trưởng ngụy quyền Phan Lý không dám có hành động gì rồi tìm cách thoát khỏi lớp học này.

Bằng công cụ đàn áp và khủng bố, địch đã bắt tra tấn, tù đầy nhiều cán bộ và đồng bào ta ở đồn giam Phan Lý, trại giam Hòa Đa, lao xá Phan Thiết. Song họ vẫn một lòng trung thành với Đảng và Chính phủ Cụ Hồ “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, trong hoàn cảnh đó phần đông cán bộ, đảng viên, nông cốt cơ sở tìm

cách lánh tránh, liên lạc tổ chức hoạt động bí mật hoặc nằm im chờ lệnh trên.

Đối phó với địch, cán bộ đã bàn bạc với già làng cử một số nòng cốt cơ sở giữ thế hợp pháp tham gia các chức vụ nguy quân, nguy quyền xã Trinh Hòa ; đồng thời cử một bộ phận cơ sở gồm các đồng chí Già Hóa, Mang Xi... bảo vệ và nuôi giấu nhiều đồng chí lãnh đạo như : Đặng Chế Hoa, Tạ Đức Mạnh, Nguyễn Chay.

Nhờ cài cắm cơ sở hoạt động “Tề hai mặt” nên tình hình địch được nắm bắt và chủ động xử lý kịp thời. Với phương châm “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” và phương thức hoạt động “rỉ tai tuyên truyền” hoặc liên lạc với nhau bằng thư tín, ám tín hiệu, cán bộ và quần chúng cơ sở đã tổ chức tập hợp nhân dân vào cuộc đấu tranh với địch, đòi thi hành hiệp định, chống khủng bố trả thù, chống “Tố cộng”. Đồng thời, làm nòng cốt đắc lực cho Ban cán sự Phan Lý hoạt động hợp pháp, bán hợp pháp hoặc đổi vùng để lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị trên địa bàn huyện từ vùng núi xuống đồng bằng.

Qua các cuộc đấu tranh chính trị, quần chúng đã thực sự tỏ rõ sức mạnh và tinh thần đoàn kết chống địch phá hoại hiệp định. Tuy nhiên, việc nhận định và đánh giá tình hình cũng như bộc lộ khả năng phong trào đấu tranh chính trị ở một số nơi diễn ra bị tổn thất đáng kể. Do đó, trong thời kỳ này phong trào tạm ngưng hoạt động để đi vào củng cố, xây dựng lực lượng nòng cốt cơ sở, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho các cuộc đấu tranh sắp tới. Việc liên hệ cơ sở giữa căn cứ với vùng kiểm soát của địch có hạn chế nhiều trong bối cảnh vô cùng khó khăn ; vừa đảm bảo an toàn bí mật, vừa bức xúc giải quyết nhu cầu lương thực hàng ngày.

Sau khi Ngô Đình Diệm tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơnevơ, Võ Xuân Viên là cán bộ tỉnh Bình Thuận đầu hàng giặc được Mỹ - Diệm cử đến các huyện phía Bắc tỉnh đẩy mạnh hơn nữa chiến dịch “Tố cộng” hòng dập tắt phong trào cách mạng. Tháng 7 năm 1957, dưới sự trực tiếp đôn đốc của y, bọn ngụy quyền quận Phan Lý Chàm thả tay đàn áp phong trào cách mạng và truy bắt cán bộ, cơ

sở quần chúng. Trong đó, có nhiều cán bộ huyện và cơ sở đã anh dũng hy sinh hoặc bị bắt tra tấn dã man, nhiều địa bàn bị trắng. Song, cũng có nhiều cán bộ, đảng viên trong nhà tù vẫn cần răng chịu đựng bảo vệ phong trào, bảo vệ uy tín của Đảng và danh hiệu của người đảng viên. Tiêu biểu như các đồng chí : Mang Đôn, Mang Bích... Một số do không chịu nổi những đòn tra tấn của địch, cũng có kẻ đầu hàng khai báo cơ sở cách mạng và làm tay sai chỉ điểm cho địch truy bắt cán bộ.

Cùng với đẩy mạnh chiến dịch “Tố cộng”, địch mở nhiều đợt càn quét đánh phá cơ sở miền núi, triệt phá nguồn kinh tế nương rẫy, gây cho đồng bào các dân tộc nhiều khó khăn về đời sống, hòng tác động tinh thần và ý chí đấu tranh của quần chúng nhân dân. Và cuối năm 1957, đầu năm 1958 các đồng chí trong Ban cán sự Phan Lý hoạt động hợp pháp và bán hợp pháp bị bắt hết nên việc ra vào móc nối liên lạc cơ sở bên trong Phan Sơn không còn nữa. Số cán bộ nòng cốt cơ sở gồm 5 đồng chí : Mang Bích, Mang Grôn, Mang Xim và Trần Thị Sở, đã kiên trì bám trụ trong dân hoạt động,

làm cầu nối liên lạc cho các trạm giao liên tỉnh, đảm bảo thông tuyến hành lang từ Bình Thuận đến các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận.

Tăng cường đẩy mạnh quốc sách “Tố cộng”, đánh phá khốc liệt phong trào cách mạng quần chúng, từ cuối năm 1958 cùng luật 10/59, Mỹ - Diệm đặt những người cộng sản ra ngoài vòng pháp luật của chúng và tuyên bố : Miền Nam ở trong tình trạng chiến tranh.

Với biện pháp phát xít này, chúng đôn đốc bọn tề điệp, ác ôn mở những đợt “Tố cộng, diệt cộng”, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng và trả thù đê hèn những người kháng chiến (cũ). Như vậy, trong bối cảnh vô cùng khốc liệt từ năm 1956 đến cuối năm 1958, nhiều cán bộ huyện bám trụ địa bàn căn cứ tại núi Pô (1) gồm có đồng chí : Đặng Chế Hoa, Nguyễn Chay, Lâm Rồi... đều lần lượt bị địch phục bắt. Riêng đồng chí Tạ Đức Mạnh là người bị bắt sau cùng trong số các đồng chí trong Ban cán sự huyện. Còn ở cơ sở, các đồng chí Mang Grôn,

(1) Núi Pô : Nơi hoạt động bí mật của Ban cán sự huyện, nay thuộc xã Phan Hòa



*Cây Quéo - địa điểm mítting giải phóng
xã Trinh Hòa (1963)*

Huỳnh Kiên, Mang Đôn, Mang Xi, Mang Bích, Mang Giai bị chúng theo dõi khống chế, kèm kẹp.

Đầu năm 1958, đồng chí Võ Dân - Bí thư Tỉnh ủy triệu tập cuộc họp tại căn cứ ở Di Linh có các đồng chí Nguyễn Xuân Du - Bí thư huyện Di Linh, đồng chí Lê Văn Triều - Bí thư Tân Linh và đồng chí Nguyễn Chay, Đặng Chế Hoa bàn thành lập Ban cán sự miền Tây do đồng chí Lê Triều làm Bí thư. Ban cán sự miền Tây thành lập Ban công tác Phan Lý Chàm (thay thế cho Huyện ủy) do đồng chí Nguyễn Chay làm Bí thư. Tháng 12 năm 1958 các đồng chí trong Ban công tác Phan Lý Chàm đi dự hội nghị do Ban cán sự miền Tây triệu tập để bàn việc xây dựng căn cứ ; xây dựng cơ sở. Khi trở về lại Phan Lý các đồng chí Nguyễn Chay, Đặng Chế Hoa bị địch bắt ngày 15-12-1958 và đến ngày 23 tháng 12 năm 1958 Tạ Đức Mạnh cũng bị địch bắt, Ban công tác Phan Lý Chàm không còn tồn tại, làm cho công tác chỉ đạo gặp khó khăn.

Có thể nói từ năm 1959 đến năm 1961 là thời kỳ thoái trào của phong trào cách mạng huyện Phan Lý.

Tháng 12 năm 1959, bằng họng súng và lưỡi lê Mỹ - Diệm dồn đẩy đồng bào K'Ho chiếm một nửa dân số Bảo Thuận và Tam Bó thuộc Di Linh (Lâm Đồng) đã bung ra sản xuất ở vùng K'Lon cùng dân bản địa các thôn Ta Líp, K'Lúc lập xã Trinh Hòa, có 1 trung đội dân vệ trang bị đủ vũ khí để bảo vệ chính quyền do chúng lập nên. Một số đồng bào ở các vùng Cà Giây, Sông Lũy đã bị dồn xuống ven đường xe lửa với tổng số 1.280 người để hòng gom số này vào tập trung Sông Mao. Thế nhưng, trước sự kiên trì đấu tranh của quần chúng nhân dân không chịu sống tập trung ở đồng bằng, quận trưởng ngụy quyền Phan Lý Chàm buộc phải chấp nhận yêu sách cho đồng bào Oan Ta Líp dời chỗ ra lán trống - một địa điểm nằm trong khu vực đồn lính "Bảo An" với chòi canh của chúng (1). Tại đây, chúng đưa Thanh Lư (tức Bộ Lư) là cán bộ dân yếu vụ quận Phan Lý Chàm làm đại diện xã Trinh Hòa và tiếp tục cử nhiều tên gián điệp "Bình Định" cùng bọn lính "Bảo An", "Dân vệ" tại chỗ làm công

(1) Hiện nay là khu trung tâm Xã Phan Sơn.

cụ bảo vệ quyền xã và kiểm soát chặt chẽ đồng bào.

Đầu năm 1961, dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Trung ương, những nội dung căn bản được phổ biến đến cán bộ huyện và địa phương đó là :

- “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là con đường bạo lực, lấy sức mạnh của quần chúng dựa vào lực lượng chính trị là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân (1).

Sau khi được tiếp thu, cán bộ và đồng bào các huyện phía Bắc tỉnh vô cùng phấn khởi, bởi từ đây đấu tranh với Mỹ - Diệm không chỉ bằng chính trị và máu đổ mà phải dùng cả vũ trang nữa. Trong thời kỳ này, số cán bộ đã từng gắn bó với núi rừng K’Lon trong kháng chiến chống Pháp, nay lần lượt trở về địa bàn quê

(1) 50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, tr 152.

hương chiến đấu và lãnh đạo phong trào cách mạng trong tình hình mới.

Để thực hiện chủ trương giải phóng đất, giải phóng dân, mở rộng vùng căn cứ, phá vỡ bộ máy chính quyền, vô hiệu hóa bọn tề nguỵ ác ôn, tạo điều kiện cho nhân dân xây dựng chính quyền cách mạng. Tháng 5 năm 1960 lực lượng vũ trang nhân dân Bình Thuận diệt gọn 1A biệt kích địch tại căn cứ Tánh Linh. Tháng 7 năm 1960, diệt chi khu quận lỵ Bắc Ruộng của địch, hỗ trợ cho 4.000 đồng bào các dân tộc miền núi phá khu tập trung Bắc Ruộng (1) trở về núi rừng ông bà. Tháng 12 năm 1960, phối hợp với bộ đội địa phương Hòa Đa đánh diệt Nha Thiện Phú và trụ sở Hội đồng Hương chính xã Nhơn Thiện (nay thuộc xã Hòa Thắng).

Ở K'Lon, mặc dù sống trong cảnh "Cá chậu chim lồng" mất tự do, nhưng đồng bào vẫn đấu tranh với địch bung ra tìm đất mới rừng sâu sản xuất, dần dần tạo thế dựng chòi cao ở lại ban đêm giữa rẫy. Nhờ đó, qua thăm viếng bà con các buôn làng bạn đã biết được tin chiến thắng

(1) Tổng kết cuộc chống Mỹ, cứu nước của quân khu VI, trang 28, 29.

liên tiếp giòn dã của bộ đội “Cụ Hồ” trên các chiến trường tỉnh Bình Thuận. Bà con sôi nổi mừng thầm nói với nhau : “Cán bộ sắp về lại núi rừng K’Lon, nương rẫy mình rồi”.

Sau chiến thắng “Đồng khởi” của toàn miền Nam nói chung, tỉnh Bình Thuận nói riêng, ngày 20 tháng 12 năm 1960 Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, có tác dụng tập hợp quần chúng đoàn kết đấu tranh càng cổ vũ mạnh mẽ đồng bào đứng lên cầm súng đánh giặc cứu nước, mở ra thời kỳ đấu tranh vũ trang kết hợp với chính trị trong giai đoạn cách mạng mới, chấm dứt thời kỳ đen tối “Tố cộng” của Mỹ - Diệm.

Chiến lược “Chiến tranh một phía” với quốc sách “Tố cộng, diệt cộng” của Mỹ - Diệm đã bị thất bại, buộc phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Phụ trách chiến lược này là Xtalay - Taylo với tham vọng “Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (tháng 7-1961 đến tháng 12-1962) bằng biện pháp chủ yếu là tăng cường quân nguy bên cạnh cố vấn Mỹ chỉ huy và các chiến thuật “Trực thăng vận”, “Thiết xa vận”... đi đôi với quốc sách “Áp chiến lược”.

Để kiểm tra kế hoạch xây dựng ấp chiến lược ở các nơi trong tỉnh Bình Thuận, Hội nghị an ninh tháng 12 năm 1961 tỉnh trưởng Bình Thuận thông báo sẽ có phái đoàn do thiếu tướng Trần Tử Oai đến quan sát. Tỉnh trưởng dự kiến ấp Tịnh Mỹ, quận Phan Lý Chàm sẽ chọn làm nơi đoàn đến thăm - Và đến cuộc họp thường kỳ tháng 10 năm 1963 chúng báo cáo ở Phan Lý Chàm đã xây 31 ấp chiến lược. Tháng 8 năm 1963 dịch chuyển đồng bào dân tộc từ Trinh Hòa về địa điểm Ninh Hà (Sông Mao), nơi có 165 ha để sản xuất.

Ở huyện Phan Lý Chàm, Mỹ - Diệm đưa cố vấn Mỹ về đôn đốc ngụy quyền quận tăng cường phòng thủ, đôn quân bắt lính, đẩy mạnh các hoạt động của các đảng phái chính trị như : “Phong trào cách mạng quốc gia”, “Dân ý vụ”... và bên ngoài, chúng mở những đợt càn quét đánh phá vùng giải phóng hòng xóa căn cứ cách mạng.

Đi đôi với khống chế kiểm soát nhân dân, kích động tâm lý chiến chia rẽ các dân tộc Kinh - Thượng và nói xấu cách mạng, dịch ra sức củng cố và tăng cường bộ máy tề xã Trinh Hòa ;

Tại K'Lon, chúng truy bắt và buộc một số cán bộ nòng cốt cơ sở phải làm việc cho chúng. Để cố trấn an tinh thần bọn tề ngụy và nhân dân, chúng nói : “Việt cộng sắp đánh mạnh, anh em hãy chuẩn bị diệt cộng”. Nhưng thực chất bọn tề ngụy tay sai, bọn “Bình định nông thôn”... đều phập phồng lo sợ nên làm việc cầm chừng. Riêng Thanh Lư, Nguyễn Hạnh là bọn cầm đầu ngụy quyền xã làm việc không ổn định, thường xuyên bỏ công sở về quận Phan Lý Châm.

Còn bọn “Dân vệ” gồm 24 tên, hoạt động không như trước mà ngày ngày được điều động đột kích vào rừng sâu, nơi chúng khả nghi và phục kích đến tối mới về canh giữ “ấp” để đề phòng lực lượng cách mạng bao vây tiêu diệt. Ngoài ra, còn có trung đội lính “Bảo An” cùng lực lượng “Biệt kích” sẵn sàng chi viện cho nhau nếu tình huống xấu xảy ra trên địa bàn tạm kiểm soát của chúng.

Tháng 9 năm 1962, tỉnh thành lập Ban cán sự Bắc Sơn và Thuận Phong, lấy Sông Lũy làm ranh giới giữa hai mảng. Trong đó các xã phía Bắc huyện Bắc Bình (cũ) do đồng chí Nguyễn Định (tức Giáp) làm Bí thư Ban cán sự Bắc

Sơn ; đồng chí Nguyễn Hưng (Năm Hưng) phụ trách quân sự và tăng cường một số đồng chí : Cao Cẩn, Lê Minh Sơn... Riêng đồng chí Vũ Đình Bá tập kết miền Bắc trở về, được bổ sung tăng cường cho Ban cán sự Bắc Sơn.

Sau khi thành lập, Ban cán sự Bắc Sơn hình thành hai mũi công tác miền Đông và miền Tây. Mũi công tác miền Tây bao gồm : Bá Ghe - K'Lon, Chợ Lầu, Xuân Quang, Châu Hanh, Phan Rí Thành, Chí Công, Liên Hương, Vĩnh Hảo...

Thực hiện chủ trương của Ban cán sự. Đội công tác miền núi (K'Lon - Bá Ghe) do đồng chí Cao Cẩn (tức Bồn) - làm đội trưởng, tổ chức bám dân, bám buôn làng để xây dựng vùng căn cứ địa vững chắc cho địa bàn cũng như cho tỉnh Bình Thuận. Nhiệm vụ của Đội công tác là tuyên truyền vũ trang “đột áp” xây dựng cơ sở cách mạng, chuẩn bị cho việc giải phóng K'Lon.

Với phương pháp hoạt động của Đội công tác này lấy việc tuyên truyền giác ngộ cách mạng là chính, không trả thù hoặc không được diệt chết, gây thương tích cho địch. Bởi vì hành động đó, sẽ có tác hại xấu đến đồng bào như

bọn địch đã từng rêu rao nói xấu cách mạng : “Việt cộng đi đến đâu đổ máu đến đó”. Nhờ làm đúng chính sách dân tộc của Đảng, Đội công tác đã mọc nổi và xây dựng nhiều cơ sở như : Già Hóa, Mang Tài, Mang Đôn, Mang Giai, Trần Thị Sở, Trần Thị Lái... Đồng bào làm ăn trên nương rẫy thấy rõ điều đó, dần dần nghe lời cán bộ, căm ghét Mỹ - Diệm và bọn tay sai bán nước.

Để mở mang cho đợt vũ trang tuyên truyền đợt “ấp”, tạo đà cho đồng bào nổi dậy phá kèm, giành quyền làm chủ, Ban chỉ huy thống nhất gồm : Đội công tác miền núi phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân C 486, C 489 và một phân đội đặc công, vũ trang tuyên truyền vào xã Trinh Hòa.

Dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Thanh Đức trong Ban quân sự tỉnh và đồng chí Nguyễn Hưng (tức Năm Hưng) làm chính trị viên, gần 5 giờ sáng ngày 26-3-1963 các mũi tiến công của quân ta ém quân phục kích trung đội “Dân vệ” vừa trốn ngủ ngoài rừng vào “ấp”, đã mưu trí xông lên bắt sống 4 tên địch đi sau cùng, thu 4 súng và nhiều lựu đạn, trong lúc bọn lính

đi trước không nghe động tĩnh gì cả. Thừa thắng xông lên, vượt qua cổng gác chính, ta dẫn bọn lính “Dân vệ” vào thế bị động, chúng vội giấu súng lẫn trốn trong nhà dân.

Phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, đồng chí Cao Cẩn và toàn đội công tác tuyên truyền binh lính địch, kêu gọi lính “Dân vệ” và tề ngụy xã ra hàng để được hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng. Đồng thời vận động dân làng nổi dậy giành quyền làm chủ và loan tin chiến thắng của bộ đội “Cụ Hồ” về giải phóng K’Lon khỏi ách kèm kẹp của Mỹ - Diệm. Đây là cái mốc lịch sử trọng đại của quân và dân K’Lon vùng lên giải phóng quê hương, góp phần đánh bại quốc sách “áp chiến lược” và kế hoạch “Bình định” miền Nam trong vòng 18 tháng của Mỹ - Diệm.

Sau khi giải phóng K’Lon các đơn vị bộ đội rút quân chuyển hướng hoạt động, thì bọn chỉ huy trung đội “Dân vệ” cùng bọn tề điệp ngoan cố ngóc đầu dậy hoạt động bí mật chống lại cách mạng. Với âm mưu xảo quyệt, bọn chúng giả thường dân làm ăn ở nương rẫy và lén lút

dùng vũ khí giấu ngoài rừng phục kích giết chết đồng chí Cao Cẩn, gây tổn thất lớn cho lực lượng cơ sở Đội công tác miền núi.

Đối phó với âm mưu và thủ đoạn trá hình hoạt động chống phá cách mạng của địch, liên tiếp trong 3 ngày : 10, 11 và 12 tháng 4 năm 1963, Đội công tác miền núi phối hợp với các đơn vị bộ đội, tổ chức tập hợp đồng bào trong buôn để phát động tinh thần đoàn kết các dân tộc, kiên quyết vạch trần và tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, không nghe theo lời chúng phản dân, hại nước, bắn giết cán bộ và đồng bào mình.

Hiểu rõ đường lối, chính sách của cách mạng không trả thù kẻ xấu đã lén lút giết chết cán bộ, tên chỉ huy trưởng trung đội “Dân vệ” ra trình diện với cách mạng và xin thú tội trước đông đảo dân làng. Hầu hết những gia đình và thân nhân lính ngụy đều tin tưởng vào sự khoan hồng của cách mạng là “không đánh kẻ chạy lại”. Họ trở về nhà vận động chồng, con, em mình hãy mau chóng ra trình diện. Nhiều lính “Dân vệ” không giấu được nỗi xúc động, nói rằng : “Các ông vào buôn không có đổ máu

mà mình bắn giết cách mạng đổ máu, lại còn ăn ở với đồng bào trong buôn nữa, mình sống lại là nhờ ơn cách mạng như mẹ sinh ra lần thứ hai"... Rồi số lính "Dân vệ" này, đã tự nguyện dẫn đường cho cán bộ đến chỗ cất giấu vũ khí để giao nộp toàn bộ cơ số đạn dược và đồ dùng quân sự còn lại ; trong đó có 1 súng ngắn và 19 súng tiểu liên. Biết ơn Đội công tác và bộ đội, đồng bào vận động nhau quyên góp 10 gùi gạo (200 kg) để cho bộ đội ăn no, đánh giặc.

Cùng thời gian trên, được tin dân làng phát hiện bọn lính "Dân vệ" và "Trường Sơn" từ đồn Sông Lũy lên chi viện cho bọn địch xã Trinh Hòa, Đội công tác phối hợp với các đơn vị bộ đội khẩn trương triển khai đội hình bao vây tập kích vào đội hình của địch, bắt gọn 1 tiểu đội "Dân vệ" ; trong đó có tên Mang Đá - chỉ huy trưởng, thu vũ khí và đồ dùng quân sự. Đồng thời, một tổ vũ trang do đồng chí Sơn Ánh phụ trách, đã phục kích bắt sống 1 tên lính "Trường Sơn" được bọn chỉ huy phái sang liên lạc với tiểu đội "Dân vệ" này, thu 1 súng và đạn dược.

Kết quả các trận đánh, các đơn vị vũ trang và Đội công tác đã giải trang trung đội “Dân vệ” xã Trinh Hòa, bắt sống và giáo dục tại chỗ 36 tên địch, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự. Chiến công đó làm cho đồng bào miền núi phấn khởi, tin tưởng vào cách mạng thắng lợi, góp phần tạo chỗ dựa vững chắc cho Bình Thuận nối thông suốt tuyến hành lang với các tỉnh xung quanh.

Cay cú trước thất bại nặng nề ở xã Trinh Hòa (K’Lon) hơn một tháng sau đó (tức cuối tháng 5 năm 1963) nguy quyền quận Phan Lý Chàm huy động 2 trung đội “Bảo An” cộng với lực lượng tổng hợp, mở cuộc càn quét vào buôn làng đồng bào ở K’Lon. Đi đôi với bắn phá bữa bãi buôn làng, nương rẫy và dùng súng đạn, lưỡi lê chúng vừa khống chế đàn áp, vừa tuyên lừa mị : “Tụi mày xuống Sông Mao ăn gạo trắng cá tươi, sống sung sướng...”.

Không thể lay chuyển được tinh thần đấu tranh chống việc lừa gom dân về Sông Mao cũng như không cài cắm được bọn tề điệp, mật vụ tại K’Lon, đến tháng 7 năm 1963 chúng tiếp

tục mở cuộc càn quét với quy mô lớn hơn, dùng xe ủi phá sập nhà sàn cùng lực lượng đàn áp dồn đẩy phần đông đồng bào lên xe quân sự, chở đến các vùng kiểm soát tập trung Sông Mao, còn lại phân bố ở Sông Lũy. Trong tháng 2 năm 1964 chúng hoàn tất định cư cho 332 hộ đồng bào xã Trinh Hòa và sáp nhập khu Bá Ghe vào xã Gia Hòa thành lập xã mới lấy tên Hòa An. Đồng thời tập trung đội thanh niên chiến đấu 30 tên để bảo vệ khu đồn Trinh Hòa, Gia Hòa và chuyển vật liệu từ ấp Tuy Tịnh Chàm đến lập công sự phòng thủ tại xã Gia Hòa. Đến tháng 7 năm 1964 chúng đã lập xong Ban phòng vệ dân sự quận Phan Lý Chàm và 10 ban phòng vệ dân sự các xã tổng cộng có 550 tên.

Trước tình hình đó. Đội công tác và quân chúng cơ sở đã kịp thời vận động hơn 30 hộ gia đình gồm 106 khẩu súng vào rừng sâu lập buôn mới, dựng nhà sàn, phát rẫy làm nương và xây dựng lực lượng dân quân du kích với tinh thần sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ núi rừng ông bà. Trong đó, gia đình ông Phuynh (tức Búa) là hộ súng ra đầu tiên.

Sau khi ổn định xong thế ăn ở và sản xuất cho đồng bào, Ban cán sự Bắc Sơn hình thành 3 thôn theo mỗi nhóm dân cư : thôn 1 gồm 14 hộ, thôn 2 gồm 10 hộ và thôn 3 gồm 7 hộ. Đồng chí Mang KLo được cử phụ trách tạm thời 3 thôn này. Và để phù hợp tình hình mới, Ban cán sự Bắc Sơn thành lập Đội công tác Cà Giây. Đồng chí Nguyễn Văn Tấn làm Đội trưởng công tác đầu tiên với nhiệm vụ quan trọng vào thời kỳ này : “Vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kềm, hỗ trợ đồng bào đấu tranh bung ra sản xuất, rút thanh niên thoát ly tham gia đánh Mỹ, đồng thời vận động nhân dân khu tập trung Trinh Hòa ở Sông Mao trở về xây dựng và bảo vệ căn cứ K’Lon...”.

Tại Sông Mao, sau khi đồng bào các xã Ruxăng Tà Mâu, GiakaXanan bị dồn vào năm 1960 để thành lập các xã Gia Hòa và Phú Nhiêu, địch tiếp tục đưa đồng bào từ khu tập trung Trinh Hòa (K’Lon) xuống củng cố và thành lập lại xã Trinh Hòa thuộc sự quản lý hành chính của quận Phan Lý Chàm.

Sống trong vùng tạm kiểm soát của Mỹ - ngụy, đồng bào rất cơ cực và mất tự do, như “Chim lồng, cá chậu”. Không được ăn gạo trắng, cá tươi như địch rêu rao mà ăn toàn gạo đen (lúa mỳ) cùng với nạn dịch bệnh hoành hành. Chỉ mới vài tháng sống tập trung nơi đây, đồng bào đã bị bệnh chết 250 người cả già lẫn trẻ. Việc cưỡng bức sống tập trung ở đồng bằng và đi ngược lại sinh hoạt phong tục, tập quán du canh du cư của đồng bào miền núi chỉ khắc sâu sự hờn căm của đồng bào đối với Mỹ - Diệm.

“Tức nước, vỡ bờ”, đồng bào đã vận động nhau đấu tranh với địch bung ra làm rẫy, ruộng ở Tà Băng, Đồng Măng... buộc chúng phải nhượng bộ chấp nhận yêu sách đó. Tại đây, bà con có điều kiện tiếp xúc với Đội công tác Cà Giây. Ông Mang Hóa là đảng viên (cũ) được móc nối hoạt động cơ sở, phục hồi và sinh hoạt chi bộ thường kỳ với Đội công tác. Từ đó, cơ sở nhân rộng và khôi phục nhiều đảng viên (cũ) tham gia và tiến tới thành lập chi bộ gồm các đồng chí K'Yai, K'Krá, Trần Thị Xiếu... do đồng chí Mang Hóa được chỉ định làm Bí thư chi bộ cơ sở bên trong. Thanh niên du kích

mật gồm các đồng chí : Mang Cai, Mang Phú, K'Pan... Phụ nữ gồm các đồng chí : Mang Thị Dú, Mang Thị Tơ, Trần Thị Lan...

Tháng 11 năm 1963, Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Bọn đầu sỏ ngụy quyền Sài Gòn ra sức tranh giành quyền lực, làm cho hiệu lực bộ máy của chúng bị giảm sút cùng những thắng lợi liên tiếp về chính trị - quân sự của quân và dân ta trên toàn miền Nam càng đẩy bọn chúng vào thế bị động, lúng túng.

Ở quận Phan Lý Chàm, các thế lực phản động tay sai tìm cách thanh toán nhau hoặc phô trương thanh thế, ngụy quân co cụm, ngụy quyền bối rối. Tình hình diễn biến đó tạo thuận lợi cho lực lượng cách mạng trong việc chủ động đánh phá kế hoạch “Bình định” của Mỹ - ngụy.

Được sự lãnh đạo của Đội công tác Cà Giây và chi bộ bên trong, các đoàn thể quần chúng đã đẩy mạnh việc tuyên truyền và hướng dẫn đồng bào đấu tranh trực diện với tề ngụy xã Trinh Hòa, đòi quyền dân sinh - dân chủ, tự do đi lại làm ăn và thăm viếng bà con lẫn

nhau. Từ đó, ánh sáng cách mạng trở lại với phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân trong khu tập trung Trinh Hòa.

Nghe và làm theo lời cán bộ Năm Hưng - Phó Bí thư Ban cán sự Bắc Sơn là hãy trở về căn cứ ổn định cuộc sống tự do, mẹ con ông Mang Đăng là hộ đầu tiên rời bỏ khu tập trung bung về căn cứ K'Lon. Đi theo con đường của hộ ông Đăng, bà con nói với nhau : “Tụi mình ở thế này không được đâu, núi rừng của mình, mình phải lên để mà sống...” và để qua mắt địch, bà con đã tìm cách dùng phong tục tập quán tác động, buộc bọn địch phải chấp nhận cho bà con trở lại núi rừng cúng tạ ông bà trước khi thu hoạch hoa màu. Thế rồi vài ba ngày sau, từ 5 gia đình lên đến 65 gia đình lần lượt kéo nhau trở về ; trong đó có nhiều hộ ở khu tập trung Sông Lũy. Như vậy, số dân cả trước lẫn sau ở cả hai khu tập trung hơn 85 hộ, chiếm 40% tổng số dân K'Lon sau khi bị dồn về vùng tạm kiểm soát của địch ở Trinh Hòa.

Đầu năm 1964, K'Lon đẩy mạnh việc củng cố tổ chức và phát hiện thực lực về mọi mặt,

ổn định thế ăn ở và sản xuất, bố phòng canh gác chống địch càn quét đánh phá vùng căn cứ. Hai đồng chí Bảy Hiền và Cao Thị Bảy là cán bộ huyện được tăng cường cho địa bàn miền núi. Trong đó, đồng chí Bảy Hiền được cử thay thế đồng chí Mang KLo tăng cường cho Đội công tác Cà Giây, tạm thời Phụ trách các thôn căn cứ K'Lon. Đồng chí Trần Thị Sở làm Hội trưởng phụ nữ. Đồng chí Mang Đôn làm tiểu đội trưởng dân quân du kích gồm 8 đội viên. Đồng chí Mang Bích làm thôn trưởng thôn 1 ở khu vực Rừng Lá. Đồng chí Mang Giai làm thôn trưởng thôn 2 ở khu vực suối K'Dang. Đồng chí Mang Xi làm thôn trưởng thôn 3 ở khu vực nguồn sông K'Tây.

Sau khi liên tiếp bị thất bại nặng nề trước những đòn đấu tranh chính trị của lực lượng du kích và quần chúng cơ sở Trinh Hòa, bọn địch tung “gián điệp”, “biệt kích”... vào căn cứ cách mạng thăm dò tin tức, kết hợp với bọn lính “Bảo An” ở Hải Ninh (Sông Mao) và bọn lính ở Lâm Đồng, có sự yểm trợ của máy bay, đã tổ chức mở nhiều đợt càn quét bắn phá ném bom vùng căn cứ cách mạng.

Với tinh thần chiến đấu bảo vệ buôn làng, nương rẫy, lực lượng dân quân du kích K'Lon đã chặn đánh và đẩy lùi nhiều đợt phản kích của chúng, bảo vệ mùa màng. Tiêu biểu trong trận đánh đầu tiên chống địch càn quét, đồng chí Mang Đăng một mình ngoan cường chiến đấu, đánh bật nhiều cánh quân phản kích của chúng.

Ở địa bàn vùng tạm kiểm soát của địch, Đội công tác Cà Giây hỗ trợ cho các đội mũi công tác Châu Hanh - Thanh Khiết, Mai Lãnh, Xuân Quang... vũ trang tuyên truyền và làm hậu thuẫn cho đồng bào nổi dậy diệt ác, phá kềm, phá hỏng các “ấp chiến lược”. Phối hợp với bộ đội địa phương Phan Lý vũ trang đánh địch ở các điểm Bá Ghe, Lạc Trị, Vĩnh Hảo... làm cho nguy quyền cơ sở hoang mang dao động không dám hung hăng như trước nữa.

Cuối năm 1964, phong trào cách mạng phát triển mạnh, thanh niên các ấp - xã đồng bào Chăm hăng hái thoát ly tham gia quân giải phóng với số lượng ngày càng đông, bổ sung vào lực lượng vũ trang C470 của huyện. Đặc biệt ở các khu tập trung Trinh Hòa, Gia Hòa có vài chục

hộ đồng bào Rắclay, K'Ho thoát cảnh kềm kẹp, bung về buôn làng cũ sản xuất và chiến đấu ở vùng tự do, căn cứ.

Cùng thời gian trên, Ban cán sự Bắc Sơn củng cố và khôi phục tổ chức chi bộ cơ sở K'Lon, gồm 6 đồng chí : Già Hóa, Mang Grôn, Mang Đôn, Mang Xim, Mang Giai và Mang Bích do đồng chí Mang Grôn được cử làm Bí thư Chi bộ. Đây là chi bộ đầu tiên ở các thôn căn cứ K'Lon thành lập vào tháng 11 năm 1964. Cũng trong thời điểm này, các thôn tiến hành tổ chức Đại hội bầu Ủy ban nhân dân xã căn cứ K'Lon nhiệm kỳ lần thứ I. Đồng chí Mang Tài trúng cử làm Chủ tịch xã. Đồng chí Huỳnh Kiên làm Phó Chủ tịch xã. Đồng chí Mang Đôn là xã đội trưởng. Đồng chí K'Điều làm tiểu đội trưởng dân quân du kích. Đồng chí Trần Thị Sở làm Hội trưởng Hội phụ nữ và đồng chí Trần Thị Đình làm Hội phó phụ nữ.

Tháng 6 năm 1965, Tỉnh ủy Bình Thuận giải thể Ban cán sự Bắc Sơn để thành lập Ban cán sự huyện Phan Lý, trong đó Sông Mao - Hải Ninh thuộc huyện Phan Lý. Đồng chí Nguyễn Hưng được cử làm Bí thư Ban cán sự

Phan Lý. Sau đó huyện Phan Lý thành lập 2 xã miền núi, gồm : đồng bào từ khu tập trung Gia Hòa bung về làng cũ cả trước sau hơn 60 hộ, thành lập xã Phan Lâm. Đồng bào căn cứ K'Lon thành lập xã Phan Sơn.

Về tổ chức hành chính xã mới Phan Sơn có sự thay đổi : đồng chí Huỳnh Kiên được cử thay thế đồng chí Mang Tài, làm Chủ tịch xã. Đồng chí Mang Grôn làm Phó Chủ tịch xã kiêm Bí thư Chi bộ.

Về đời sống vật chất, mặc dù Mỹ ngụy liên tục mở nhiều đợt càn quét bắn phá buôn làng, nương rẫy hồng làm cho cuộc sống không ổn định và thiếu đói, nhưng thà ăn đứt bữa chứ đồng bào các dân tộc miền núi nhất định không đầu hàng giặc - không ngừng nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ và ác liệt, ra sức khắc phục khó khăn vào rừng tìm củ năn, củ chuối, rau rừng lá bép thay cơm ăn đánh giặc, bảo vệ buôn làng. Thực hiện khẩu hiệu "Toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến", đồng bào vận động nhau tự túc phát triển sản xuất, đoàn kết giúp đỡ nhau vẫn đổi công trên nương rẫy.

Nhờ đó, từng bước đẩy lùi nạn thiếu đói, vươn lên trang trải đủ cái ăn trong gia đình và làm nghĩa vụ lương thực với huyện 5 thùng lúa (100 kg) và 1.000 gốc mì/hộ/năm. Ngoài ra, đồng bào còn cung cấp mì, bắp cho các đơn vị bộ đội tỉnh, huyện và các đơn vị bạn đóng trên địa bàn căn cứ K'Lon.

Về đời sống văn hóa - tinh thần, được sự quan tâm của chi bộ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể, đồng bào các thôn tiếp thu đường lối, chủ trương của Đảng và xác định rõ nhiệm vụ cách mạng của buôn làng trong tình hình mới. Nổi bật là phong trào giáo dục không ngừng được duy trì, thu hút từ 10 đến 15 em đến lớp học ban đêm. Được sự kèm cặp nhiệt tình của nhiều cán bộ cơ quan và đơn vị bộ đội, dưới ánh đèn đêm bằng dầu thông, dầu rái, các em thường xuyên học tập và học tiến bộ, biết đọc, biết viết và tính toán. Các thôn đều có Đội văn nghệ quần chúng, đem tiếng hát, lời ca cách mạng phục vụ cuộc sống và chiến đấu.

Dưới sự lãnh - chỉ đạo của Ban cán sự Bắc Sơn, phong trào ở Phan Sơn được củng cố,

giữ vững và phát triển mở rộng. Đặc biệt là sau khi được giải phóng, đồng bào khu tập trung Trinh Hòa ở K'Lon được cách mạng hướng dẫn bung ra xây dựng căn cứ ổn định cuộc sống, xây dựng thế trận chiến tranh du kích, bảo vệ buôn làng. Đồng thời tổ chức thành lập Đội công tác Cà Giây vũ trang tuyên truyền, hỗ trợ đắc lực cho đồng bào bị dồn đẩy vào khu Trinh Hòa ở Sông Mao đấu tranh chính trị, đòi quyền dân sinh - dân chủ, móc nối xây dựng lực lượng cơ sở cách mạng bên trong và khôn khéo dùng phong tục tập quán đấu tranh buộc địch phải nhượng bộ giải quyết yêu sách cho đồng bào lần lượt bung về buôn làng căn cứ và miền núi ổn định và xây dựng cuộc sống mới, góp phần cùng địa phương và toàn miền Nam đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ - ngụy, buộc chúng phải chuyển từ "chiến tranh đặc biệt" sang chiến tranh mới "chiến tranh cục bộ" mang tính chất quy mô và hiện đại ở miền Nam nước ta.

*

* * *

IV - ỔN ĐỊNH CUỘC SỐNG, Củng cố VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, BẢO VỆ CĂN CỨ VÀ ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO ĐU KÍCH BẢN MÁY BAY (1966 - 1972)

Đầu năm 1966, được Mỹ hà hơi tiếp sức, ngụy quyền quận Phan Lý Chàm ra sức củng cố, xây dựng hệ thống kèm kẹp ở các vùng tạm kiểm soát và các vùng tranh chấp với cách mạng. Chúng tăng cường hoạt động chiến tranh tâm lý, tuyên truyền nói xấu cách mạng, kích động chia rẽ các dân tộc Kinh - Chăm - Thượng. Bọn “Bình định nông thôn” rêu rao về “chính nghĩa quốc gia”, “sức mạnh Hoa Kỳ” cùng thủ đoạn xảo quyệt “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” hòng lung lạc ý chí và tinh thần cách mạng của nhân dân ta. Trên cơ sở đó, Mỹ ngụy đẩy mạnh việc thực hiện các âm mưu, thủ đoạn “Bình định” bên trong ; đồng thời tung bọn “thám báo”, “Biệt kích” phối hợp với quân chủ lực ngụy thuộc trung đoàn 44 đóng tại Sông Mao, mở những đợt càn quét lùng sục bên ngoài.

Bằng chiến thuật “Trực thăng vận”, bọn địch sử dụng các lữ đoàn dù, lữ đoàn kỵ binh

bay, trực tiếp đánh phá vào các vùng căn cứ kháng chiến hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Ngày và đêm, bom đạn Mỹ trút xuống núi rừng, nương rẫy, buôn làng đồng bào. Chiến tranh cục bộ thực sự diễn ra với tất cả sự hùng hổ ác liệt của đội quân viễn chinh Mỹ trên địa bàn Bình Thuận.

Đồng thời, chúng phối hợp với một bộ phận ngụy quân từ Lâm Đồng xuống và một bộ phận ngụy quân từ Sông Mao lên, Mỹ ngụy mở đợt càn quét đầu tiên đánh phá hành lang của ta từ Lâm Đồng đến Bình Thuận.

Ở căn cứ K'Lon (Phan Sơn), địch đánh phá thôn 1, phá hủy một số nhà sàn và tài sản của đồng bào, gây cho ta nhiều khó khăn đáng kể - nhất là về lương thực, đồng bào không thu hoạch được bởi bom bầy, pháo chụp của địch dội xuống cả ngày lẫn đêm.

Nêu cao ý chí và tinh thần quyết tâm :
“Dù có chết cũng phải bám núi rừng ông bà, nương rẫy...”, chi bộ và chính quyền di chuyển chỗ ở buôn làng, tạo thế an toàn vừa sản xuất và chiến đấu. Sau khi địch phát hiện đánh phá,

đồng bào phải di chuyển nhiều lần, đến đâu dựng nhà sàn đến đó. Các thôn được phân bố rải rác theo tộc họ : Nhóm ông Mang Búa ở thôn 1, nhóm ông Huỳnh Kiên ở thôn 2, nhóm ông Mang Đăng ở thôn 3. Xung quanh các thôn đều có bố phòng chông, băng cung, bẫy đá, bẫy chùm...

Để đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản, bà con các thôn đều làm theo ông Mang Đôn, đào hầm tránh bom pháo, đào hầm dự trữ lương thực - thực phẩm. Đi đôi với ổn định và bố trí thế ăn ở phòng chống địch phá hoại, lực lượng dân quân du kích, các tổ chức đoàn thể không ngừng được củng cố và phát triển. Chi đoàn thanh niên từ 3 phát triển 5 đoàn viên do đồng chí Mang Rằm làm Bí thư. Ban Chấp hành Hội Phụ nữ do đồng chí Trần Thị Sở làm Hội trưởng. Các thôn đều thành lập Ban cán sự Hội Phụ nữ, lực lượng du kích hình thành 3 tổ và mỗi tổ gọi là tổ ba ba.

Thực hiện Nghị quyết của Chi bộ và chính quyền, Chi đoàn Thanh niên đề ra nhiệm vụ cụ thể : “Đánh Mỹ giành tự do” và đã biến thành hành động cách mạng trong việc chỉ đạo

phong trào thanh niên dân quân du kích bám
buôn, bám rẫy, không ngừng nêu cao tinh thần
cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ
K'Lon.

Tại khu tập trung Trinh Hòa (Sông Mao),
đồng chí Nguyễn Mạnh được tăng cường thay
thế đồng chí Tấn, làm Đội trưởng Đội công tác
Cà Giây. Với âm mưu nắm dân bên trong, lấn
chiếm bên ngoài của địch, hoạt động của Đội
công tác trong vùng địch lúc này có khó khăn,
vất vả khi bám địa bàn hoạt động. Song Đội
vẫn tổ chức nhiều đợt đột ấp, bám sát dân,
bám sát địch và tổ chức hướng dẫn cho lực
lượng cơ sở rải truyền đơn tố cáo bọn Thiệu -
Kỳ là những tên tay sai đắc lực của Mỹ trong
nội các Sài Gòn bày trò bầu cử chế độ bù nhìn
tháng 9 năm 1966 ; tuyên truyền vận động đồng
bào đấu tranh chống địch kèm kẹp, đòi quyền
dân sinh - dân chủ, chống bắn phá bừa bãi giết
hại đồng bào lương thiện sản xuất trên ruộng
rẫy vùng Cà Giây.

Cùng thời gian trên, Ban cán sự huyện Phan
Lý được thay đổi tổ chức trở thành Huyện ủy

huyện Phan Lý do đồng chí Nguyễn Hưng làm Bí thư Huyện ủy.

Để phù hợp với tình hình mới, đầu năm 1967 khu VI thành lập tỉnh Bắc Bình gồm 3 huyện : Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong và K.67 của tỉnh Tuyên Đức do đồng chí Nguyễn Gia Tú là Bí thư Tỉnh ủy.

Tại huyện Phan Lý, thực hiện chủ trương tăng cường củng cố tổ chức, tháng 3 năm 1967 Chi bộ xã Phan Sơn từ 6 đảng viên phát triển lên 8 đảng viên do đồng chí Mang Grôn làm Bí thư, phân làm 2 tổ Đảng. Cùng thời gian đó, xã tiến hành đại hội đại biểu chính quyền nhiệm kỳ lần thứ 2. Đồng chí Mang Grôn được bầu làm Chủ tịch xã Phan Sơn. Đồng chí Mang Sai làm phó Chủ tịch xã, phụ trách trưởng ban an ninh. Đồng chí Mang Đôn làm xã đội trưởng kiêm chính trị viên xã đội.

Đồng thời, huyện cử đồng chí Tám Ánh thay thế đồng chí Mạnh làm đội trưởng đội công tác Cà Giây, phụ trách địa bàn vùng kềm kẹp ở khu vực Sông Mao.

oB Cuối năm 1967, đối phó với phong trào chiến tranh du kích của nhân dân ta, quân Mỹ dùng máy bay L.19 thám thính chỉ điểm, trực thăng đổ quân nhảy cóc, phản lực F105 dội bom xuống nương rẫy của đồng bào. Đồng thời, phối hợp với quân ngụy Sông Mao và Lâm Đồng tổ chức càn sâu vào rừng, đánh vào các buôn làng, gây cho lực lượng và đồng bào căn cứ nhiều khó khăn, tổn thất. Mức độ càn quét đánh phá với quy mô ngày càng ác liệt hơn, không những chúng tập trung lực lượng tổng hợp bộ binh và không quân mà còn dùng các loại pháo hạng nặng 105 ly, 175 ly từ các điểm quân sự : Sông Mao, nông Cà Tang... bắn phá vào căn cứ cách mạng cả ngày đêm, hòng giành thế chủ động trên chiến trường như chúng đã từng tuyên bố : “Nếu K’Lon còn thì quận Phan Lý mất và nếu K’Lon mất thì chúng ta thắng lợi...”

Kiên quyết “đánh Mỹ giành tự do”, bằng 10 khẩu súng trường lực lượng du kích Phan Sơn đã phối hợp với bộ đội địa phương C 470 và bộ đội chủ lực D 186 khu, chặn đánh quyết liệt với địch, diệt hơn 100 tên địch sau khi chúng

liên tiếp bị quân ta tiêu diệt 3 đại đội “Bảo An” trên lộ 20, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn “Cộng hòa”, bắn rơi 3 trực thăng.

Trong những ngày đọ sức đầu tiên với đội quân viễn chinh Mỹ, quân và dân Phan Sơn đã góp phần giành nhiều chiến công. Phong trào du kích chiến tranh của đồng bào miền núi ngày càng có đà vươn lên, mặc dù kẻ địch điên cuồng cố gỡ thế bị động lúng túng trên chiến trường miền núi và đồng bằng.

Đầu năm 1968, với khí thế phong trào du kích chiến tranh nhân dân kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào vùng tạm kiểm soát Sông Mao đã và đang vươn lên mạnh mẽ, quân và dân Phan Sơn góp phần cùng địa phương thực hiện lời chúc tết của Bác Hồ.

- *“Nam - Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.*

Tiến lên toàn thắng ắt về ta !”.

Chấp hành mệnh lệnh tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, dưới sự lãnh - chỉ đạo trực tiếp của huyện Phan Lý, cán bộ và nhân dân Phan Sơn nhận nhiệm vụ trong đợt

cao điểm này là củng cố lại các mặt công tác và đời sống, tổ chức lực lượng thanh niên với phong trào “5 xung phong” đi dân công tải đạn phục vụ chiến trường.

Mặc dù vùng căn cứ K’Lon bị đánh phá ác liệt, nhưng với tinh thần “Một tấc không đi, một ly không rời” quân và dân Phan Sơn vẫn ngoan cường chiến đấu, bảo vệ buôn làng. Lực lượng dân quân du kích được sự hướng dẫn kỹ chiến thuật chu đáo, ngày đêm không ngừng luyện tập quân sự và sẵn sàng chủ động đánh địch càn quét. Đồng chí Bảy Hiền được huyện cử đến khu vực miền núi xây dựng phong trào du kích.

Lực lượng thanh niên và dân quân du kích K’Lon gồm 25 người với “túi ví” (1) vắt cơm và vai mang gùi hăng hái lên đường đi dân công tải đạn, tiêu biểu là ông K’Yai hướng dẫn cả chục bà con tình nguyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gùi vũ khí, đạn dược ra chiến trường đánh Mỹ hơn 3 tháng đường Trường Sơn không nghỉ.

(1) Túi làm bằng chất liệu cây cỏ để đựng cơm,

Ở địa bàn phía trước, từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1968 Đội công tác Cà Giây đã chủ động phối hợp với bộ đội địa phương các huyện trong tỉnh như : C440, C490 tổ chức nhiều đợt vũ trang và tiến công bao vây tiêu diệt bọn lính đại đội “126” quận Hải Ninh và các đại đội “119”, “445” quận Phan Lý Chàm trên đường tăng viện bọn lính đồn cầu Xóm Lụa (Chợ Lầu), diệt nhiều tên, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các mũi tiến công của quân chủ lực tỉnh, Khu VI đánh vào các mục tiêu quan trọng. Phối hợp liên lạc nắm tình hình địch, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội huyện đánh địch ban ngày ở Thanh Kiệt, Mai Lãnh, Tịnh Mỹ ; đồng thời hỗ trợ cho các Đội mũi công tác Hải Ninh, Châu Hanh, Hựu An, Hậu Quách, Trí Thái, Xuân Quang... vũ trang tuyên truyền diệt ác, phá kềm, đòi quyền dân sinh - dân chủ, đòi đi lại làm ăn xa, chống cướp phá lúa ngoài đồng, chống bắn pháo bừa bãi giết hại nhiều đồng bào làm ăn vô tội. Trong đó, có nhiều cuộc đấu tranh chính trị, đòi quyền dân sinh - dân chủ, tự do đi lại làm ăn của đồng bào các dân tộc Rắclay, K’Ho, Nùng... Đồng bào nói thẳng vào mặt chúng : “Rừng của cách mạng, nước của cách

mạng, nếu mấy cái đập nước cách mạng phá là không có nước làm ruộng, còn rừng cách mạng cấm không cho đi là chết đói, vì ở dưới này không có cái gì ăn mùa khô...”.

Nhờ đó, khí thế phong trào đấu tranh chính trị ngày càng khởi dậy liên tục, từ ít đến nhiều, đồng bào trong vùng kèm bung ra ruộng xa, rẫy ven rừng sản xuất và dần dần dựng chòi, cất nhà, tối ngủ lại ở các điểm : Tà Bo, Ma Hý, Bá Ghe, Sông Khiêng, Cà Giây... tại các khu vực này đồng bào đã cung cấp từ 70 đến 80 xe bò lúa (80 tấn) cho cách mạng và tạo điều kiện giúp đỡ, chi viện lương thực cho đồng bào căn cứ K'Lon trong bối cảnh giặc tập trung đánh phá buôn làng, triệt nguồn sản xuất trên nương rẫy, gây khó khăn thiếu đói cho đồng bào ta. Đấu tranh thắng lợi, nhân cơ hội này hơn 20 hộ các dân tộc Rắclay, K'Ho vận động nhau kéo nhau trở về buôn làng K'Lon.

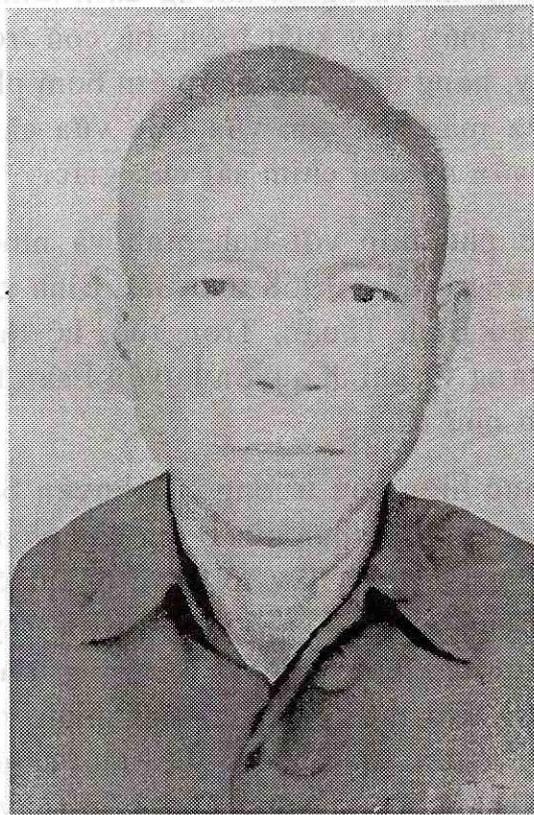
*

* *

Choáng váng trước những thất bại quân sự và chính trị, giữa năm 1968 Mỹ - ngụy ra

sức thực hiện chiến lược “quét và giữ”, đi đôi tuyên truyền nói xấu cách mạng, kích động chia rẽ các dân tộc, nắm tôn giáo để mê hoặc làm cho dân mê tín dị đoan và tổ chức lập đảng phái “Dân chủ”, chúng ráo riết đôn quân bắt lính hòng giành lại thế mạnh trên chiến trường đã bị thất bại thảm hại ngay sào huyệt của chúng.

Ngoài vành đai “Áp chiến lược”, chúng điều quân chủ lực nguy, có sự hỗ trợ của cố vấn Mỹ cùng bọn lính “Biệt kích Mỹ”, “Thám báo”... tổ chức đánh phá và phục kích, gài mìn ở các điểm trong rừng và vùng căn cứ cách mạng kể cả việc dùng pháo hạng nặng bắn phá bờ bãi trên nương rẫy, buôn làng, giết hại đồng bào ta. Với mức độ đánh phá khốc liệt hơn, Mỹ - nguy tăng cường lực lượng bộ binh kết hợp không quân - nhất là vào những tháng cuối năm 1968 chúng đánh phá liên tiếp, có từ 15 - 20 máy bay các loại kể cả máy bay T 28 cất bom tọa độ ban đêm tập trung dội bom xuống căn cứ núi rừng K’Lon ; hòng triệt phá tuyến đường hành lang của ta.



Huỳnh Kiên - Bí thư Chi bộ thời kỳ 1968

Đây là thời điểm căng thẳng nhất, địch càn quét đánh phá, gây cho lực lượng cơ sở và đồng bào nhiều khó khăn, tổn thất đáng kể. Thấy máy bay địch, đồng bào dân tộc sợ hãi, chạy trốn, nhiều người không dám làm nương rẫy. Khi máy bay xuất hiện, bà con trốn vào gốc cây, hang đá. Máy bay ném bom phá rẫy, phá hoa màu, bà con vừa tiếc vừa căm thù, nhưng vẫn sợ con chim sắt của giặc.

Để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 8 năm 1968 tỉnh Bắc Bình giải thể nhập vào Bình Thuận. Trong đó, hệ thống tổ chức Đảng và chính quyền huyện Phan Lý vẫn ổn định như cũ.

Thực hiện chủ trương của huyện bám sát địch, bám sát dân hơn nữa ở địa bàn phía trước, Đội công tác Cà Giây tổ chức nhiều đợt đợt “Áp” Trinh Hòa (Sông Mao), tuyên truyền và hỗ trợ quần chúng cơ sở bên trong đấu tranh chính trị, kịp thời củng cố tình hình và phối hợp với bộ đội địa phương diệt một cánh quân Mỹ “Nhảy cóc” ở vùng Gió Lốc (nay thuộc huyện Tuy Phong). Nổi bật là trận đánh ngày 24 tháng 11 năm 1968 của quân ta diệt cứ điểm

Sông Mao - hậu cứ của Trung đoàn 44 thuộc sư đoàn 23 - bộ binh ngụy.

Hăng hái đi dân công tải đạn vũ khí đạn được phục vụ chiến trường cho bộ đội và Đội công tác Cà Giây ngày, đêm chiến đấu bám trụ đột “Áp” và làm hậu thuẫn đặc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào trong khu tập trung Trinh Hòa nổi dậy phá thế kềm kẹp của địch, bung ra ruộng rẫy làm ăn và lần lượt kéo nhau trở về núi rừng căn cứ ; quân và dân Phan Sơn đã góp phần cùng địa phương làm nên thắng lợi oanh liệt của tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Pari nước Pháp.

*

* *

Đầu năm 1969, Mỹ ngụy đề ra “Việt Nam hóa chiến tranh”, dùng người Việt đánh người Việt, thực ra là thay đổi màu da trên xác chết ; với biện pháp chủ yếu là “Bình định nông thôn”,

tăng cường quân ngụy, củng cố ngụy quyền đi đôi yểm trợ mạnh cho quân ngụy bằng vũ khí trang bị, hậu cần, giành lại thế mạnh để kết thúc chiến tranh có lợi cho chúng ; Đồng thời rút dần quân Mỹ về nước và duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam.

Thực hiện mưu đồ trên, ngụy quyền quân Phan Lý Chàm ra sức “Bình định cấp tốc”, tăng cường tổ chức ngụy quân, ngụy quyền, đồn quân bắt lính, xây dựng thêm đồn bót và trang bị các loại vũ khí hiện đại. Cùng với bộ máy tề ấp “Phòng vệ dân sự”, “An ninh”, tổ chức Đảng “Dân chủ” của Nguyễn Văn Thiệu (1) được xây dựng đến tận xã, ấp và trong các đối tượng công chức cũng như các tổ chức “Gián điệp”, “Tình báo”, “Phượng hoàng”, “Thiên Nga” len lỏi cài cắm trong nhân dân ; đồng thời tăng cường đại đội “118” đánh phá lực lượng cách mạng và phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Bên ngoài, Mỹ ngụy tung bọn “Biệt kích”, “Thám báo” thường xuyên đi lùng sục, phục

(1) Nguyễn Văn Thiệu : Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn.

kích gài mìn hồng ngăn chặn lực lượng cách mạng kết hợp dùng máy bay phản lực thả bom hủy diệt các vùng căn cứ, giải phóng và xung quanh “Vành đai ấp chiến lược”, có xe tăng, xe bọc thép và xe ủi phá rừng yểm trợ để dọn chỗ cho những đợt càn quét dài ngày của chúng. Chiến đoàn 506 của Mỹ cùng thiết đoàn 8 ngụy đến đóng quân ở các điểm Sông Mao, Lương Sơn đã tổ chức cuộc hành quân đánh vào núi rừng, căn cứ K’Lon và căn cứ Khu Lê Hồng Phong.

Ở căn cứ K’Lon, bằng lực lượng bộ binh và máy bay các loại, địch mở nhiều đợt càn quét đánh phá ác liệt vào buôn làng, nương rẫy của đồng bào kể cả dùng chất độc hóa học rải thảm hủy diệt môi trường sống. Chúng đã gây cho lực lượng cơ sở và đồng bào căn cứ nhiều hy sinh tổn thất, buôn làng tiêu điều, nhà sàn tan hoang, nương rẫy xơ xác. Ngày đêm người ta chỉ còn nghe tiếng gầm thét giận dữ của các loại máy bay trực thăng, đâm già (L19), phản lực (F105)... thay nhau dội bom bầy, bom chụp, làm chấn động núi rừng ông bà.

Trước tình hình địch phản ứng gay gắt, cán bộ và nhân dân Phan Sơn phải thường xuyên di chuyển nơi ăn, ở an toàn và tạo thế sản xuất mới. Đồng bào làm nhà sàn trong hốc núi và phát rẫy lưng chừng núi nhằm tạo thế bất ngờ phòng chống bọn lính bộ binh từ dưới kéo lên, đồng thời sẵn sàng đánh trả bọn giặc lái máy bay từ trên không bỏ nhào xuống. Chủ động và mưu trí sáng tạo đánh địch song song với phát triển lực lượng du kích từ một tiểu đội tăng lên gần hai tiểu đội, gồm 18 đồng chí, được trang bị lúc đầu 10 súng trường. Lực lượng du kích đã ngoan cường chiến đấu vừa đánh địch mặt đất, vừa đánh địch trên không, ngăn chặn và bẻ gãy nhiều cánh quân càn quét của chúng. Tiêu biểu là các trận đánh :

Ngày 2 tháng 2 năm 1969, được mẹ Nú, là mẹ của ba anh em Mang Kha (lớn) vừa địu con trên lưng cùng 2 em ruột là Mang Đa và Mang Đăng bàn bạc hạ quyết tâm bám trận địa bắn máy bay. Bằng những phát đạn súng trường chính xác, ba anh em đã bắn rơi tại chỗ một máy bay phản lực F105 của giặc Mỹ, khi chúng đến bắn phá rẫy của gia đình. Bà Nú

đã nói với 3 con trai : Mình không bắn nó thì nó cũng bắn chết mình, hoặc mình chết đói. Bất chấp tiếng găm hú, bom đạn, bà mẹ đã tiếp đạn cho 3 con chiến đấu bắn máy bay. Riêng tên giặc lái sống sót bung dù nhảy xuống, được máy bay trực thăng đồng bọn kịp đến cứu nguy chở về thoát chết. Đây là loại máy bay được mệnh danh là “Thần sấm con ma” lần đầu tiên bị hạ uy thế tại núi Chớ Ra Mây - K’Lon.

Tiếp tục trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 2 năm 1969, địch dùng 13 máy bay các loại quần lượn cả vùng trời Phan Sơn với mức độ đánh phá ác liệt hơn. Nhưng sự hùng hổ của “Không lực Hoa Kỳ” không thể đè bẹp được ý chí và tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân căn cứ K’Lon.

Bình tĩnh và tự tin, tổ du kích gồm các đồng chí Mang Kha, Mang Đa và K’Méo đã dựa vào thế hiểm núi Chớ Ra Mây, bám trụ đánh giặc lái, bắn cháy và bắn bị thương 5 máy bay các loại ; trong đó có 1 chiếc F.105.

Đầu tháng 3 năm 1969, sau khi phát hiện 3 phi đội gồm 9 chiếc máy bay vào hướng buôn

làng, nường rẫy, đồng chí Mang Đa nhanh chóng đưa vợ con vào chỗ ẩn nấp rồi đốt lửa un khói nử máy bay địch đến. Quăng nhau với chúng suốt buổi sáng, bằng 2 phát đạn súng trường chính xác đồng chí đã hạ tại chỗ 2 chiếc máy bay trực thăng.

Lồng lộn trước thất bại, chiều cùng ngày chúng tăng cường lực lượng không quân 12 chiếc quay lại tiếp tục đánh phá. Mặc dù bị thương chân, nhưng đồng chí Mang Đa vẫn kiên cường chiến đấu, bắn rơi thêm 2 máy bay trực thăng nữa - làm rối loạn đội hình của giặc lái trên không, buộc chúng phải tìm đường tẩu thoát. Với những chiến công vang dội đó, đồng chí Mang Đa được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang năm 1969.

Dùng súng trường bắn rơi nhiều máy bay giặc Mỹ, phong trào toàn dân thi đua bắn máy bay không ngừng dấy lên sôi nổi và rầm rộ, ngày càng có nhiều “Dũng sĩ diệt máy bay”. Kể từ tháng 7 đến cuối năm 1969, lực lượng dân quân du kích 3 thôn đều có thành tích bắn máy bay, bắn cháy và bắn bị thương 15 máy

bay. Trong những chiến công oanh liệt đó, có nhiều chiến sĩ du kích đã hy sinh vẻ vang, như các đồng chí Mang Râm, Mang Đài...

Trong lúc chiến đấu cực kỳ khốc liệt thì được tin Bác Hồ từ trần ngày 2 tháng 9 năm 1969. Toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc miền núi vô cùng thương tiếc, làm lễ truy điệu và để tang Bác. Thực hiện lời thề trước anh linh Bác, biến đau thương thành hành động cách mạng, cán bộ và đồng bào căn cứ có chuyển biến mới với tinh thần quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Với âm mưu “Bình định” bên trong, “càn quét” bên ngoài. Cuối tháng 11 năm 1969, Mỹ ngụy huy động gần 60 máy bay các loại, có sự phối hợp của bọn lính Sông Mao, Lâm Đồng tổ chức đánh phá căn cứ miền núi Phan Sơn và vùng căn cứ cách mạng thuộc tỉnh Lâm Đồng. Có thể nói, vùng trời Phan Sơn dày đặc những con “Quạ sắt” (1) thi nhau gầm hú và quần lượn trút xối xả bom đạn xuống buôn làng, nương rẫy của đồng bào.

(1) Chỉ máy bay các loại của địch.

Song, lực lượng dân quân du kích Phan Sơn đã bố trí phục kích và chặn đánh nhiều cánh quân bộ binh của địch. Trong đó, đồng chí Mang Tài diệt chết tại chỗ 4 tên khi chúng càn quét vào buôn làng. Nhiều tên bị vướng chông, bẫy đá... có tên trước khi quay về còn viết giấy để lại phân trần : “Vì người ta bảo đi càn quét thì đi thôi, anh em đừng bắn chết tôi, vì vợ con tôi quá khổ...”, có đơn vị địch phát hiện hầm giấu lúa của dân, chúng không phá mà còn ngụy trang kín đáo lại cho đồng bào.

Kiên cường bám trụ ngày đêm, bằng lối đánh “Chim sẻ” lực lượng du kích Phan Sơn đã tiêu diệt và làm tiêu hao sinh lực địch, góp phần vào chiến thắng vang dội, ngày 28 tháng 4 năm 1969, lần thứ 4 ta tấn công vào hậu cứ Sông Mao tiêu diệt cả trăm tên địch, buộc chúng phải bỏ dỡ cuộc càn quét vào căn cứ và miền núi.

Cùng thời gian trên, Mỹ ngụy dùng máy bay rải chất độc hóa học xuống nương rẫy, phá hoại lương thực và hoa màu của đồng bào Phan Sơn ; đồng thời chúng huy động cả chục máy

bay các loại : Tàu Gáo, Cá Lẹp phóng pháo (2)
... tập trung đánh phá.

Sẵn sàng chiến đấu, các đồng chí K'Điểu, Mang Đa, Mang Kha đã bám trụ chiến đấu ngoan cường, bắn rơi 1 máy bay trực thăng tại suối Ra Chên thuộc chân núi É Kây (K'Lon).

Ở địa bàn phía trước, Đội công tác Cà Giây đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, diệt ác, răn đe bọn tề ngụy khu tập trung Trinh Hòa (Sông Mao), hỗ trợ mạnh mẽ cho đồng bào đấu tranh phá kềm, bung ra sản xuất ở các vùng Tà Bâng, Đồng Măng, Cà Giây... tạo điều kiện thuận lợi tiếp xúc với cách mạng, tổ chức móc nối củng cố và phát triển lực lượng cơ sở bên trong “Áp”.

Đầu năm 1970, thực hiện việc chuyển mạnh từ “Bình định cấp tốc” sang “Bình định đặc biệt”, địch cũng gây cho ta nhiều khó khăn. Tháng 7 năm 1970, thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ huyện lần thứ I được tổ chức tại Khe Sanh (phía núi), Chi bộ và chính quyền Phan Sơn đã đề ra nhiệm vụ cụ thể : “Tiếp tục ổn

(1) Tàu Gáo, Cá Lẹp và các loại máy bay trực thăng trông giống như cái gáo múc nước, như con cá lẹp xẹp.

định thế ăn và ở và phát triển sản xuất, chủ động đánh địch càn quét, làm hậu thuẫn vững chắc cung cấp nhân tài, vật lực cho phía trước, đánh bại âm mưu “Bình định” bằng 3 mũi giáp công : Quân sự, chính trị và binh vận, trong đó quân sự là đòn xeo đặc lực.

Về tổ chức bộ máy, có sự thay đổi. Đồng chí Huỳnh Kiên - Huyện ủy viên, được cử làm Bí thư chi bộ xã Phan Sơn. Đồng chí Mang Đôn thay thế đồng chí Mang Grôn, phụ trách chính quyền xã. Ngoài ra, huyện còn cử đồng chí Bảy Hiền phụ trách các xã miền núi. Chi đoàn Thanh niên phát triển từ 8 đoàn viên lên 15 đoàn viên (trong đó có 2 nữ) do đồng chí K'Điều làm Bí thư Chi đoàn kiêm xã đội trưởng. Trên cơ sở phát triển, nhiều đoàn viên thanh niên được bổ sung vào lực lượng du kích từ 18 đồng chí tăng lên 25 đồng chí với trang bị 15 súng trường do đồng chí Mang Đa làm Đội trưởng du kích.

Để tập trung điểm dân cư liên hoàn và tổ chức đời sống phù hợp với điều kiện mới sẵn sàng chiến đấu bảo vệ buôn làng, các thôn được bố trí lại hợp lý đồng thời có kế hoạch chống

địch đánh phá. Mỗi người, mỗi nhà phải vót 2 loại chông - một loại chông địch đi lòng sục, một loại chông quân “Nhảy cóc” cùng với bố phòng các loại bẫy đá, hầm chông, băng cung...

Vừa sản xuất, vừa chiến đấu quân dân Phan Sơn thực hiện phương châm “Động là lính, bình là dân”, một mình gặp địch cũng đánh, mỗi tổ hoặc cả đội du kích gặp địch là đánh và đánh có hiệu quả.

Tiêu biểu là một số trận đánh máy bay và phục kích chặn đánh diệt bọn địch càn quét vào căn cứ K’Lon : Tháng 3 năm 1970 không như các lần trước, bay thấp sau khi máy bay do thám L.19 bắn rốc-két chỉ điểm, bọn giặc lái phản lực F.105 quần lượn đội bom hùng uy hiếp tinh thần đồng bào ta. Song, chúng không thể qua được tinh thần đề cao cảnh giác và bình tĩnh chiến đấu của quân và dân Phan Sơn. Bằng những phát súng trường lực lượng du kích đã bắn cháy và bắn rơi 4 chiếc máy bay ; trong đó có 2 chiếc F.105, 1 chiếc trực thăng “Tàu Gáo” và 1 chiếc máy bay “Dàn Hành”. Riêng chiếc “Dàn Hành” rơi tại núi É Kây và chiếc

Tàu Gáo rơi tại núi San La Kây (K'Lon). Số máy bay còn lại tìm đường bay thoát thân.

Vừa đánh trên không, vừa đánh mặt đất, lực lượng du kích phối hợp với bộ đội huyện C470 chặn đánh bọn lính càn quét, lùng sục vào buôn làng, nương rẫy.

Tháng 7 năm 1970, được sự chi viện của tổ du kích thôn 1 và thôn 2, tổ du kích thôn 3 đã chiến đấu gan dạ cả ngày với máy bay địch. Mặc dù bị thương, nhưng đồng chí Mang Bích cùng tổ du kích của mình đánh trả nhiều đợt phản kích dội bom phá hoại căn cứ.

Tháng 12 năm 1970, quân và dân Phan Sơn đã phối hợp với bộ đội địa phương chặn đánh bọn “Bảo An”, “Cộng Hòa” đổ quân xuống địa điểm Phó BLăng, diệt chục tên. Tiêu biểu là các đồng chí Mang Tài, Huỳnh Đôn, Mang Đa đã ngoan cường chiến đấu với 1 trung đội địch, diệt và làm bị thương 3 tên địch tại núi Ra Chin ; Riêng đồng chí Tài đã anh dũng hy sinh.

Tháng 7 năm 1971, Mỹ ngụy mở đợt càn quét vào căn cứ, có máy bay yểm trợ. Tại BLan-

Dang, lợi dụng trời tối chúng “Nhảy cóc” phục kích bắt và giết đồng chí Mang Vinh trên đường đi công tác về thôn.

Kiên quyết trả thù cho đồng đội, lực lượng du kích tổ chức đánh tập kích, diệt tại chỗ nhiều tên, buộc chúng phải rút quân.

Cũng trong tháng 7 này, phát hiện được mục tiêu 2 máy bay trực thăng tập trung bắn “Rốc két”, phóng pháo chụp, liền sau đó bị các đồng chí Mang Đa, Mang Đăng bắn cháy 1 “Dàn hành”, chiếc còn lại bay thoát thân.

Ngoan cố và liều lĩnh, sáng hôm sau giặc Mỹ lộng lộn trở lại với 3 phi đội máy bay gồm 9 chiếc trực thăng các loại, đánh phá điên cuồng từ 7 giờ sáng đến 2 giờ chiều.

Với sự mưu trí và lòng dũng cảm, lực lượng du kích đã bắn rơi tại chỗ 3 chiếc máy bay trực thăng và trong đó có 1 chiếc rơi tại Di Linh (Lâm Đồng).

Ở khu tập trung Trinh Hòa (Sông Mao), phong trào binh địch vận không ngừng dấy lên sôi nổi. Được tuyên truyền giác ngộ cách mạng

số anh em binh lính trong hàng ngũ địch đào
rã ngũ hoặc ra vùng giải phóng của ta sinh
sống ngày càng nhiều ở các điểm Tà Băng,
Đồng Măng... Tại đây, các tổ “Thanh niên bảo
vệ” được hình thành và hoạt động liên lạc nắm
tình hình địch cung cấp cho Đội công tác
Cà Giây.

Đầu năm 1972, huyện Phan Lý tăng cường
cán bộ xuống cơ sở địa bàn phía trước đẩy mạnh
hơn nữa hoạt động bám sát dân, bám sát địch.
Đồng chí Đặng Thanh Thùy thay thế đồng chí
Tám Ánh, làm đội trưởng Đội công tác Cà Giây.
Các đồng chí K'Roái K'Xiểu, Mang Sen, Mang
Cai, Mơ Dú, Mơ Đú, Mười Xá, Trần Thị Lan...
là những cơ sở nòng cốt bên trong, đã vận động,
tuyên truyền binh địch vận rải truyền đơn...
giành nhiều thắng lợi. Lực lượng cơ sở này đã
trực tiếp liên lạc, tiếp tế lương thực - thực phẩm,
văn phòng phẩm, dụng cụ thuốc men và vật
dụng cần thiết khác cho Đội công tác, các đơn
vị bộ đội và cơ quan huyện Phan Lý đóng trên
địa bàn căn cứ ; đồng thời chi viện tích cực
cho đồng bào miền núi gặp rất nhiều khó khăn
về đời sống kinh tế trong tình hình địch đánh
phá ác liệt.

Cùng với các mũi tiến công chính trị - binh vận, hoạt động quân sự không ngừng đẩy mạnh ở các điểm xung yếu của địch. Đội công tác Cà Giây đã phối hợp tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội huyện và bộ đội chủ lực liên tiếp đánh vào khu hậu cứ Sông Mao lần thứ 5 đến lần thứ 8, giành nhiều thắng lợi lớn, diệt hơn cả ngàn tên địch.

Cũng vào đầu năm 1972, một sự kiện trọng đại diễn ra trong đời sống chính trị của cán bộ và nhân dân toàn huyện Phan Lý. Đó là đại hội các dân tộc lần thứ II của huyện được tổ chức tại Suối Lạnh - một địa điểm thuộc vùng căn cứ miền núi nhằm đẩy mạnh việc tập hợp quần chúng trong tình hình mới. Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh, nhưng huyện chăm lo chu đáo cho gần 300 đại biểu đại diện cho các dân tộc Kinh, Chăm, Nùng, Răclay, K'Ho... cả về vật chất lẫn tinh thần. Trong những ngày đại hội, các đại biểu bàn bạc thống nhất đoàn kết các dân tộc, chống địch chia rẽ, động viên nhau kháng chiến thắng lợi.

Đêm về trên chiến khu đã gây nhiều ấn tượng sâu sắc trong đời sống văn hóa - tinh

thần của đại biểu. Tiếng đàn, tiếng nhạc với lời ca, điệu múa của nam, nữ diễn viên trẻ đẹp ca ngợi Đảng, Bác Hồ và tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân và dân ta đánh thắng giặc càng làm cho các đại biểu thêm phấn khởi, tin tưởng cách mạng.

Sau khi đại hội đại biểu huyện thành công tốt đẹp, xã Phan Sơn tiến hành Đại hội Chi bộ lần thứ III ; đồng thời tăng cường củng cố Chi bộ và chính quyền. Đồng chí Huỳnh Kiên được bầu làm Bí thư Chi bộ xã. Đồng chí Mang Đôn làm Chủ tịch xã, phụ trách khu vực miền núi, đồng chí Già Hóa làm Phó Chủ tịch xã. Đồng chí K'Điêu làm xã đội trưởng kiêm chính trị viên. Riêng đồng chí Bảy Hiền là cán bộ của huyện biệt phái xuống cơ sở nay rút về tăng cường phụ trách xã Phan Thanh.

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1972, bị thất bại liên tiếp trên các chiến trường Quảng Trị, Tây Nguyên... Mỹ ngụy buộc phải chuyển kế hoạch “Bình định đặc biệt”, “Bình định phát triển” hòng xoay chuyển tình thế.

Ở địa phương, bọn ngụy quyền quận Phan Lý Chàm tăng cường đơn quân, bắt lính để bổ

sung cho các lực lượng quân nguy đang thiếu hụt quân số. Đồng thời, địch mở 4 đợt càn quét vào căn cứ K'Lon, có sự yểm trợ của máy bay. Trong đó, có trận đánh huy động một trung đoàn hỗn hợp bộ binh với 20 máy bay các loại, tổ chức càn quét.

Cảnh giác và chủ động, quân và dân Phan Sơn đã ngoan cường chiến đấu, đẩy lùi nhiều đợt phản kích và diệt cả chục tên địch, bắn cháy nhiều máy bay, góp phần đẩy kế hoạch “Bình định” của chúng vào thế bị động đối phó và thất bại. Cùng với cuộc tiến công chiến lược của ta ở toàn miền Nam và thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong 12 ngày đêm đánh bại đợt phá hoại của không quân Mỹ, đã buộc địch ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam ngày 27 tháng 1 năm 1973. Cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi to lớn, hoàn thành nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút”, quyết tâm thực hiện lời chúc tết của Bác Hồ trước lúc ra đi :

- *“Vì độc lập, vì tự do*

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào

Tiến lên chiến sĩ đồng bào

Bắc Nam sum họp Xuân nào vui hơn” (1)

Giặc thua giặc chạy, máy bay giặc Mỹ ít đến ném bom, bắn phá buôn làng. Đồng bào căn cứ K’Lon nói với nhau : “Nó muốn bỏ đường bay qua đây rồi...”.

Thực hiện chủ trương của chi bộ và chính quyền trong tình hình mới là tiếp tục ổn định và phát triển cuộc sống, tăng gia sản xuất, xây dựng và bảo vệ căn cứ vững chắc. Nghe lời vận động của cán bộ, gần 50 hộ gia đình từ rừng sâu căn cứ lần lượt kéo nhau xuống chân núi Chớ RaMây để định canh định cư. Tại đây đồng bào làm đập, đắp bờ, khai hoang làm lúa nước. Vụ mùa cuối năm 1972 bội thu, đạt năng suất lúa từ 50 - 60 tạ/ha (hơn 1 tấn), đã thu hút đông đảo đồng bào trong xã tiếp tục đến đây làm ruộng, làm rẫy. Nhờ đó, đồng bào có cái ăn, cái để và dành phần tiết kiệm cho bộ đội ăn no, đánh thắng giặc.

(1) Lời thơ chúc tết của Bác Hồ năm 1969.

Ở địa bàn phía trước, toàn Đội công tác quán triệt tinh thần Hội nghị cuối năm 1972 của Huyện ủy Phan Lý về khả năng và giải pháp chuẩn bị cho Hiệp định Paris sắp được ký kết, kịp thời chỉ đạo cho lực lượng cơ sở bên trong may sẵn cờ Mặt trận, dán khẩu hiệu, rải truyền đơn khi Hiệp định có hiệu lực là hành động ; đồng thời phối hợp với các Đội công tác Hải Ninh, Châu Hanh, Cây Khâm, Xuân Quang... và bộ đội địa phương bám sát các mục tiêu, hỗ trợ đặc lực cho đồng bào nổi dậy cầm cờ giành đất, giành quyền làm chủ.

*

* *

V - PHÁT TRIỂN CUỘC SỐNG, BẢO VỆ CĂN CỨ, HỖ TRỢ TIỀN TUYẾN VÀ GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN KHU TẬP TRUNG TRINH HÒA, ĐƯA DÂN VỀ BUÔN CŨ (1973 - 1975).

Sáng ngày 28-01-1973, Hiệp định Paris có hiệu lực thi hành cũng là lúc cờ Mặt trận, khẩu hiệu, truyền đơn cách mạng xuất hiện khắp nơi

trước sự phẫn khởi tin tưởng của đồng bào trong vùng tạm kiểm soát của địch.

Tuy rút về nước, nhưng Mỹ vẫn viện trợ kinh tế, quân sự và giúp cố vấn cùng trang thiết bị hiện đại cho ngụy quyền Sài Gòn. Do đó, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố : “Không thực hiện ngừng bắn” và ra lệnh cho quân ngụy phản kích quyết liệt vào những vùng cách mạng vừa “Chôm” lên giành quyền làm chủ.

Thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định, liên tiếp trong 2 ngày 28 và 29-01-1973 bọn lính quận Phan Lý tổ chức lấn chiếm nhỏ cờ và khẩu hiệu của ta. Do không lường hết khả năng lấn chiếm của địch nên lực lượng cách mạng trong thời kỳ này có nơi, có lúc bị tổn thương đáng kể.

Trong vùng kiểm soát của địch, một mặt bọn địch ngăn cấm việc đi lại làm ăn của đồng bào và truy lùng cơ sở cách mạng hoặc bắt người có cảm tình với cách mạng đấu tranh phê phán chúng vi phạm không thi hành Hiệp định. Nhiều cơ sở nòng cốt của ta bị chúng bắt, trong đó có các đồng chí K'Roái, Trần Thị Lan...

Mặt khác, chúng buộc đồng bào phải vẽ cờ “ba que” trên các nóc nhà, phen nhà đi đôi với dùng chiến tranh tâm lý, gây sự hoài nghi về thắng lợi của Hiệp định.

Nhận rõ bản chất và âm mưu xảo quyệt của địch, Đội công tác tổ chức đột “ấp”, vũ trang tuyên truyền, răn đe nhiều tề điệp khu tập trung Trinh Hòa, hỗ trợ tích cực phong trào quần chúng đấu tranh đòi địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định ; đồng thời vận động những gia đình có người thân là chồng, con, em là lính ngụy hãy bỏ súng quay về với nhân dân, với cách mạng. Nhờ đó hơn 20 anh em trong hàng ngũ địch đã giác ngộ cách mạng, tham gia hoạt động cơ sở, làm nội ứng và cung cấp tình hình địch cho ta và cũng có anh em lính ngụy bỏ súng ra vùng tự do làm ăn.

Phong trào cơ sở được củng cố và phát triển. Nhiều cuộc đấu tranh liên tục chống địch kèm kẹp, đòi tự do đi lại làm ăn ở ruộng, rẫy xa ngày càng đông đảo bà con hưởng ứng sôi nổi. Đồng bào khu tập trung Trinh Hòa, Gia Hòa, Phú Nhiêu kể cả đồng bào Nùng, Tày, Chăm cũng lần lượt bung ra, cất chòi bám đất

sản xuất ở các điểm Bá Ghe, Cà Giây, Cây Khâm... Nơi đây, đã tập trung hình thành tổ chức họp chợ, trao đổi mua bán lương thực hàng hóa, thực phẩm, nhu yếu phẩm giữa miền ngược và miền xuôi, giữa vùng kiểm soát của địch với vùng tự do, giải phóng. Đồng bào có điều kiện thuận lợi trong việc tiếp xúc với cách mạng, thăm viếng bà con lẫn nhau. Riêng đồng bào các dân tộc Rắc Lay, K'Ho nhân cơ hội này vận động nhau bung về buôn làng căn cứ miền núi ngày càng đông hơn.

Năm 1974, thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, nhằm ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, động viên nam - nữ thanh niên hăng hái tình nguyện tham gia đi dân công tiếp lương, tải đạn phục vụ chiến trường và cử nhiều cán bộ, du kích hỗ trợ nhiều đợt cho Đội công tác Cà Giây, vũ trang tuyên truyền diệt ác, phá kềm, làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh chính trị - binh vận của quần chúng nhân dân. Phối hợp với bộ đội huyện phục kích chặn đánh bọn địch nống ra giành dân, chiếm đất và đốt phá lúa chín ngoài đồng của đồng bào, góp phần bảo vệ mùa Đông xuân 1974 - 1975 bội thu.

Đầu năm 1975, tình hình toàn miền Nam có những chuyển biến tích cực, ngụy quyền Sài Gòn đang dần dần suy yếu cùng tin chiến thắng của quân và dân huyện Tánh Linh và Hoài Đức ngày 19-3-1975 dội về càng cổ vũ khí thế đấu tranh cách mạng trên địa bàn huyện.

Tháng 4-1975, xuất phát từ nhận định của cấp trên về so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch, tình thế cách mạng đã cho phép Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa đánh cho ngụy nhào.

Thực hiện chủ trương của huyện và Đội công tác, lực lượng cơ sở thành lập Ban khởi nghĩa khu tập trung Trinh Hòa để có thời cơ đứng lên giành quyền làm chủ, giải phóng đồng bào thoát cảnh kềm kẹp của địch. Cơ sở và du kích mật phân công cụ thể lực lượng tiếp quản.

Liên tiếp trong 3 ngày 15, 16 và 17 tháng 4 năm 1975, tin quân ta giải phóng tỉnh Ninh Thuận, bọn địch ở các quận Hòa Đa, Phan Lý Chàm, Hải Ninh đã rệu rã, ra lệnh đốt hồ sơ, phá sập cầu Xóm Lụa (Chợ Lầu) ; đồng thời tìm đường thoát thân như rắn mất đầu.

Đúng 6 giờ sáng ngày 18 tháng 4 năm 1975, quân ta từ Ninh Thuận, theo đường quốc lộ 1 tiến vào địa phương. Cán bộ và quần chúng trong các khu tập trung nổi dậy khắp nơi, kêu gọi binh lính và sĩ quan ngụy quyên đầu hàng và ra trình diện với chính quyền cách mạng. Cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng phát phới tung bay khắp đồng bằng. Đồng bào các dân tộc anh em vô cùng hân hoan mừng hòa bình, mừng đại thắng mùa xuân 1975 lịch sử. Riêng đồng bào Rắclay, K'Ho còn lại trong khu tập trung Trinh Hòa hồ hởi kéo nhau về lại núi rừng ông bà cùng bà con vùng căn cứ K'Lon xây dựng cuộc sống mới trên quê hương Phan Sơn bất khuất.

*

* *

KẾT LUẬN

Phan Sơn ngày nay, là xã miền núi thuộc huyện Bắc Bình, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ được tỉnh Bình Thuận, Liên khu V và Liên khu VI chọn K'Lon làm

căn cứ. Nơi đây là cầu nối các tuyến giao thông liên lạc quan trọng giữa tỉnh Bình Thuận với các tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận ; đồng thời là bàn đạp của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương tập kết để từ đây đi chiến đấu.

Trong 9 năm chống Pháp, bọn địch đã dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, hù dọa đi đôi với càn quét, đốt phá buôn làng, nương rẫy của đồng bào, nhưng chưa lúc nào chúng cài cắm được bọn tay sai cũng như lập Ban tề ngụy xã.

Trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, Phan Sơn là căn cứ độc lập ; xa sự chỉ đạo của tỉnh, huyện, xa đồng bằng. Nằm ở vị trí chiến lược quan trọng nên địch tập trung đánh phá ác liệt địa bàn này bằng máy bay dội bom kể cả dùng chất độc rải thảm kết hợp với các binh chủng bộ binh càn quét hòng uy hiếp chia cắt căn cứ, phá tuyến hành lang giao thông của ta. Tuy địch đánh phá vô cùng khốc liệt, nhưng không thể nào lay chuyển được lòng dũng cảm, ý chí quật cường của quân và dân Phan Sơn.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, quân và dân Phan Sơn đã kiên cường bám đất, bám

buôn làng, vượt qua khó khăn thử thách, lập nên những thành tích vẻ vang. Từ tổ Đảng vài ba đồng chí tiến lên thành lập Chi bộ Đảng gồm 8 đồng chí trong kháng chiến chống Pháp và phát triển lên 20 đồng chí trong kháng chiến chống Mỹ, Chi bộ không ngừng xây dựng củng cố hệ thống chính trị, xây dựng lực lượng du kích và các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ... Đồng thời củng cố và phát triển thực lực về mọi mặt, vừa sản xuất tự cung tự cấp, vừa bám trụ đánh địch, bảo vệ nhân dân, giữ vững vùng căn cứ. Đặc biệt, địch không cài cắm được nội gián, gián điệp vào nội bộ ta.

Suốt 30 năm trường kỳ kháng chiến chống hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, quân và dân Phan Sơn đã đánh trên 400 trận lớn, nhỏ ; diệt và làm bị thương hơn 200 tên địch ; thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự. Trong thời kỳ đánh Mỹ, có 365 trận : trong đó đánh phối hợp 41 trận. Diệt và làm bị thương 136 tên, thu 30 súng các loại. Bắn cháy và bắn bị thương 53 chiếc máy bay các loại ; trong đó bắn rơi tại chỗ 25 chiếc. Đặc biệt 3 anh em Mang Đa bắn rơi và bắn bị thương 15 chiếc. Riêng Mang Đa

bắn rơi tại chỗ 13 chiếc, trở thành dũng sĩ diệt máy bay Mỹ nhiều nhất tỉnh và Khu VI lúc bấy giờ. Đồng chí đã được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 6-11-1978. Toàn đội du kích xã 25 chiến sĩ cũng đều đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt Mỹ”, được tỉnh và Quân khu VI nêu gương học tập.

Cùng với thành tích chiến đấu vẻ vang, trong kháng chiến nhân dân Phan Sơn đã chịu đựng ăn đứt bữa, đào củ rừng, lá rừng thay cơm để dành lương thực ủng hộ cách mạng. Đã cung cấp hàng trăm tấn lúa và mì, huy động trên 4.000 ngày công đi dân công tải thương, tải đạn, tải lương thực, phục vụ chiến đấu. Là một trong những xã miền núi của huyện Bắc Bình đóng góp nhiều sức người sức của cho cách mạng. Nhiều người đã liên tục, bền bỉ chiến đấu đánh địch đến cùng, bảo vệ buôn làng. Nhiều người thoát ly tham gia vào lực lượng vũ trang của huyện và tỉnh.

Quân và dân Phan Sơn đã biết kết hợp nhuần nhuyễn phong trào đấu tranh chính trị với công tác binh vận ; dùng phong tục tập quán buộc địch nhượng bộ, xuống thang bắn

phá vùng căn cứ để bà con làm nương rẫy. Phát động quần chúng trong vùng tạm kiểm soát của địch ở Sông Mao đấu tranh chống địch kèm kẹp, đưa dân về căn cứ tổ chức cuộc sống và chiến đấu suốt hai cuộc kháng chiến. Giác ngộ 1 trung đội “Dân vệ” địch trở thành các chiến sĩ du kích xã Phan Sơn. Ngoài ra, còn vận động 20 lính ngụy trở về buôn làng căn cứ.

Qua nhiều năm chiến đấu gian khổ và ác liệt, quân và dân Phan Sơn luôn giữ vững lá cờ đầu trong phong trào du kích chiến tranh của huyện, bám núi rừng đánh địch, giữ buôn làng, giữ vững vùng căn cứ.

Với những thành tích xuất sắc và đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, quân và dân Phan Sơn đã được tặng thưởng 8 huân chương giải phóng các loại và nhiều phần thưởng cao quý khác. Đặc biệt ngày 29-01-1996, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phan Sơn vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Những thắng lợi nêu trên là kết quả lãnh đạo qua các giai đoạn cách mạng của Đảng bộ huyện Bắc Bình trong hai cuộc kháng chiến mà trực tiếp là Chi bộ Đảng xã Phan Sơn với đội ngũ cán bộ, đảng viên luôn tiên phong, gương mẫu, vững vàng trước gian khổ, ác liệt và hy sinh, vận động sáng tạo chủ trương và sâu sát chỉ đạo cơ sở, dựa vào dân, dân tin Đảng, tạo nên sức mạnh chiến thắng.

Những thắng lợi đó, là đường lối chiến tranh nhân dân và chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, đã khơi dậy và phát huy những tiềm năng to lớn trong đồng bào các dân tộc Rắc Lay, K'Ho... là trận địa lòng dân và sự đoàn kết chặt chẽ cộng đồng các dân tộc anh em giữa miền núi và miền xuôi chung sống với nhau qua nhiều thời kỳ đấu tranh với thiên nhiên, với xã hội để tồn tại và phát triển trên vùng đất Bắc Bình này. Đến khi có sự lãnh đạo của Đảng thì mới có phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân và truyền thống gần bó lâu đời ấy không ngừng được kết tinh và phát huy mạnh mẽ trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm giành thắng lợi vẻ vang.

Những thắng lợi đó, là kết quả tổ chức và điều hành của chính quyền cách mạng được xây dựng và phát triển vững chắc trong vùng căn cứ K'Lon - Một địa bàn chiến lược không những vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ căn cứ tại chỗ mà còn tăng cường nhiều cán bộ, chiến sĩ cho địa bàn hoạt động vùng tạm kiểm soát của địch. Đồng thời kiên cường bám trụ đánh địch càn quét, giải tỏa bằng máy bay và bộ binh, đảm bảo việc thông tuyến hành lang giữa tỉnh Bình Thuận với các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận.

Phát huy truyền thống cách mạng hào hùng, Chi bộ và nhân dân Phan Sơn đã và đang vươn lên giành lấy ấm no, phần vinh và hạnh phúc trong hòa bình, góp phần cùng địa phương và cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Chính phủ là xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên quê hương miền núi anh hùng.

PHỤ LỤC

THÀNH TÍCH CỦA NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHAN SƠN HUYỆN BẮC BÌNH - ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

I - ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH :

Phan Sơn là một xã miền núi huyện Bắc Bình - Tỉnh Bình Thuận. Phía Đông và Đông Bắc giáp xã miền núi Phan Lâm, Tây giáp huyện Di Linh, Bắc giáp huyện Đức Trọng - Tỉnh Lâm Đồng, Nam giáp xã Sông Lũy, diện tích tự nhiên 15.489 ha, chủ yếu là rừng dày, rừng nhiều tầng và núi cao ; có khoảng 80 ha rẫy và 175 ha ruộng lúa nước. Địa hình rừng núi xã Phan Sơn khá phức tạp, rừng đầu nguồn nhiều tầng dây leo chằng chịt phủ trên những đồi núi cao trùng điệp, rất thuận lợi cho lực lượng vũ trang hành quân, trú quân, lập hậu cứ huấn luyện để hoạt động dài ngày trên cả 3 tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận.

Là một xã dân tộc chủ yếu là người Rắclay, K'Ho, dân số trước cách mạng tháng Tám năm

1945 khoảng 1.280 người, từ xã Oan TaLíp huyện Di Linh xuống lập bản và vẫn lấy tên là Oan TaLíp. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhân dân Phan Sơn kiên trì bám rừng, bám đất cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Hiện nay dân số 2.535 người với 424 hộ sống ở 4 thôn : thôn 1, thôn 2, thôn 3 và thôn 4 sống tập trung định canh định cư một điểm trên diện tích 24 ha, có chiều dài 1.000 m, rộng 240 m, nhà cửa làm dọc theo trục đường lớn qua xã. Thôn 3 tọa lạc cách xã 3 giờ đi bộ qua những đồi núi cao về hướng xã Phan Tiến. Dân Phan Sơn sống chủ yếu về nghề rẫy, ruộng, những tháng nông nhàn bà con lấy lâm thổ sản trong rừng bán, hoặc đổi muối, cá, gạo.

Trong thời kỳ chống Pháp, Phan Sơn được tỉnh Bình Thuận và Liên khu V chọn làm căn cứ, lấy tên là căn cứ K'Lon, lập tuyến đường dây hành lang đi Lâm Đồng, Ninh Thuận, về Hàm Thuận, về khu căn cứ Lê Hồng Phong. Nơi đây còn là bàn đạp của bộ đội Khu, Tỉnh tập kết để từ đây đi chiến đấu. Trong 9 năm kháng Pháp, giặc Pháp và bọn ngụy quyền ở huyện Phan Lý dùng mọi thủ đoạn mua chuộc,

hù dọa, càn quét, đốt phá nhưng chưa lúc nào cài cấy được tay sai và lập được ban tề nguy ở xã Phan Sơn.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Phan Sơn là 1 căn cứ độc lập, xa sự chỉ đạo của tỉnh, huyện, xa đồng bằng, nhưng bọn địch lại tập trung đánh phá bằng máy bay, phi pháo, càn quét, biệt kích Trường Sơn hòng uy hiếp, chia cắt căn cứ, phá tuyến hành lang, cắt đứt mạch máu giao thông với Lâm Đồng, Ninh Thuận và các tỉnh miền Nam. Là địa bàn chiến lược quan trọng, là cửa ngõ đi vào Tây Nguyên nên giữa ta và địch kiên quyết tranh giành địa điểm quan trọng này. Tuy bọn địch đánh phá ác liệt dùng chất độc hóa học rải thảm nhưng không thể thắng nổi lòng dũng cảm, ý chí kiên cường của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân Phan Sơn.

a) Về địch : Thực hiện kế hoạch đánh phá tuyến đường dây hành lang và căn cứ Phan Sơn, địch bố trí lực lượng gồm :

- Hậu cứ Sông Mao và Trung đoàn 44, sư đoàn 23.

- Một tiểu đoàn thiết xa vận M113 Mỹ.
- Trận địa pháo Sông Mao.
- Chi khu quân sự Hòa Đa.
- Chi khu quân sự Phan Lý.
- Chi khu quân sự Đran - Lâm Đồng.
- Chi khu quân sự Di Linh - Lâm Đồng.
- Lực lượng không quân, biệt kích.

b) Về ta :

- Tỉnh ủy Bình Thuận và Huyện ủy Hòa Đa, Phan Lý xác định Phan Sơn là căn cứ cách mạng, là hậu phương phía Bắc của tỉnh, là đầu mối đường dây hành lang quan trọng nên kiên quyết bảo vệ dân, xây dựng căn cứ cách mạng. Đặc biệt đã thực hiện thật tốt chính sách dân tộc từ kháng chiến chống Pháp, nên trong kháng chiến chống Mỹ, bà con vẫn tin tưởng vào Đảng và Cụ Hồ, không theo địch, không hợp tác với địch, một lòng son sắt đi theo cách mạng.

+ Chi bộ của xã gồm 8 đảng viên từ kháng chiến chống Pháp vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo và càng phát huy trong kháng chiến chống

Mỹ. Lực lượng du kích đã có 20 đồng chí thường xuyên phối hợp với C470 của huyện đánh càn, phá ấp chiến lược, diệt ác, trừ gian.

Suốt ba mươi năm chiến đấu, với tinh thần tự lực dũng cảm hy sinh, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phan Sơn dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng đã kiên cường, dũng cảm, bám đất, bám bản làng vượt qua khó khăn, thử thách lập nên những thành tích vẻ vang, góp phần cùng huyện, tỉnh và cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam.

II - THÀNH TÍCH TỔNG HỢP ĐẾN 30 THÁNG 4 NĂM 1975 :

a) Lực lượng vũ trang và du kích xã Phan Sơn đã đánh 156 trận lớn nhỏ, trong đó có 41 trận phối hợp, còn lại là đánh độc lập, tiêu diệt 365 tên giặc có lính Mỹ, lính ngụy, biệt kích Trường Sơn, thu gom 30 súng các loại và nhiều quân trang quân dụng khác. Phát động quần chúng đứng lên phá khu tập trung ở Sông Mao, Sông Lũy, bung về rừng núi căn cứ, tổ chức phá ấp chiến lược Trinh Hòa, đưa hàng trăm dân Phan Sơn về căn cứ, chế tạo ba ngàn

năm trăm bàn chông, năm vạn cây chông, hàng trăm bẫy đá để đánh địch.

Tháng mười năm 1954 khi tiếp quản huyện Phan Lý, quận trưởng Phan Lý Chàm và tên Thìn, Trưởng chi cảnh sát đưa lực lượng lên Phan Sơn, lập bộ máy ngụy quyền cơ sở. Trước khuyến cáo và răn đe của bọn địch, Chi bộ đã bàn với già làng, cử những đảng viên của ta ra giữ chức vụ chính quyền như: Xã đoàn trưởng, Xã đoàn phó, dân vệ, an ninh... Khi địch rút đi, mọi hoạt động của xã vẫn dưới sự lãnh đạo của chi bộ. Năm 1955 nhân dân Phan Sơn họp kiến nghị với Quận trưởng Phan Lý đòi hiệp thương, tuyển cử. Tên quận trưởng Phan Lý và Trưởng chi cảnh sát cũ nhiều tên lên rình rập, theo dõi, phát hiện cán bộ đảng viên nằm lại nhưng đều bắt lực. Khi địch mở chiến dịch "tố cộng" đợt 1, đợt 2, đợt 3 dưới vùng đồng bằng, nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt bị tù, các đồng chí lãnh đạo huyện Phan Lý như đồng chí Đặng Chế Hoa, Văn Quyền, Đào Bích rút lên Phan Sơn, chi bộ Phan Sơn cử đồng chí Mang Xi che chở, nuôi dưỡng. Bọn địch lên Phan Sơn tổ chức

học tập phát động "tố cộng", chúng chỉ tuyên truyền, xuyên tạc nói xấu cộng sản và lạng lẽ rút về. Âm mưu của địch là chia rẽ Kinh - Thượng, dùng vật chất mua chuộc đồng bào dân tộc, lập các tổ chức đảng phái "Cần lao nhân vị", "Phụ nữ liên đới", "Thanh niên cộng hòa" để kềm kẹp nhân dân. Nhưng với Phan Sơn, các tổ chức đó đều không tồn tại. Trước tình hình đó, năm 1963, địch quyết định lập 2 khu tập trung ở Sông Mao và Sông Lũy, xức hết dân về hai khu tập trung này. Tên Thìn, Trưởng chi cảnh sát dùng cảnh sát, quân đội, xe ủi, xe tải bắt dân đi. Nhân dân đấu tranh kiên quyết không về khu tập trung. Bọn chúng đàn áp, đánh đập dã man, dùng xe ủi nhà, bắt dân bỏ lên xe chở về Sông Mao và Sông Lũy. Ở đây không đầy một tháng do đói, rét, bệnh tật mà số dân chết đến 250 người. Bà con đấu tranh, đòi về buôn làng cũ, về cúng ông bà, nhân dân phá tung khu tập trung về lại Phan Sơn, bọn địch phải hỗ trợ. Việc cưỡng bức và di dân ngược phong tục tập quán của đồng bào dân tộc của địch chỉ khắc sâu thêm lòng căm giận của đồng bào với kẻ thù.

Tháng 7 năm 1963, tinh cử 1 lực lượng vũ trang do đồng chí Năm Hưng, Mười Danh, đồng chí Giáp ra hoạt động ở huyện Phan Lý, nhằm giải phóng Phan Sơn, lập lại khu căn cứ. Đồng chí Năm Hưng lập đội công tác gồm các đồng chí Cúc, Đồng, Tro, Thùy, Bảy Hiền móc nối, xây dựng cơ sở ở K'Lon, lập khu căn cứ Phan Sơn.

Chi bộ Phan Sơn xin ý kiến, đào số vũ khí cất giấu có 22 súng, thành lập trung đội du kích để bảo vệ dân bản, bảo vệ căn cứ.

Sau giải phóng K'Lon, ta tiến công tiêu diệt 1 trung đội địch lên chốt ở K'Lon. Bọn địch lại đưa 1 lực lượng lớn lên xúc dân ở Phan Sơn về khu tập trung Sông Mao. Ta bố trí lực lượng vũ trang hỗ trợ, giúp bà con phá khu tập trung, bung về lại bản làng cũ.

Trước tình hình bọn địch ở Lâm Đồng, Bình Thuận huy động lực lượng bộ binh, không quân đánh phá tan tành bản làng của bà con. Địch cho máy bay bắn phá cả ngày đêm. Bà con bỏ làng bản, tản vào rừng xây dựng làng kháng chiến, ở phân tán, mỗi nhóm từ 3 đến 5 gia

đình. Các tụ điểm dân cư có hầm tránh phi pháo, máy bay, có hầm cất giấu lương thực, xung quanh có cài chông, bẫy đá, chống địch càn quét, bắn phá.

Đầu năm 1964, du kích K'Lon tấn công giải phóng ấp Trinh Hòa, đưa hơn một trăm dân K'Lon xã Phan Sơn về căn cứ.

Năm 1965, du kích K'Lon phối hợp với C470 huyện Phan Lý giải phóng các ấp chiến lược : Châu Hanh, Thanh Khiết, Mai Lãn, Trí Thái, Cảnh Diển... giành quyền làm chủ xóm làng, góp phần đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ ngụy.

Năm 1965 - 1966 Mỹ đưa quân vào Bình Thuận. Đối với căn cứ Phan Sơn, năm 1967 quân Mỹ ngụy ở Bình Thuận, Lâm Đồng mở cuộc càn lớn vào căn cứ, đánh vào tuyến hành lang. Bọn địch dùng máy bay trực thăng thả yóc, đổ quân, máy bay phản lực ném bom, đánh phá, chúng đốt phá rẫy lúa, màu, triệt phá sản xuất của dân. Bộ binh càn sâu vào rừng đánh dân trong căn cứ. Du kích Phan Sơn đánh trả quyết liệt diệt hơn 100 tên Mỹ ngụy.

Lúc đầu, nhân dân và du kích rất sợ máy bay. Nhưng máy bay ngày càng đánh phá ác liệt, rẫy hoa màu bị tàn phá dân đói phải ăn lá bép, củ nần. Chi bộ quyết định xin huyện 6 khẩu súng bá đở để du kích bắn máy bay, nếu không đánh nó thì nó đánh mình chết. Trung đội du kích bắt đầu luyện tập bắn máy bay. Cuối 1967 đầu năm 1968 Mang Đa với 1 khẩu bá đở bắn 3 viên đạn, rơi tại chỗ 1 máy bay F.105 của Mỹ.

Từ đó phong trào bắn máy bay là một cuộc thi đua của dân quân du kích xã. Trong năm 1968 - 1969 toàn xã bắn rơi tại chỗ 27 máy bay, bắn bị thương 28 chiếc khác, trong đó 3 anh em Mang Đa bắn rơi 15 chiếc.

Năm 1978 Mang Đa được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, toàn xã có 25 dũng sĩ diệt máy bay.

Năm 1970, Mỹ lại đổ quân càn Phan Sơn, nhưng máy bay không dám bay thấp, không bắn phá rẫy của dân vì sợ du kích bắn rơi. Trận chống càn 1970, du kích Phan Sơn lại tiêu diệt hàng trăm tên Mỹ ngụy.

Từ năm 1972, địch ít càn quét đánh phá căn cứ Phan Sơn, du kích Phan Sơn phối hợp với bộ đội địa phương đi chiến đấu ở vùng đồng bằng. Ngày 17-4-1975 cùng với quân cả nước, quân dân Phan Lý đã giải phóng hoàn toàn quê hương.

b) Đấu tranh chính trị binh vận :

Thực hiện 3 mũi giáp công, chi bộ Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt chống hai lần xúc dân về khu tập trung Sông Mao và Sông Lũy, dùng lý lẽ, phong tục tập quán đấu tranh buộc địch phải nhượng bộ để bà con trở về buôn rẫy làm ăn.

Trên mặt trận binh vận, chi bộ đã vận động 20 lính người K'Ho, Rắclay bỏ ngũ trở về. Riêng trung đội dân vệ tại ấp Phan Sơn đều trở thành du kích ; Ông Mang Kiên xã đoàn trưởng thành xã đội trưởng, là Bí thư chi bộ xã. Chi bộ còn cử ông Mang Xi về làm việc ở phòng dân vệ của quận, do đó mọi kế hoạch của địch, ở căn cứ đều biết trước và có kế hoạch ứng phó kịp thời.

c) Thành tích đóng góp sức người sức của :

Phan Sơn đã đóng góp hàng trăm tấn mì cho cách mạng. Đồng bào ăn lá bép, củ nân, nhưng lương thực vẫn cất giấu dành nuôi bộ đội, cán bộ huyện, tỉnh.

Xã còn huy động hơn 4.000 ngày công để tham gia gùi gạo, đạn, muối phục vụ cho các trạm và phục vụ chiến đấu của bộ đội.

Nằm trên tuyến hành lang, các đoàn khách qua nơi đây đều an toàn, đưa đón cán bộ, bộ đội từ Bắc vào Nam và từ Nam ra Bắc, nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội bệnh tật phải nằm lại dọc đường. Nhắc đến Phan Sơn còn đọng lại ở mỗi người đã từng sống chiến đấu tại đây nỗi niềm thương nhớ và kính phục.

III - THÀNH TÍCH CÓ Ý NGHĨA ĐẶC BIỆT :

Phan Sơn là một xã vùng núi và dân tộc, là căn cứ độc lập xa tỉnh, huyện, là đường hành lang chiến lược quan trọng của Tỉnh và Khu. Mặc dù bị địch đánh phá, nhưng lòng dân chỉ tin và đi theo Đảng và Bác Hồ, kiên trì bám

đất, bám rừng, anh dũng đánh địch, vượt qua muôn ngàn khó khăn thử thách đến ngày giải phóng.

Toàn xã lớn, bé, già trẻ, gái trai đều đánh giặc, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân đã lập nên những thành tích đặc biệt sau đây :

1. Về thành tích chiến đấu :

Với tinh thần tự lực, tự cường, du kích Phan Sơn dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, biết phát động chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, cướp súng giặc, tự tạo súng đạn, công, mìn, cạm bẫy để đánh địch. Đánh địch khắp nơi, địch bước vào rừng căn cứ là run sợ, khiếp đảm. Trong chiến đấu đã xuất hiện các tấm gương dũng cảm : Mang Đa, Mang Kha, Mang Đăng, dũng sĩ diệt máy bay, Mang Đa là anh hùng. Toàn đội du kích có 25 đồng chí thì toàn bộ là dũng sĩ diệt Mỹ. Du kích Phan Sơn chiến đấu dũng cảm, lập chiến công xuất sắc.

2. Thành tích xây dựng cơ sở, đấu tranh chính trị binh vận :

Chi bộ Đảng từ 8 đồng chí trong chống Pháp phát triển lên 20 đồng chí, trong chống

Mỹ đã xây dựng lực lượng du kích, thanh niên, phụ nữ, bám trụ chiến đấu vững vàng 21 năm gian khổ. Đặc biệt còn phát động quần chúng đấu tranh phá khu tập trung, đưa dân về căn cứ, tổ chức cuộc sống và chiến đấu cho toàn xã suốt cuộc kháng chiến. Chi bộ còn mạnh dạn đưa đảng viên về làm ở phòng dân vệ, để nắm chắc tình hình địch, bảo đảm tin tức và sẵn sàng ứng phó với mọi tình hình.

Đặc biệt địch không cài cắm, tung nội gián, gián điệp vào nội bộ ta được. Chi bộ Đảng lãnh đạo xuyên suốt toàn diện từ sản xuất tự cấp, tự túc, đến tổ chức chiến đấu, bảo vệ căn cứ, bảo vệ nhân dân.

Tuy diệt địch chưa nhiều nhưng lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân xã Phan Sơn đã xây dựng giữ vững vùng căn cứ đứng vững trên địa bàn chiến lược quan trọng này đến ngày toàn thắng.

IV - THÀNH TÍCH TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG ĐẾN NAY :

Ngay từ sau ngày giải phóng, cấp ủy, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân

dân xã Phan Sơn bắt tay vào khắc phục hậu quả của chiến tranh để lại, ổn định đời sống, từng bước xóa đói giảm nghèo, tích lũy để xây dựng cơ sở hạ tầng cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội làm cơ sở cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng nhân dân vững mạnh.

Sau năm 1975 xã Phan Sơn khôi phục và phát triển kinh tế : Với điểm xuất phát lạc hậu, do chiến tranh để lại. Để ổn định sản xuất và đời sống, cấp ủy vận động đồng bào sống định canh, định cư, bỏ tập quán du canh và làm lúa nước với áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Nhờ đó mà 19 năm, cuộc sống đã dần ổn định, có hộ cải thiện. Tổng sản phẩm tăng hàng năm 3%. Nông nghiệp tăng 2% (nhờ trồng lúa ngắn ngày). Do đó hộ đói giảm dần.

- Về kết cấu hạ tầng : Con đường Phan Sơn đến Sông Mao đang thi công, xã xây 10 phòng học, 1 nhà mẫu giáo, 1 trạm xá, 1 nhà làm việc của cấp ủy chính quyền xã.

- Về văn hóa : Là xã 3 năm liền giữ lá cờ đầu về bổ túc văn hóa của tỉnh, hiện nay

đã thực hiện xong chương trình xóa mù và phổ cập cấp I, thà đói gạo chứ không thể đói chữ.

Trạm xá xã có 1 phòng xét nghiệm sốt rét, bệnh sốt rét đang bị đẩy lùi. Tỷ lệ sinh bình quân giảm 0,03%. Đời sống văn hóa tinh thần được chú trọng. Xã có 1 trạm truyền thanh, 2 đầu máy video, 50% dân có cassette. Lực lượng vũ trang sau giải phóng không ngừng củng cố và phát triển. Liên tục tham gia truy quét bảo vệ tuyến núi, truy bắt bọn Fulro Tô-Níc Đen. Tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 4% dân số, huấn luyện đạt kết quả, nhiều năm là lá cờ đầu của huyện.

Trải qua 30 năm chiến đấu và xây dựng, chi bộ xã có 20 đảng viên, lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân không ngừng lớn mạnh. Chi bộ là trung tâm đoàn kết, tập trung ý chí của nhân dân, quyết đưa xã thoát khỏi đói, nghèo, từng bước đi lên dân giàu nước mạnh.

V - KHEN THƯỞNG :

Với những chiến công do nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân lập được, Nhà nước

và Quân đội đã tặng thưởng các danh hiệu và huân chương sau :

- Mang Đa : Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

- Toàn xã : 1 Huân chương độc lập hạng 2.

2 Huân chương chiến công giải phóng hạng 1.

2 Huân chương chiến công giải phóng hạng 2.

2 Huân chương chiến công giải phóng hạng 3

- Cá nhân : 1 Huân chương độc lập hạng 3.

2 Huân chương quân công hạng 3.

5 Huân chương chiến công hạng 1.

30 Huân chương chiến công hạng 2.

38 Huân chương chiến công hạng 3.

- Liệt sĩ : 07.

- Thương binh : 01.

- Gia đình liệt sĩ, thương binh, có công cách mạng : 35.

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng : 02.

ĐỒNG CHÍ : MANG ĐA

Đồng chí Mang Đa sinh năm 1948, dân tộc Rắclay, quê ở xã K'Lon, huyện Phan Lý, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình), tham gia cách mạng năm 1963, khi được huyện tuyên dương Anh hùng là xã đội trưởng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Quê hương của đồng chí vốn là một xã căn cứ cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cha đồng chí làm cán bộ thôn, cả nhà đều tham gia kháng chiến. Những ngày đầu của thời kỳ chống Mỹ, K'Lon vẫn là vùng căn cứ của ta. Đến đầu năm 1963 trong cái gọi là “Chiến dịch Sơn Dương 1 và 2” hòng xóa sạch các vùng căn cứ của ta, địch đưa quân lên K'Lon càn quét, xức hết dân xã này về ấp chiến lược Sông Mao. Đến giữa năm 1963, đồng chí Nguyễn Hữu Ích, Phó Ban cán sự Bắc Sơn về móc nối lại với gia đình Mang Đa, đồng thời vận động bà con bỏ ấp chiến lược trở về làng cũ, lập căn cứ chống giặc. Đồng chí đã gia nhập vào lực lượng cách mạng và được cử làm tổ trưởng tổ du kích của căn cứ K'Lon.

Trưởng thành từ một du kích xã, đồng chí luôn gắn bó với quần chúng, cùng với cán bộ Đảng hướng dẫn và tổ chức quần chúng sản xuất, chiến đấu, rào làng chống giặc, bảo vệ căn cứ. Qua 10 năm chiến đấu, xã K'Lon thành một điểm tựa vững chắc của huyện Phan Lý, chiến đấu với không quân địch bằng vũ khí bộ binh và đã gây cho chúng nhiều thất bại thảm hại. Toàn xã bắn rơi 26 chiếc máy bay, riêng đồng chí với khẩu súng trường trong tay đã hạ tại chỗ 15 chiếc các loại, một trong những người bắn rơi nhiều máy bay Mỹ nhất toàn tỉnh lúc bấy giờ.

Ngoài nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ căn cứ, đồng chí còn tham gia chiến đấu với các đơn vị bạn 16 trận, diệt 7 tên, bắt sống 6 tên thám báo, thu 7 súng các loại, đi dân công phục vụ các chiến trường 763 ngày, ủng hộ cách mạng 1.552 kg lương thực (thóc bắp và mì), vận động 20 gia đình trốn khỏi ấp chiến lược trở về làng đất cũ làm ăn.

Đồng chí được tặng thưởng 1 Huân chương chiến công hạng 3, bốn lần đạt danh hiệu “Dũng sĩ diệt máy bay Mỹ” năm 1969 và năm 1974

được bầu là chiến sĩ thi đua của tỉnh và của quân khu VI.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, đồng chí được Quốc hội tuyên dương danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, từ đó đến nay đồng chí hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao ở địa phương.

MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRẦN THỊ TRÀNG

(1932 - 1990)

PHAN SƠN - BẮC BÌNH

Con độc nhất là liệt sĩ

Mẹ tên thật là Mơ Tràng, người dân tộc Răclay thuộc xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình, chồng là ông Mang Ới cùng quê với mẹ.

Thời kháng chiến chống Pháp, K'Lon (Phan Sơn) là căn cứ của huyện Phan Lý Chàm. Vợ chồng mẹ sống trên vùng đất ấy đã nhiều năm và tham gia sản xuất, vót chông, đi dân công phục vụ kháng chiến. Năm 1950, mẹ sinh người con trai là Huỳnh Đài (còn gọi là Mang · Đài).

Vùng Kà Lon là căn cứ kháng chiến của huyện Phan Lý Chàm nên đã trở thành mục tiêu đánh phá ác liệt của địch. Năm 1964, theo chủ trương của huyện, dân căn cứ từ K'Lon được chuyển lên Cà Tường (ngày nay thuộc tỉnh Lâm Đồng) xây dựng vùng căn cứ mới. Gia đình mẹ đến vùng đất mới chưa đầy một

năm thì chồng mẹ qua đời. Một mình vừa nuôi con, vừa lo công tác cách mạng.

Năm 1966, Huỳnh Đài vừa tròn 16 tuổi, mẹ cho anh tham gia du kích xã căn cứ. Tuy tuổi còn nhỏ, nhưng Huỳnh Đài làm những nhiệm vụ như một thanh niên trưởng thành. Anh tham gia canh gác, liên lạc, cắm chông, gài mìn bố phòng chống địch tràn vào căn cứ. Tháng 2-1969, khi đang làm nhiệm vụ gài bom bi trong tuyến bố phòng của xã, không may bị bom nổ, anh hy sinh.

Thành tích và sự cống hiến của mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng III. Ngày 17-12-1994, mẹ được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG : MƠ ĐƠ

(1913 - 1989)

XÃ PHAN SƠN - HUYỆN BẮC BÌNH

3 con là liệt sĩ

Mẹ Mơ Đơ về sinh sống ở xã Phan Sơn trong thời kỳ chống Mỹ, có chồng là ông K'Bai người cùng buôn làng. Mẹ thuộc dân tộc K'Ho và có 3 người con là liệt sĩ, được Nhà nước truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng ngày 27-8-1995. Tuy Mẹ không còn nữa nhưng danh hiệu cao quý đó luôn tô đẹp thêm lịch sử truyền thống cách mạng hào hùng của địa phương, buôn làng trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Người con trai lớn của Mẹ là anh K'Bi sinh năm 1930, thoát ly tháng 2 năm 1965 ở cơ quan an ninh tỉnh Lâm Đồng. Trong một ngày của tháng 5 năm 1971, anh đi công tác phát động phong trào quần chúng không may bị địch phục kích bắn chết tại Gia Lãnh - Di Linh. Thi hài của anh, hiện nay chưa tìm được.

Người con trai thứ hai, anh K' Bệ sinh năm 1940, thoát ly tháng 2 năm 1963 là nhân viên đơn vị K3 cơ quan an ninh huyện Di Linh - Tỉnh Lâm Đồng. Hai năm sau anh hy sinh trong trường hợp chuyển những người giam giữ cải tạo về tỉnh, trên đường bị địch phục kích bắn chết.

Người con trai thứ ba là anh K' Biểu sinh năm 1951, tham gia cách mạng năm 17 tuổi là chiến sĩ giao liên huyện Di Linh. Trên đường đi làm nhiệm vụ anh bị địch phục kích và hy sinh ngày 27 tháng 7 năm 1971.

Quê hương được giải phóng - ước mơ của Mẹ ngày nào nay đã trở thành hiện thực. Hình ảnh Mẹ sống mãi trong lòng người Raclay nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ PHAN SƠN

Số TT	Họ và tên liệt sĩ	Thời kỳ	Ghi chú
1	Mang Tài	Chống Mỹ	
2	Mang Rằm	Chống Mỹ	
3	Mang Vinh	Chống Mỹ	
4	Mang Giáp	Chống Mỹ	
5	Mang Đài	Chống Mỹ	
6	K' Bê	Chống Mỹ	
7	K' Bi	Chống Mỹ	
8	K' Biểu	Chống Mỹ	

MỤC LỤC

- Lời nói đầu.	5
- Phần thứ nhất. Vùng đất và con người Phan Sơn.	7
- Phần thứ hai : Phan Sơn 30 năm kháng chiến chống giặc ngoại xâm. (1945 - 1975).	23
I - Sau cách mạng tháng Tám, xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân (1945 - 1946).	23
II - Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của nhân dân Phan Sơn (1946 - 1954).	29
III - Đấu tranh chính trị, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Xây dựng và bảo vệ căn cứ, giải phóng K'Lon (1954 - 1965).	55
IV - Ổn định cuộc sống, củng cố và xây dựng hệ thống chính trị, bảo vệ căn cứ và đẩy mạnh phong trào du kích bắn máy bay (1966 - 1972).	96

V - Phát triển cuộc sống, bảo vệ căn cứ, hỗ trợ tiền tuyến và góp phần giải phóng hoàn toàn khu tập trung Trinh Hòa đưa dân về buôn cũ (1973 - 1975). 129

Kết luận. 134

Phụ lục. 141

- Thành tích của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. 141

- Anh hùng Mang Đa. 158

- Mẹ Việt Nam anh hùng Trần Thị Tràng. 161

- Mẹ Việt Nam anh hùng Mơ Đơ. 163

- Danh sách liệt sĩ xã Phan Sơn. 165

SÁCH THAM KHẢO

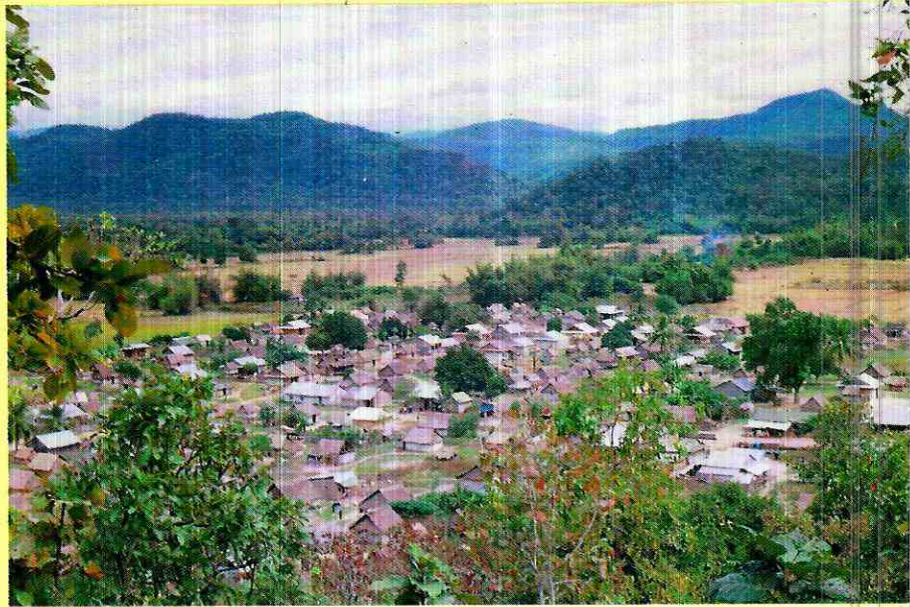
1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận.
2. Bắc Bình truyền thống đấu tranh cách mạng (1930 - 1975).
3. Lịch sử Việt Nam tập I, xuất bản 1971.
4. Nam Trung Bộ kháng chiến.
5. Hồi ký “Vùng đất kiên trung” của đồng chí Lê Văn Hiến - Bí thư Tỉnh ủy (Thuận Hải).
6. Hồi ký “Cuộc đời và sự nghiệp” của Thiếu tướng Phạm Hoài Chương.
7. Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân các dân tộc huyện Di Linh (1930 - 1975).
8. Lịch sử 5 - Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân xã Đinh Trang Thượng - Di Linh - Lâm Đồng - xuất bản 1995.
9. Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Bình Thuận - xuất bản 1997.
10. Tư liệu Hội thảo lịch sử huyện Bắc Bình năm 1983.
11. Năm mươi năm hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam - Tr 152.
12. Tổng kết cuộc kháng chiến, cứu nước của Quân khu VI - Tr 28, 29.

In 1.000 cuốn - Khổ 13 x 19 tại Xí nghiệp in Bình
Thuận - Giấy phép xuất bản số 058/GPXB do Sở
VHTT Bình Thuận cấp ngày 9-6-1999.

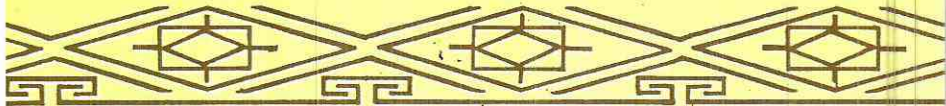
THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY
540 EAST 57TH STREET
CHICAGO, ILL. 60637



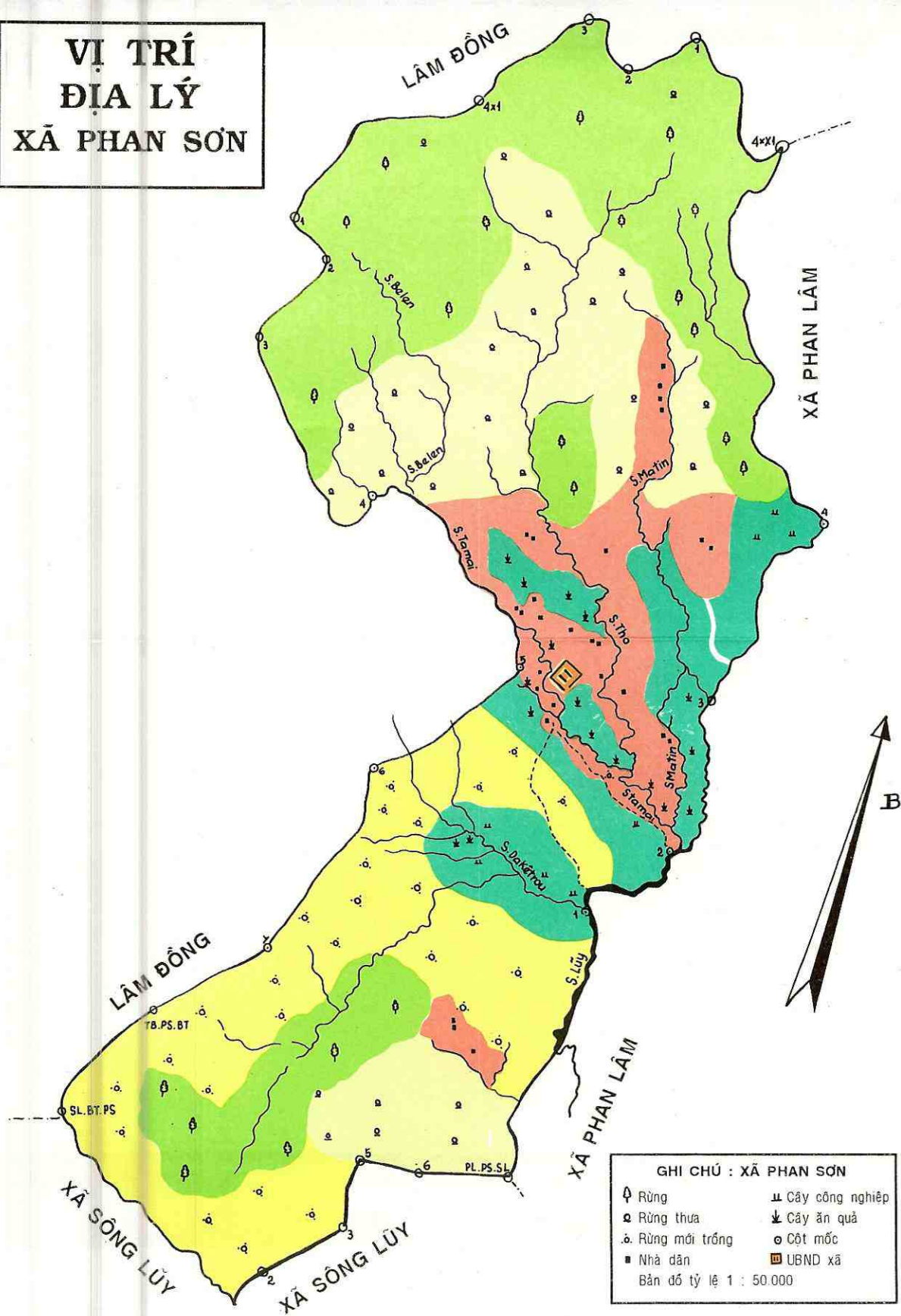
Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND xã Phan Sơn.



Toàn cảnh Phan Sơn.



**VỊ TRÍ
ĐỊA LÝ
XÃ PHAN SƠN**



GHI CHÚ : XÃ PHAN SƠN

- | | |
|------------------|-------------------|
| ♣ Rừng | ⊥ Cây công nghiệp |
| ⊠ Rừng thưa | ⚓ Cây ăn quả |
| ◦ Rừng mới trồng | ○ Cột mốc |
| ■ Nhà dân | ▣ UBND xã |
- Bản đồ tỷ lệ 1 : 50.000